

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

---

**Vũ Ngọc Ái Vy**

**BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ  
CỦA MỘT SỐ ĐỘI TUYỂN THỂ THAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

---

**Vũ Ngọc Ái Vy**

**BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ  
CỦA MỘT SỐ ĐỘI TUYỂN THỂ THAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: **Tâm lý học**  
Mã số: **60 31 04 01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. BÙI NGỌC OÁNH**

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2013**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong các công trình khác.

**Học viên**

**Vũ Ngọc Ái Vy**

## LỜI CẢM ƠN

Với lòng chân thành, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến:

- PGS. TS. Bùi Ngọc Oánh đã hướng dẫn, động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn.
- Quý Thầy Cô khoa Tâm lý – Giáo dục, trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập.
- Ban huấn luyện và vận động viên các đội tuyển đã hỗ trợ tôi trong việc thu thập số liệu, thông tin.

**Vũ Ngọc Ái Vy**

# MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| Trang phụ bìa   |    |
| Lời cam đoan  |    |
| Lời cảm ơn  |    |
| Mục lục   |    |
| Danh mục các chữ viết tắt   |    |
| Danh mục các bảng   |    |
| Danh mục các biểu đồ  |    |
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| <b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN</b> .....  | 8  |
| 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....  | 8  |
| 1.1.1. Lịch sử nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở nước ngoài .....                           | 8  |
| 1.1.2. Lịch sử nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở Việt Nam.....                              | 11 |
| 1.2. Những vấn đề lý luận liên quan .....   | 17 |
| 1.2.1. Tập thể.....   | 17 |
| 1.2.2. Tập thể đội tuyển thể thao.....  | 21 |
| 1.3. Bầu không khí tâm lý.....  | 25 |
| 1.3.1. Nguồn gốc hình thành bầu không khí tâm lý tập thể.....                               | 28 |
| 1.3.2. Quá trình hình thành bầu không khí tâm lý tập thể .....                              | 28 |
| 1.3.3. Nội dung bầu không khí tâm lý tập thể.....   | 29 |
| 1.4. Bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao .....  | 30 |
| 1.4.1. Định nghĩa.....  | 30 |
| 1.4.2. Quá trình hình thành bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao ....                    | 31 |
| 1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao. 33                 |    |
| 1.4.4. Các thành phần trong bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao ..                      | 36 |
| 1.4.5. Biểu hiện cụ thể của bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao.....                    | 37 |
| <b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....  | 43 |
| <b>Chương 2: THỰC TRẠNG BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ MỘT SỐ ĐỘI TUYỂN THỂ THAO TẠI TP.HCM</b> ..... | 44 |

|  |           |
|--|-----------|
| 2.1. Tổng quan về bầu không khí tâm lý một số đội tuyển thể thao tại thành phố Hồ Chí Minh ..... | 44        |
| 2.1.1. Đội tuyển Muay.....   | 45        |
| 2.1.2. Đội tuyển Pencaksilat.....  | 47        |
| 2.1.3. Đội tuyển Judo .....  | 49        |
| 2.1.4. Đội tuyển Karatedo .....  | 50        |
| 2.1.5. Đội tuyển Taekwondo.....  | 52        |
| 2.1.6. Đội tuyển Boxing .....  | 54        |
| 2.2. Xem xét cụ thể từng nhóm thái độ trong mỗi đội tuyển.....                                   | 55        |
| 2.2.1. Nhóm thái độ đối với huấn luyện viên.....   | 55        |
| 2.2.2. Nhóm thái độ đối với đồng đội .....   | 62        |
| 2.2.3. Nhóm thái độ đối với việc tập luyện.....  | 68        |
| 2.2.4. Nhóm thái độ đối với bản thân.....  | 74        |
| 2.3. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý giữa các nhóm đối tượng.....                           | 79        |
| 2.3.1. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo giới tính .....                                 | 79        |
| 2.3.2. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo tuyển.....                                      | 80        |
| 2.3.3. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo thành tích.....                                 | 80        |
| 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý.....  | 83        |
| 2.4.1. Chế độ tập luyện – đãi ngộ.....   | 83        |
| 2.4.2. Sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong đội.....                                    | 84        |
| 2.4.3. Đặc điểm tính cách của vận động viên .....  | 86        |
| 2.5. Một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao..                        | 87        |
| 2.5.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp .....   | 87        |
| 2.5.2. Đề xuất một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao .....          | 88        |
| <b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>  | <b>90</b> |
| <b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>   | <b>91</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>  | <b>95</b> |
| <b>PHỤ LỤC</b>   |           |

## **DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT**

|        |   |                       |
|--------|---|-----------------------|
| BKKTL  | : | Bầu không khí tâm lý  |
| ĐLC    | : | Độ lệch chuẩn         |
| ĐTB    | : | Điểm trung bình       |
| HLV    | : | Huấn luyện viên       |
| HSTQ   | : | Hệ số tương quan      |
| Sig    | : | Mức ý nghĩa           |
| TĐ đ/v | : | Thái độ đối với       |
| Tp.HCM | : | Thành phố Hồ Chí Minh |
| VĐV    | : | Vận động viên         |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

|            |  |    |
|------------|--|----|
| Bảng 1.1:  | Mô tả về khách thể nghiên cứu thực trạng .....                           | 3  |
| Bảng 2.1:  | Tổng quan về bầu không khí tâm lý các đội tuyển thể thao tại Tp.HCM..... | 44 |
| Bảng 2.2:  | ĐTB và ĐLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Muay.....                   | 45 |
| Bảng 2.3:  | HSTQ giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Muay.....                         | 46 |
| Bảng 2.4:  | ĐTB và ĐLC ở từng nhóm TĐ của đội tuyển Pencaksilat.....                 | 47 |
| Bảng 2.5:  | HSTQ giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Pencaksilat.....                  | 48 |
| Bảng 2.6:  | ĐTB và ĐLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Judo.....                   | 49 |
| Bảng 2.7:  | Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Judo.....             | 50 |
| Bảng 2.8:  | ĐTB và ĐLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Karatedo.....               | 50 |
| Bảng 2.9:  | HSTQ giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Karatedo .....                    | 51 |
| Bảng 2.10: | ĐTB và ĐLC ở từng nhóm TĐ của đội tuyển Taekwondo.....                   | 52 |
| Bảng 2.11: | HSTQ giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Taekwondo .....                   | 53 |
| Bảng 2.12: | ĐTB và ĐLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Boxing .....                | 54 |
| Bảng 2.13: | HSTQ giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Boxing .....                      | 55 |
| Bảng 2.14: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv HLV ở đội tuyển Muay.....                      | 55 |
| Bảng 2.15: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv HLV ở đội tuyển Pencaksilat.....               | 56 |
| Bảng 2.16: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv HLV ở đội tuyển Judo .....                     | 58 |
| Bảng 2.17: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv HLV ở đội tuyển Karatedo .....                 | 59 |
| Bảng 2.18: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv HLV ở đội tuyển Taekwondo....                  | 60 |
| Bảng 2.19: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv HLV ở đội tuyển Boxing .....                   | 61 |
| Bảng 2.20: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv đồng đội ở đội tuyển Muay.....                 | 62 |
| Bảng 2.21: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv đồng đội ở đội Pencaksilat.....                | 63 |
| Bảng 2.22: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv đồng đội ở đội tuyển Judo.....                 | 64 |
| Bảng 2.23: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv đồng đội ở đội tuyển Karatedo.....             | 65 |
| Bảng 2.24: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv đồng đội ở đội Taekwondo.....                  | 66 |
| Bảng 2.25: | Xem xét cụ thể TĐ đv đồng đội ở đội tuyển Boxing .....                   | 67 |



|            |  |    |
|------------|--|----|
| Bảng 2.26: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv việc luyện tập ở đội Muay .....                            | 68 |
| Bảng 2.27: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv việc luyện tập ở đội Pencaksilat .....                     | 69 |
| Bảng 2.28: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv việc luyện tập ở đội Judo.....                             | 70 |
| Bảng 2.29: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv việc luyện tập ở đội Karatedo...                           | 71 |
| Bảng 2.30: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv việc luyện tập ở đội Taekwondo.....                        | 72 |
| Bảng 2.31: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv việc luyện tập ở đội Boxing.....                           | 73 |
| Bảng 2.32: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv bản thân ở đội Muay.....                                   | 74 |
| Bảng 2.33: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv bản thân ở đội Pencaksilat .....                           | 75 |
| Bảng 2.33: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv bản thân ở đội tuyển Judo.....                             | 76 |
| Bảng 2.34: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv bản thân ở đội Karatedo.....                               | 77 |
| Bảng 2.35: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv bản thân ở đội Taekwondo.....                              | 77 |
| Bảng 2.36: | Xem xét cụ thể nhóm TĐ đv bản thân ở đội tuyển Boxing.....                           | 78 |
| Bảng 2.37: | Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo giới tính.....                             | 79 |
| Bảng 2.38: | Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo tuyển.....                                 | 80 |
| Bảng 2.39: | Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo thành tích.....                            | 80 |
| Bảng 2.40: | Sự khác biệt cụ thể ở từng nhóm thái độ xem xét theo thành tích.....                 | 81 |
| Bảng 2.41: | Sự khác biệt trong nhóm thái độ đối với việc luyện tập, xem xét theo thành tích..... | 82 |
| Bảng 2.42: | Tương quan giữa chế độ tập luyện – đãi ngộ với từng nhóm thái độ .....               | 83 |
| Bảng 2.43: | Tương quan giữa các yếu tố trong sự tương hợp tâm lý với từng nhóm thái độ .....     | 84 |
| Bảng 2.44: | Tương quan giữa đặc điểm tính cách của vận động viên với từng nhóm thái độ.....      | 86 |

## **DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ**

|   |    |
|---|----|
| Biểu đồ 2.1: Điểm trung bình từng nhóm TĐ của đội tuyển Muay.....         | 46 |
| Biểu đồ 2.2: Điểm trung bình từng nhóm TĐ của đội tuyển Pencaksilat ..... | 47 |
| Biểu đồ 2.3: Điểm trung bình từng nhóm TĐ của đội tuyển Judo.....         | 49 |
| Biểu đồ 2.4: Điểm trung bình từng nhóm TĐ của đội tuyển Karatedo.....     | 51 |
| Biểu đồ 2.5: Điểm trung bình từng nhóm TĐ của đội tuyển Taekwondo .....   | 52 |
| Biểu đồ 2.6: Điểm trung bình từng nhóm TĐ của đội tuyển Boxing.....       | 54 |

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Dân cường thì nước mới thịnh, có thể nói, tầm quan trọng của việc luyện tập thể dục thể thao chính là đem lại cho mỗi cá nhân một cơ thể khỏe mạnh, minh mẫn, rèn luyện ý chí, nghị lực và nâng cao sự liên kết cộng đồng. Ở tầm quốc gia, các hoạt động thể dục thể thao giúp củng cố niềm tự hào dân tộc, sự đoàn kết nhân dân và thúc đẩy sự tiến bộ.

Trong chiến lược phát triển thể thao của mỗi quốc gia, công tác xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của thể thao thành tích cao luôn là mối quan tâm hàng đầu của các ban ngành, đoàn thể có liên quan mà nòng cốt trong đó chính là sự chăm lo, phát triển các đội tuyển của từng môn thể thao.

Được xem là đơn vị tế bào của thể thao thành tích cao, mỗi đội tuyển thể thao là một tập thể được tổ chức chặt chẽ, trong đó các vận động viên cùng sinh hoạt, tập luyện để hướng đến mục tiêu đạt được thành tích cao nhất. Cũng từ tập thể đó, các hiện tượng tâm lý chung như ý thức tập thể, dư luận tập thể, ý chí tập thể, sự lây lan, bắt chước, bầu không khí tâm lý... nảy sinh. Việc quan tâm nghiên cứu những yếu tố này, đặc biệt là bầu không khí tâm lý, xác định thực trạng, những điểm mạnh, yếu... giúp góp phần vào việc cải thiện đời sống tinh thần của vận động viên, hỗ trợ việc nâng cao thành tích thể thao.

Hiện nay ở Việt Nam, những nghiên cứu về bầu không khí tâm lý tập thể đã được thực hiện trong nhiều môi trường khác nhau như trường đại học, các công ty, cơ sở sản xuất... Tuy nhiên bầu không khí tâm lý của các đội tuyển thể thao vẫn là vấn đề chưa được quan tâm nhiều, trong khi đây là yếu tố quan trọng tác động đến các mối quan hệ cũng như toàn bộ quá trình tập luyện, thi đấu của các thành viên trong đội, có ảnh hưởng nhất định đến thành tích thi đấu của vận động viên.

Các vận động viên đang tập luyện, sinh hoạt trong bầu không khí tâm lý như thế nào? Các yếu tố nào gây ảnh hưởng đến bầu không khí tại đó. Sự chi phối ngược lại của bầu không khí tâm lý đến các hoạt động của từng vận động viên như thế nào?... là những trăn trở của người nghiên cứu.

Với những lý do trên, đề tài “**BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA MỘT SỐ ĐỘI TUYỂN THỂ THAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**” được tiến hành nghiên cứu.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Tìm hiểu thực trạng về bầu không khí tâm lý của một số đội tuyển thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề xuất một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của các đội tuyển này.

## **3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Bầu không khí tâm lý của một số đội tuyển thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3.2. Khách thể nghiên cứu**

Một số đội tuyển thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh

## **4. Giả thuyết nghiên cứu**

Bầu không khí tâm lý mỗi đội tuyển thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh có những nét đặc trưng riêng, tồn tại một số đặc điểm tích cực lẫn tiêu cực. Bầu không khí này chịu sự ảnh hưởng bởi một số yếu tố.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Phân tích một số vấn đề lý luận liên quan đến đề tài nghiên cứu như: bầu không khí tâm lý, các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý, tâm lý thể thao...

5.2. Khảo sát thực trạng bầu không khí tâm lý của một số đội tuyển thể thao tại thành phố Hồ Chí Minh. Các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý. Đề xuất một số biện pháp nâng cao tính tích cực của bầu không khí tâm lý ở các đội tuyển này..

## 6. Giới hạn đề tài

### 6.1. Về đối tượng nghiên cứu

Đề tài chỉ nghiên cứu bầu không khí tâm lý của các đội tuyển thể thao trong thời gian sinh hoạt, tập luyện. Không nghiên cứu bầu không khí tâm lý khi thi đấu.

### 6.2. Về khách thể nghiên cứu

Đề tài chỉ nghiên cứu các đội tuyển võ thuật tại thành phố Hồ Chí Minh, không nghiên cứu đội tuyển thể thao của các bộ môn khác.

#### Mô tả về khách thể nghiên cứu

*Bảng 1.1: Mô tả về khách thể nghiên cứu thực trạng*

|           |                       | Tần số | Tỷ lệ (%) |
|-----------|-----------------------|--------|-----------|
| BỘ MÔN    | Muay                  | 35     | 12.8      |
|           | Pencaksilat           | 56     | 20.5      |
|           | Judo                  | 43     | 15.8      |
|           | Karatedo              | 53     | 19.4      |
|           | Taekwondo             | 40     | 14.7      |
|           | Boxing                | 46     | 16.8      |
| TUYỂN     | Dự tuyển              | 56     | 20.5      |
|           | Dự bị tập trung       | 89     | 32.6      |
|           | Năng khiếu tập trung  | 47     | 17.2      |
|           | Năng khiếu trọng điểm | 81     | 29.7      |
| GIỚI TÍNH | Nam                   | 178    | 65.2      |
|           | Nữ                    | 95     | 34.8      |

Mẫu nghiên cứu gồm 273 vận động viên của 6 môn thể thuộc biên chế Sở Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó có 35 vận động viên của môn Muay, (chiếm tỷ lệ 12.8%); 56 vận động viên của môn Pencaksilat (20.5%); 43 vận động viên của môn Judo (chiếm 15.8%); 53 vận động viên

môn Karatedo (19.4%); 40 vận động viên môn Taekwondo (14.7%) và 46 vận động viên thuộc môn boxing (chiếm tỷ lệ 16.8%).

273 vận động viên này đều thuộc biên chế của Sở thể dục thể thao Tp.HCM, tập luyện, hưởng lương và chế độ đãi ngộ từ ngân sách của Sở, trong đó 56 vận động viên thuộc tuyển Dự tuyển (tỷ lệ 20.5%), Tuyển dự tuyển là tuyển đầu của mỗi bộ môn, tập hợp các vận động viên có thành tích tốt, hưởng chế độ lương thưởng cao nhất. Sau tuyển Dự tuyển lần lượt là Dự bị tập trung có 89 vận động viên (tỷ lệ 32.6%); tuyển Năng khiếu tập trung với 47 vận động viên (tỷ lệ 17.2%) và cuối cùng là 81 vận động viên thuộc tuyển Năng khiếu trọng điểm (29.7%).

Về giới tính: có 178 vận động viên nam, chiếm tỷ lệ 65.2% mẫu nghiên cứu. Số vận động viên nữ là 95 (tỷ lệ 34.8%).

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận**

Tham khảo các công trình nghiên cứu, sách báo, tạp chí chuyên ngành về các vấn đề liên quan, từ đó hệ thống và khái quát hóa các khái niệm công cụ làm cơ sở lý luận cho đề tài.

### **7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Căn cứ vào lý luận về bầu không khí tâm lý, người nghiên cứu cụ thể hóa các yếu tố cần nghiên cứu thành các câu hỏi để vận động viên có thể trả lời.
- Phương pháp phỏng vấn: Sử dụng những câu hỏi phỏng vấn đối với huấn luyện viên và vận động viên nhằm tìm hiểu đầy đủ hơn về bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao.
- Phương pháp quan sát: Tham gia một số buổi tập luyện của các đội tuyển. Ghi chép lại những dữ liệu quan sát được để phục vụ cho kết quả nghiên cứu.

### 7.3. Phương pháp toán thống kê

Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý các số liệu thu được

## 8. Mô tả cách thức nghiên cứu đề tài

### 8.1. Công cụ nghiên cứu

Công cụ nghiên cứu là một phiếu thăm dò gồm các phần: lời chào và giới thiệu mục đích nghiên cứu; phần thông tin cá nhân và cuối cùng là nội dung phiếu thăm dò.

Phần nội dung phiếu thăm dò được cấu trúc thành hai phần:

**Phần 1:** Khảo sát về bầu không khí tâm lý của các đội tuyển với bốn mục: thái độ với huấn luyện viên, thái độ với đồng đội, thái độ với việc luyện tập và thái độ với bản thân. Câu 2.5 và 2.6 khảo sát tình cảm và đánh giá của ứng viên về bầu không khí tâm lý trong đội với 9 mức lựa chọn.

Đại lượng Cronbach alpha để kiểm tra độ tin cậy của phần 1 là  $\alpha = 0.867$ . Như vậy, các câu hỏi được biên soạn ở phần 1 có thể được đánh giá là một thang đo lường tốt.

**Phần 2:** Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý gồm các phần:

- Chế độ đãi ngộ - tập luyện
- Sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong đội
- Đặc điểm tính cách của cá nhân: sử dụng trắc nghiệm nghiên cứu kiểu nhân cách của H.J.Eysenok. Bản Việt hóa của tác giả Ngô Công Hoàn, có điều chỉnh cho phù hợp với khách thể nghiên cứu.

### 8.2. Cách tính điểm

**Phần 1:** Mỗi câu hỏi có 5 mức trả lời, lần lượt là

- 1: Rất đồng ý
- 2: Đồng ý
- 3: Lưỡng lự

4: Không đồng ý

5: Hoàn toàn không đồng ý

Theo đó, điểm của các câu được chia thành 5 mức độ như sau:

| Rất tích cực  | Khá tích cực    | Trung tính      | Khá tiêu cực    | Rất tiêu cực  |
|---------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|
| 1 đến cận 1.8 | 1.8 đến cận 2.6 | 2.6 đến cận 3.4 | 3.4 đến cận 4.2 | 4.2 đến cận 5 |

## Phần 2:

Với nhóm câu hỏi tìm hiểu về chế độ đãi ngộ, tập luyện và sự tương hợp tâm lý:

- Mỗi câu có các mức trả lời được phân bố từ tích cực nhất cho đến tiêu cực nhất.
- Các câu hỏi định danh, câu hỏi mở chỉ thống kê tần số.

Với nhóm câu hỏi tìm hiểu về đặc điểm tính cách

Trả lời “Có” được 1 điểm. Trả lời “Không” được 0 điểm.

Các câu hỏi thuộc về hướng ngoại (24 câu): 1, 3, 5, 8, 10, 13, 17, 20, 22, 25, 27, 29, 30, 32, 34, 37, 39, 41, 44, 46, 49, 51, 53, 56.

Các câu hỏi thuộc về hướng nội (24 câu): 2, 4, 7, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 23, 26, 28, 31, 33, 35, 38, 40, 43, 45, 47, 50, 52, 55, 57.

Các câu hỏi trung tính, vừa có tính hướng nội, vừa có tính hướng ngoại (9 câu): 6, 12, 15, 18, 24, 36, 42, 48, 54.

Nếu tổng điểm của các câu hướng ngoại lớn hơn tổng điểm của các câu hướng nội thì kiểu nhân cách này thiên về hướng ngoại. Trong đó:

- Từ 0 đến 11 điểm: Hướng ngoại làm lì
- Từ 12 đến 24 điểm: Hướng ngoại nóng nảy, hoạt bát

Nếu tổng điểm của các câu hướng ngoại nhỏ hơn tổng điểm của các câu hướng nội thì kiểu nhân cách này thiên về hướng nội. Trong đó:

- Từ 0 đến 11 điểm: Bình thản, điềm tĩnh



- Từ 12 đến 24 điểm: Đa cảm, u sầu, ưu tư.

Nếu số điểm giữa hướng nội và hướng ngoại chênh lệch trong khoảng  $\pm 2$ : nhân cách trung tính, ứng xử linh hoạt, hợp lý, tùy vào hoàn cảnh.

## **9. Đóng góp của đề tài**

### **9.1. Về mặt lý luận**

- Hệ thống lại những lý luận liên quan đến bầu không khí tâm lý tập thể.
- Làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến bầu không khí tâm lý tập thể nói riêng và bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao nói chung.

### **9.2. Về mặt thực tiễn**

- Tìm hiểu thực trạng bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao.
- Nghiên cứu những yếu tố tác động đến bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao.
- Đề xuất một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý, giúp xây dựng những đội tuyển tích cực, tạo môi trường tập luyện thân thiện, đoàn kết, hỗ trợ nhau cùng tiến bộ, nâng cao thành tích riêng của từng vận động viên cũng như thành tích chung của cả đội tuyển.

## Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

#### *1.1.1. Lịch sử nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở nước ngoài*

Nếu như lấy cột mốc năm 1879 làm mốc khởi đầu cho Tâm lý học, khi mà Wilhlm Wundt (1832 – 1920) - nhà Tâm lý học người Đức thành lập phòng thực nghiệm tâm lý đầu tiên tại Leipzig, Đức, tách Tâm lý học ra khỏi các ngành khác, trở thành khoa học độc lập thì những nghiên cứu về “bầu không khí tâm lý”, chỉ mới xuất hiện từ những năm 30 của thế kỷ 20, có thể xem là khá non trẻ và mới mẻ.

Một trong những nghiên cứu đầu tiên về vấn đề này là thử nghiệm Hawthorne của nhà lý luận xã hội và tâm lý học công nghiệp người Úc - Elton Mayo (1880 – 1949) cùng các cộng sự tại đại học Harvard là Fritz Roethlisberger (1898- 1974) và William Dickson về các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất làm việc của người lao động. Mayo đã phát hiện ra rằng việc gia tăng năng suất lao động phụ thuộc vào hàng loạt những phản ứng tâm lý phức tạp chứ không chỉ đơn thuần nằm ở các nguyên nhân vật chất. Yếu tố được Mayo đặc biệt quan tâm là áp lực từ những đồng nghiệp gây ảnh hưởng đến năng suất lao động. Dù chưa thật sự rõ nét nhưng những nghiên cứu của Mayo và các cộng sự đã phần nào đề cập đến những yếu tố cấu thành nên bầu không khí tâm lý trong tập thể lao động.

Đến năm 1946, tại Trung tâm nghiên cứu động thái nhóm, thuộc Viện nghiên cứu xã hội, trực thuộc Học viện Công nghệ Massachusetts (Cambridge, Massachusetts, Hoa Kỳ), nhà tâm lý học Kurt Lewin (1890 – 1947) cùng với nhóm cộng sự đã thực hiện những nghiên cứu thực nghiệm để tìm hiểu sự tác động qua lại cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong cùng một nhóm. Lewin cũng là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ

*Bầu không khí tâm lý* khi nghiên cứu về sự tác động của những mối quan hệ bên trong nhóm và các phong cách lãnh đạo khác nhau với việc hình thành nên bầu không khí tâm lý tích cực hoặc tiêu cực trong các nhóm lao động nhỏ. Thuật ngữ này sau đó, được các nhà tâm lý học sử dụng cho đến ngày nay.

Kể từ sau đó, hàng loạt các nghiên cứu về bầu không khí tâm lý được tiến hành ở phương Tây. Những nghiên cứu này tập trung làm rõ sự tác động của bầu không khí tâm lý đến năng suất và hiệu quả công việc của người lao động. Có thể nhắc đến vài cái tên tiêu biểu như Leon Festinger, Stanley Schachter, K.W.Bach, B.E.Colin hay B. Raven. [51]

Cùng với sự lớn mạnh của ngành khoa học tâm lý, việc nghiên cứu về tâm lý học xã hội nói riêng và bầu không khí tâm lý nói chung đã có những thay đổi rõ rệt. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu được khai thác đa dạng hơn. Các yếu tố xoay quanh bầu không khí tâm lý như cấu trúc, các yếu tố ảnh hưởng, sự tác động của nó đến các yếu tố khác... được phân tích và đào sâu nghiên cứu.

Các nghiên cứu này, một cách khái quát nhất, đã tiếp cận bầu không khí tâm lý của một tổ chức theo các hướng như sau:

Thứ nhất: Nhìn nhận sự tác động phức hợp qua lại của các yếu tố trong tổ chức hình thành nên bầu không khí tâm lý.

Thứ hai: Nhìn nhận kết quả sản xuất chịu ảnh hưởng từ bầu không khí tâm lý. Bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể lao động giúp người lao động hoạt động hiệu quả, với năng suất và tính tích cực cao.

Thứ ba: Thừa nhận bầu không khí tâm lý đóng góp vào việc điều chỉnh, điều khiển hành vi của cả nhân trong nhóm.

Có thể nói, tâm lý học phương Tây đã có công đầu tiên khi đưa ra khái niệm bầu không khí tâm lý và thiết lập những bước nền tảng trong việc nghiên cứu vấn đề này. Tuy nhiên, việc có nhiều trường phái nghiên cứu tiếp

cận theo nhiều phương pháp và quan điểm khác nhau đã dẫn đến nhiều khác biệt, thậm chí là mâu thuẫn trong kết quả nghiên cứu.

Đi sau nhưng cũng đạt được những thành tựu hết sức ấn tượng, với đối tượng nghiên cứu là hành vi và hoạt động giúp con người tham gia vào những nhóm xã hội, khi nghiên cứu về bầu không khí tâm lý, các nhà tâm lý học Mác-xít quan tâm đến khía cạnh ảnh hưởng của bầu không khí tâm lý đến hoạt động của cá nhân, của nhóm và của tập thể người lao động trong quá trình xây dựng tập thể lao động theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhân cách con người trong chế độ mới.

Người đầu tiên đưa ra định nghĩa về bầu không khí tâm lý là V.N.Sêpel, ông cho rằng: “Bầu không khí tâm lý là là sắc thái xúc cảm giữa các thành viên trong tập thể. Nó xuất hiện trên cơ sở gần gũi, thiện cảm giống nhau về mặt tính cách, hứng thú và xu hướng.” Những nghiên cứu của Sêpel chỉ ra rằng, bầu không khí sản xuất của các mối quan hệ người với người được hình thành từ ba loại bầu không khí:

1. Bầu không khí xã hội được biểu hiện trong việc ý thức những mục đích công việc, bảo đảm sự tuân thủ các quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân.
2. Bầu không khí đạo đức, nó xác định được các định hướng đạo đức trong tập thể và được mỗi thành viên chấp nhận.
3. Bầu không khí tâm lý. Đó là bầu không khí không chính thức được hình thành giữa các thành viên trong nhóm khi họ tiếp xúc với nhau. Đó là môi trường vi mô, là phạm vi tác động có ý nghĩa đối với từng người về đạo đức mang tính cục bộ trong nhân cách. [1, tr. 28]

Trước Sêpel 3 năm, vào năm 1966, khi nghiên cứu về môi trường làm việc nhằm tìm biện pháp nâng cao năng suất, kích thích động cơ lao động của tập thể, N.C. Man-xu-rốp đã đưa ra thuật ngữ bầu không khí tâm lý. Bên cạnh

đó, những kết quả nghiên cứu của E.V.Xô-rô-khô-va, N.C. Man-xu-rốp và K.K.Pla-tô-nốp tiến hành trước đó về sự tác động và mối quan hệ qua lại của các thành viên trong cùng tập thể cũng tạo tiền đề, hỗ trợ cho việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể.

Cho đến những năm 60 của thế kỷ 20, xuất hiện những công trình nghiên cứu của T.Mozenob, M. Unozenuk. Trong các công trình này, các tác giả cho rằng bầu không khí tâm lý cần phải được hiểu như là trạng thái tâm lý của cảm xúc được hình thành trong nhân cách. Vấn đề mối tương quan của các điều kiện bên trong và bên ngoài sẽ quy định hành vi và vấn đề điều khiển chức năng của ý thức

Từ những nghiên cứu nền tảng đó, các nhà tâm lý học Xô Viết kế thừa đã đi sâu vào tìm hiểu những nội dung của bầu không khí tâm lý và thu được những thành quả ấn tượng.

Một cách tổng quát, có thể hệ thống những mối quan tâm của các nhà tâm lý học Xô – Việt về bầu không khí tâm lý tập thể trong những nội dung sau:

- Các hình thức biểu hiện.
- Quá trình hình thành.
- Hình thức biểu hiện.
- Những tác động của nó đến tập thể và các cá nhân trong tập thể.

### ***1.1.2. Lịch sử nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở Việt Nam***

Tại Việt Nam, những nghiên cứu về bầu không khí tâm lý còn khá ít và rời rạc. Với tâm lý học hoạt động làm cơ sở, các nhà tâm lý học Việt Nam chủ yếu đi sâu vào làm rõ khái niệm bầu không khí tâm lý, cấu trúc, những yếu tố ảnh hưởng cũng như sự tác động của nó đến tập thể. Đối tượng nghiên cứu của các tác giả Việt Nam chủ yếu tập trung vào bầu không khí tâm lý trong gia đình, bầu không khí tâm lý trong tập thể lao động và bầu không khí tâm lý trong lớp học.

*Những nghiên cứu lý luận về bầu không khí tâm lý ở Việt Nam*

Tác giả Phạm Mạnh Hà trong tác phẩm “*Bầu không khí tâm lý xã hội và vai trò của nó đối với năng suất lao động trong tập thể*” đã khẳng định tầm quan trọng của bầu không khí tâm lý trong tập thể lao động khi nó là yếu tố quyết định sự phát triển, cố kết hay xung đột của các thành viên trong tập thể. Ngoài ra nó còn thúc đẩy hay kìm hãm năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Có ba yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý trong tập thể lao động:

- Môi quan hệ giữa người lao động với lãnh đạo: môi quan hệ này nếu tiến triển theo hướng tích cực sẽ góp phần hình thành và duy trì bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể lao động.
- Môi quan hệ giữa người lao động với người lao động: Nếu môi quan hệ giữa những người lao động trong tập thể diễn ra theo chiều hướng tiêu cực có thể tạo ra bầu không khí tâm lý nặng nề, không thoải mái... Về lâu dài, ảnh hưởng đến ý chí làm việc, làm mất năng suất lao động. Trái lại, nếu bầu không khí tâm lý giữa các thành viên trong tập thể lao động được xây dựng và duy trì theo hướng tích cực, sẽ giúp họ phát huy tối đa khả năng, nâng cao năng suất lao động.
- Môi quan hệ giữa người lao động với công việc: Nếu người lao động được làm công việc yêu thích, phù hợp khả năng sẽ giúp hình thành ở họ tâm trạng thoải mái, vui vẻ, khiến họ hăng say và nhiệt tình. Ngoài ra, việc được đánh giá đúng công sức, năng lực cũng là yếu tố quan trọng trong việc hình thành bầu không khí tâm lý tích cực, thoải mái trong khi làm việc. [15]

Cùng nghiên cứu về bầu không khí tâm lý trong tập thể lao động, tác giả Vũ Dũng đã đưa ra khái niệm bầu không khí tâm lý: “là trạng thái tâm lý của tổ chức. Nó thể hiện sự phối hợp tâm lý xã hội, sự tương tác giữa các thành

viên và mức độ dung hợp các đặc điểm tâm lý trong quan hệ liên nhân cách” [9, tr 328]. Theo tác giả, bầu không khí tâm lý giữ vai trò to lớn trong hoạt động chung của tổ chức. Nó quyết định đến tâm trạng, thái độ, sự gắn bó cũng như năng suất làm việc của các lao động trong tập thể. Tác giả cũng đã liệt kê những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến bầu không khí tâm lý gồm: Phong cách làm việc của người lãnh đạo, sự lây lan tâm lý và điều kiện lao động.

Tác giả Nguyễn Bá Dương, trong những công trình nghiên cứu về tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo cũng đã trình bày những kết quả nghiên cứu tương đồng, theo đó, tác giả chỉ ra những yếu tố quy định bầu không khí tâm lý tập thể gồm có môi trường tự nhiên và môi trường tâm lý. [11]

Nghiên cứu về “*Bầu không khí tâm lý tập thể và vai trò của nó đối với sự phát triển nhân cách học sinh Trung học cơ sở*”, tác giả Nguyễn Thị Huệ đã khẳng định bầu không khí tâm lý ảnh hưởng đến kết quả học tập, các hoạt động và các phẩm chất đạo đức, nhân cách của học sinh. Để tạo ra bầu không khí tâm lý thân thiện, tích cực trong tập thể học sinh, cần chú ý đến những điểm sau:

- Lựa chọn và xây dựng đội ngũ cán sự lớp vững mạnh, có uy tín và có năng lực, có khả năng đại diện cho tập thể.
- Đánh giá thường xuyên và công khai các hoạt động.
- Hình thành tinh thần trách nhiệm và lòng tin vững chắc về vị trí của học sinh trong lớp học. [25]

Ngoài một số nghiên cứu trên, trong các tài liệu về tâm lý học xã hội được xuất bản ở Việt Nam, vấn đề bầu không khí tâm lý cũng đã được đề cập và có những phân tích sơ khởi. Tuy nhiên, những nội dung này chỉ mang tính tổng hợp bước đầu, chưa đầy đủ và cụ thể.

*Những nghiên cứu về thực trạng bầu không khí tâm lý ở Việt Nam*

Về nghiên cứu thực trạng, các đề tài nghiên cứu đa phần tập trung vào bầu không khí tâm lý ở các lớp học. Cụ thể:

Tác giả Đỗ Thị Hương, khi nghiên cứu đề tài: “*Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên sư phạm mẫu giáo và ảnh hưởng của nó đến tâm trạng cá nhân*” đã phân tích về khái niệm bầu không khí tâm lý tập thể và tìm hiểu sự tương quan của nó đến tâm trạng của từng cá nhân trong tập thể. Bên cạnh những đóng góp trong việc nghiên cứu một vấn đề còn khá mới mẻ thì đề tài vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm như vẫn chưa đưa ra được các tiêu chí đánh giá đầy đủ và toàn diện về bầu không khí tâm lý; chưa làm rõ mối tương quan giữa bầu không khí tâm lý chung với tâm trạng của từng cá nhân trong tập thể. [28]

Nổi tiếp, tác giả Lê Thị Hân cũng lựa chọn khách thể nghiên cứu là tập thể sinh viên khi nghiên cứu đề tài “*Bầu không khí tâm lý trong tập thể sinh viên và vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong việc xây dựng bầu không khí tâm lý.*” Điểm mới trong đề tài là tác giả đã tập trung vào vai trò của nhân tố lãnh đạo trong việc hình thành và duy trì bầu không khí tâm lý trong tập thể. [19]

Tác giả Đào Thị Mai đã tìm hiểu về “*Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên trường Đại học Hải Phòng*”. Đề tài đã tập trung tìm hiểu thực trạng bầu không khí tâm lý ở khách thể nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân chính của thực trạng, đặc biệt quan tâm làm rõ năng lực cũng như vai trò của đội ngũ cán bộ lớp trong việc xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh.[34]

Cùng trong nhóm nghiên cứu về bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên, còn có đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể ở sinh viên trường cao đẳng sư phạm Ninh Bình*” của tác giả Trần Đức Hội; đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở học viên trường sỹ quan tăng thiết giáp*” của tác giả



Nguyễn Ngọc Kỳ; đề tài “*Nghiên cứu kiểu nhân cách, kiểu quan hệ liên nhân cách và ảnh hưởng của chúng tới bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên sư phạm*” của tác giả Võ Thị Ngọc Châu; đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể học viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy*” của tác giả Nguyễn Thị Hải Vân; đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể học viên các trường đào tạo sĩ quan quân đội.*” của tác giả Trần Đức Long; đề tài “*Bầu không khí tâm lý một số lớp học tại trường Đại học Sư phạm Tp.HCM và biện pháp cải thiện*” của tác giả Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu; đề tài “*Bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Vân. Nhìn chung, các đề tài đã ít nhiều làm rõ ràng hơn cấu trúc của bầu không khí tâm lý cũng như tìm hiểu thực trạng ở từng nhóm khách thể cụ thể. [51]

Ngoài đối tượng nghiên cứu là bầu không khí tâm lý của lớp học, nhiều tác giả khi nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở những nhóm khách thể khác cũng đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề xoay quanh khái niệm này và đưa ra được những đóng góp, kiến nghị cụ thể.

Tác giả Phạm Thị Ngọc khi nghiên cứu về đề tài: “*Bầu không khí tâm lý tập thể điện thoại viên Trung tâm chăm sóc khách hàng Viettel tại Hà Nội*” đã xây hệ thống cơ sở lý luận liên quan, tìm hiểu thực trạng cũng như đưa ra những biện pháp để xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực tại đơn vị này.

Chọn khách thể là 100 người chưa thành niên phạm tội đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Hoàng Tiến và trại giam Ngọc Lý do Cục V26 Bộ công an quản lý, tác giả Đặng Thanh Nga trong nghiên cứu về “*Thực trạng bầu không khí tâm lý trong gia đình của người chưa thành niên phạm tội*” quan tâm đến các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt như trẻ mồ côi, cha mẹ ly thân, ly hôn... Tuy nhiên, đề tài mới chỉ dừng lại ở mức tìm hiểu cảm nhận

của khách thể nghiên cứu về bầu không khí tâm lý trong gia đình của chính họ chứ chưa có sự quan sát, đối chiếu thực tế. [36]

Quan tâm đến việc xây dựng bầu không khí tâm lý thuận lợi cho các hoạt động tập thể, tác giả Hoàng Đình Châu trong đề tài: “*Xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của tập thể khoa giáo viên trong các trường đào tạo sĩ quan*” đã hướng đến việc tìm hiểu những đặc trưng về hoạt động đào tạo tại khoa giáo viên trong môi trường quân đội chuyên biệt, trên cơ sở đó phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý và đề ra những biện pháp tác động để cải thiện yếu tố này theo hướng tích cực. Tuy nhiên, do nghiên cứu trên môi trường quân đội đặc thù, nên kết quả thu được có phần lệch theo hướng kỷ cương, mệnh lệnh, chấp hành mỗi quan hệ cấp trên – cấp dưới mà chưa chú trọng đến môi quan hệ tình cảm giữa người và người trong tập thể. [51]

Tiếp cận từ góc độ các yếu tố ảnh hưởng, đề tài “*Tìm hiểu ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo của hiệu trưởng đối với bầu không khí tâm lý tập thể sư phạm một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*”, của tác giả Chung Vĩnh Cao đã đi sâu vào tìm hiểu yếu tố lãnh đạo trong mối tương quan với tâm trạng chung của tập thể và tâm trạng riêng của từng cá nhân trong tập thể. [5]

Cùng quan tâm đến khía cạnh phong cách, uy tín người lãnh đạo tác động đến bầu không khí tâm lý, còn có một số đề tài của các tác giả khác. Có thể kể đến đề tài “*Mối quan hệ giữa uy tín của hiệu trưởng với bầu không khí tâm lý của tập thể sư phạm ở một số trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền; đề tài “*Thực trạng phong cách quản lý của hiệu trưởng ảnh hưởng lên bầu không khí tâm lý trong các trường trung học phổ thông tại thành phố Cần Thơ*” của tác giả Nguyễn Thị Bạch Ngọc... [51]

Nhìn chung, những nghiên cứu về thực trạng bầu không khí được thực hiện ở Việt Nam phần đông tập trung vào khách thể là các tập thể lớp học hoặc các môi trường giáo dục. Những đề tài này đã có những đóng góp nhất định vào việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý ở Việt Nam, giúp làm rõ hơn những yếu tố xoay quanh vấn đề này như cấu trúc, các mặt biểu hiện, các yếu tố ảnh hưởng, v.v... Tuy nhiên, khách thể nghiên cứu vẫn còn giới hạn chủ yếu trong môi trường sư phạm, các đề xuất – kiến nghị cải thiện vẫn còn chưa đa dạng, phong phú, chủ yếu tập trung vào các đối tượng này và mang tính kinh nghiệm; yếu tố thực nghiệm còn hạn chế.

## **1.2. Những vấn đề lý luận liên quan**

### ***1.2.1. Tập thể***

Trong tâm lý học hoạt động, những nghiên cứu về tập thể đóng vai trò quan trọng bởi tập thể chính là môi trường trung gian giữa xã hội và cá nhân.

Theo A.G.Kôvaliôp, tập thể là một khối cộng đồng người nhằm thực hiện những mục đích có ý nghĩa xã hội. Những mục đích này rất đa dạng, có thể có tính chất hành chính – nhà nước, tính chất sản xuất, khoa học, học tập, rèn luyện thể dục thể thao v.v... Được nhìn nhận là một tổ chức linh động và luôn phát triển, sự biến chuyển của tập thể phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài và các yếu tố bên trong, vào hoàn cảnh khách quan và hoàn cảnh chủ quan. Trong đó:

- Những điều kiện khách quan bên ngoài gồm có những của cải vật chất của tập thể, những nhiệm vụ mà xã hội đặt ra cho nó, môi trường ở xung quanh tập thể và mối liên hệ của nó với các tập thể khác.
- Những điều kiện chủ quan bên trong gồm có những con người của tập thể với năng lực và những nét tính cách riêng biệt; phong cách lãnh đạo của thủ lĩnh; các mối quan hệ đã được hình thành giữa các thành viên trong tập thể.

Nghiên cứu chủ yếu trên tập thể học sinh, từ những năm 20 – 30 của thế kỷ XX, nhà tâm lý học Macarencô đã đặt những câu hỏi về việc các cá nhân khi sống trong tập thể sẽ phụ thuộc nhau như thế nào? Ông khẳng định tập thể có tính thống nhất, vì vậy những mong muốn riêng lẻ của mỗi cá nhân trong tập thể phải được phối hợp và được sẻ chia trong mối quan hệ với mục đích chung của tập thể. Và ngược lại, các mục đích chung cũng phải được xác định, cụ thể hóa thành các mục đích riêng của từng thành viên. Macarencô đã đưa ra những dấu hiệu chung, tiêu biểu cho tập thể gồm:

- Sự hài hòa trong mối quan hệ giữa mục đích cá nhân và mục đích tập thể.
- Khi thực hiện công việc chung, giữa các thành viên trong nhóm hình thành mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau trên cơ sở tinh thần trách nhiệm chung.
- Sẵn sàng hành động mang lại lợi ích và hứng thú với tâm trạng phấn khích và sáng khoái.
- Tinh thần vững vàng, có khả năng tự thực hiện các công việc.
- Khả năng bảo vệ che chở cho nhóm.
- Khả năng ức chế về hành vi tâm lý và hành vi tay chân.
- Tin tưởng vào tương lai.

Từ những tiêu chuẩn này, Macarencô mong muốn dựa vào đó để đưa ra các phong cách làm việc của từng kiểu nhân cách trong tập thể, từ đó xác định được những đặc trưng của tập thể thông qua những đặc điểm tâm lý xã hội, lấy đó làm cơ sở xác định bầu không khí tâm lý của tập thể.

Tác giả Nguyễn Hải Khoát trong các nghiên cứu của mình đã nêu: “Tập thể là một nhóm người có tổ chức chặt chẽ, thống nhất theo một mục đích chung và dạng hoạt động, phục vụ xã hội.”

Tác giả Trần Trọng Thủy đã khẳng định: “Tập thể là một nhóm người, một bộ phận xã hội thống nhất bằng những mục đích chung trong sự hoạt động phối hợp cùng nhau. Tập thể chỉ có được với điều kiện là nó thống nhất được mọi người trên những nhiệm vụ hoạt động và hoạt động ấy phải có ích cho xã hội.”

Cùng hướng nhìn đó, các tác giả Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu và tác giả Nguyễn Thị Thanh Vân trong những đề tài nghiên cứu về bầu không khí tâm lý đã đề cập đến tập thể như là “một nhóm người có tổ chức chặt chẽ, liên kết với nhau vì mục đích chung, cùng thống nhất trong hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho xã hội, tập thể và cho mỗi thành viên trong tập thể.” [23]

Một cách tổng quát, những đặc trưng của tập thể tập trung ở những điểm sau đây:

- Liên kết với nhau vì mục đích chung có ý nghĩa xã hội: Một cộng đồng/nhóm người chỉ tồn tại như là một tập thể với đầy đủ ý nghĩa của nó khi cộng đồng/nhóm người đó có cùng mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động riêng, có viễn cảnh phát triển, có sự độc lập và mang tính chất bền vững. Các tập thể đều có những mục tiêu mang ý nghĩa xã hội và cố gắng tối đa để đạt được mục tiêu đó. Một tập thể chân chính là một tập thể mà mỗi thành viên lĩnh hội được mục tiêu chung của tập thể, xem nó là mục tiêu cá nhân, tạo nên sự thống nhất giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân.

- Có tổ chức chặt chẽ: Hoạt động của tập thể phải thể hiện được tính kế hoạch, cho thấy sự phối hợp chặt chẽ, hài hòa của tất cả các thành viên. Để đạt được điều này, phụ thuộc rất lớn vào năng lực của người lãnh đạo. Người lãnh đạo hướng sự nỗ lực của tất cả các thành viên vào mục đích chung, với phong cách riêng, đưa công việc của tập thể vào nề nếp.

- Quan hệ giữa các thành viên được xây dựng trên tinh thần đồng chí, đồng đội và phụ thuộc lẫn nhau về trách nhiệm xã hội: Các mối quan hệ trong

một tập thể lãnh mạnh thường được xây dựng và phát triển trên tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, học hỏi và yêu cầu cao ở nhau. Các yếu tố này đảm bảo cho mục đích chung của tập thể được triển khai thực hiện ở mức tích cực tối đa, trên cơ sở thống nhất và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của mỗi thành viên.

- Có dư luận lãnh mạnh, phù hợp với dư luận chung của xã hội: Tùy thuộc một phần vào trạng thái và mức độ phát triển của tập thể mà sự hình thành dư luận thống nhất nơi tập thể đó diễn ra khó khăn hay thuận lợi.

- Có kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh: Kỷ luật không chỉ là một hoạt động có lý trí nhằm đạt tới một cách có kế hoạch mục tiêu đã định, mà còn là năng lực kìm hãm những xu hướng cản trở việc thực hiện mục tiêu chung của tập thể. Nền tảng của kỷ luật là ý thức được nghĩa vụ đối với xã hội, là tinh thần trách nhiệm trước tập thể về công việc được giao, là thói quen thực hiện một cách nghiêm túc quy chế lao động. [9, 150]

Nhà tâm lý học A.G.Kôvaliôp đã phân tích quá trình phát triển của tập thể thành các giai đoạn sau:

- Giai đoạn tổng hợp sơ cấp: giai đoạn phát triển đầu tiên của tập thể. Trong giai đoạn này, tập thể hoạt động và phát triển dựa trên các yêu cầu của người lãnh đạo. Các yêu cầu này giúp hình thành những mối liên hệ bên ngoài giữa các thành viên trong tập thể. Họ có những mức độ sẵn sàng khác nhau trong việc thực hiện các hoạt động chung.
- Giai đoạn cấu trúc hóa (giai đoạn phân hóa): Dưới sự ảnh hưởng của người lãnh đạo, các thành viên trong tập thể bắt đầu phân hóa thành các nhóm nhỏ: nhóm cốt cán; nhóm thụ động lãnh mạnh và nhóm tích cực chống đối.
- Giai đoạn tổng hợp thực sự (giai đoạn hợp nhất): Biểu hiện của giai đoạn này là các thành viên đều có thái độ tích cực đối với các nhiệm vụ của tập thể và đối với nhau. Yêu cầu của các thành viên đối với người lãnh

đạo cũng nâng cao, đòi hỏi người lãnh đạo phải luôn cố gắng làm mới, hoàn thiện bản thân.

- Giai đoạn yêu cầu tối đa: Đây là giai đoạn phát triển cao nhất của tập thể. Các thành viên nhận thức đầy đủ mục đích và các yêu cầu của tập thể, chuyển hóa nó thành những yêu cầu của bản thân. Lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân đã có sự kết hợp hài hòa.

Với quan điểm của A.G.Kôvaliôp, quá trình phát triển của tập thể được chia thành bốn giai đoạn, tuy nhiên, ở những góc độ tiếp cận khác nhau được nghiên cứu bởi các nhà tâm lý học khác nhau, có những sự phân chia khác nhau đối với quá trình phát triển này. Cụ thể như A.X. Macarenco, Mai Hữu Khuê phân chia thành ba giai đoạn; A.B. Pêtrôpxki dựa trên tính tích cực mà sắp xếp theo tầng bậc với ba tầng... Dù vậy, sự phát triển của tập thể là sự phát triển liên tục do đó, sự phân chia này chỉ mang tính ước lệ.

Một vấn đề cần lưu ý là phải phân biệt giữa nhóm và tập thể. Các nhà tâm lý học Xô Viết xem nhóm là cộng đồng người được phân ra trong tổng thể xã hội trên cơ sở những dấu hiệu nhất định (thuộc tính giai cấp, tính chất của hoạt động chung, mức độ các mối quan hệ giữa các cá nhân, các đặc điểm của tổ chức v.v...). Hiểu một cách khác, có thể nói, nhóm là một cộng đồng có từ hai người trở lên, giữa họ có sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình thực hiện các hoạt động chung. [9]

Như vậy, nhóm có nội hàm khái niệm rộng hơn tập thể. Không phải bất cứ nhóm nào cũng là tập thể. Ngược lại, tập thể có thể được xem là nhóm, là hình thức phát triển cao hơn của nhóm.

### ***1.2.2. Tập thể đội tuyển thể thao***

Xem xét cụ thể, có thể thấy đội tuyển thể thao đáp ứng đầy đủ các đặc điểm của tập thể:

- Các thành viên trong đội tuyển thể thao liên kết với nhau vì mục đích chung có ý nghĩa xã hội, cụ thể là mục đích tập luyện và đạt được thành tích trong thi đấu thể thao. Mỗi vận động viên trong đội tuyển đều lĩnh hội được mục đích này và chuyển hóa nó thành mục tiêu cá nhân. Các hoạt động của các vận động viên trong đội như giao tiếp, tập luyện, tập huấn, thi đấu... đều diễn ra căn cứ theo mục đích chung này. Sự gắn kết giữa các thành viên được hình thành trong các hoạt động thông qua việc giúp đỡ, hỗ trợ nhau, giúp nhau cùng tiến bộ, đạt được mục tiêu cá nhân và cũng là mục tiêu chung.

- Có tổ chức chặt chẽ: Các hoạt động tập luyện, thi đấu của mỗi đội tuyển thể thao được thực hiện dựa trên những kế hoạch được lên chi tiết và cụ thể theo tuần, tháng, giải đấu, quý, năm. Các thành viên trong mỗi đội được tuyển chọn dựa trên những tiêu chuẩn riêng trong việc đáp ứng các khả năng chung, khả năng chuyên sâu, khí chất cũng như lứa tuổi. Trong mỗi đội tuyển, ban huấn luyện mà đại diện trực tiếp là huấn luyện viên giữ vai trò lên kế hoạch, điều phối cũng như hướng dẫn vận động viên trong các hoạt động tập luyện, thi đấu nhằm đạt được những mục tiêu đã đề ra.

- Quan hệ giữa các vận động viên trong đội được xây dựng trên tinh thần đồng đội và phụ thuộc lẫn nhau về trách nhiệm xã hội: Sự gắn bó giữa các vận động viên trong đội được thể hiện thông qua những hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình tập luyện và thi đấu cũng như các tình huống ngoài nội dung này. Sự gắn bó này hỗ trợ cho việc triển khai mục đích chung của đội tuyển đạt được mức tối đa.

- Có dư luận lành mạnh, phù hợp với dư luận chung của xã hội: Đây là một trong những yếu tố đánh giá sự phát triển của một đội tuyển. Một đội tuyển vững mạnh là đội tuyển xây dựng được dư luận lành mạnh. Trong đó, vận động viên có thể tự do phát biểu suy nghĩ, đóng góp ý kiến, trao đổi quan điểm theo hướng đóng góp tích cực căn cứ trên nền tảng đạo đức xã hội cũng



như mục đích chung của đội tuyển. Mặt khác, thông qua dư luận, các vận động viên trong đội có cơ hội nhìn nhận để hiểu nhau hơn, khắc phục nhược điểm, điều chỉnh hành vi cho phù hợp.

- **Đội tuyển thể thao có kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh:** Đây là một trong những yếu tố quan trọng đối với một đội tuyển thể thao. Tuân thủ nội quy, quy định riêng của đội về giờ giấc tập luyện, trang phục, luật lệ thi đấu v.v... là yêu cầu hàng đầu mà vận động viên cần ghi nhớ và chấp hành.

Từ những phân tích trên, có thể kết luận một đội tuyển là một tập thể với đầy đủ các đặc điểm đặc trưng riêng biệt. Cụ thể hơn: **Đội tuyển thể thao** là một tập thể vận động viên được tập hợp và tổ chức theo những tiêu chuẩn riêng với kỷ luật chặt chẽ và nghiêm minh. Mối quan hệ giữa các vận động viên trong đội được xây dựng trên tinh thần đồng đội và liên kết với nhau nhằm thực hiện mục đích tập luyện và đạt được thành tích trong thi đấu thể thao.

Các giai đoạn phát triển của đội tuyển thể thao:

- **Giai đoạn tổng hợp sơ cấp:** các vận động viên trong đội được tuyển chọn, tập hợp dựa trên những yếu tố về năng khiếu, tố chất, sự đam mê... Trong giai đoạn này, ban huấn luyện đặc biệt là huấn luyện viên có vai trò quan trọng, giúp các vận động viên trong đội hình thành mối liên kết bước đầu và bên ngoài thông qua các nội quy, quy định, mục tiêu phấn đấu trong từng giải đấu... Mỗi vận động viên sẽ có mức độ khác nhau trong việc hòa mình vào tập thể, tốc độ chuyển hóa mục đích chung thành những mục đích cá nhân cũng khác nhau. Từ sự gắn kết bước đầu, một bộ phận của đội có ý thức nhanh và đầy đủ hơn về mục đích và đường lối chung sẽ trở thành đội ngũ tích cực ủng hộ các yêu cầu của ban huấn luyện, trở thành tấm gương về thái độ và tinh thần tập luyện,

chấp hành kỷ luật. Dần dà, sự biến đổi về chất diễn ra, đưa đội tuyển bước sang giai đoạn phát triển kế tiếp.

- Giai đoạn phân hóa (giai đoạn cấu trúc hóa): Ở giai đoạn này, đội tuyển sẽ phân hóa thành các nhóm: nhóm nòng cốt, nhóm thụ động lành mạnh, thụ động dửng dưng và nhóm tích cực chống đối. Những thành viên trong nhóm nòng cốt là những vận động viên có tinh thần và thái độ tích cực đối với đội tuyển. Họ nhận thức được mục đích chung và phấn đấu để đạt được mục đích đó. Họ ủng hộ với đường lối và phương pháp của ban huấn luyện, đặt những yêu cầu cao đối với huấn luyện viên, với đồng đội và với chính bản thân mình. Với nhóm thụ động lành mạnh, họ luôn sẵn sàng thực thi những yêu cầu chung, tuy nhiên lại không thể hiện sự chủ động, sáng kiến. Đặc điểm của nhóm thụ động thờ ơ là có biểu hiện dửng dưng, không quan tâm đến các kế hoạch, nhiệm vụ, công việc chung của đội, thậm chí có thái độ trốn tránh. Cuối cùng là nhóm chống đối, có thể được xem như những kẻ phá rối vì thể hiện thái độ tiêu cực, phản bác, tích cực chống lại yêu cầu của ban huấn luyện và nhóm nòng cốt. Không giống như ở giai đoạn đầu, trong giai đoạn phân hóa, ban huấn luyện cần phải có phương pháp, cách thức tác động riêng biệt đối với từng nhóm. Cần phải dựa vào nhóm nòng cốt để củng cố sự vững chắc của đội; có phương pháp riêng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm thụ động lành mạnh trở thành những thành viên của nhóm nòng cốt; bày tỏ thái độ kiên quyết, không nhân nhượng với nhóm chống đối, khiến họ thay đổi thái độ và cách hành xử với tập thể.
- Giai đoạn hợp nhất: Nếu có phương pháp, cách thức hợp lý và đúng đắn, giảm những điểm tiêu cực và phát huy phần tích cực của mỗi nhóm trong giai đoạn phân hóa, ban huấn luyện có thể đưa đội tuyển phát triển lên giai đoạn hợp nhất. Ở giai đoạn này, các vận động viên phần nhiều đã

hình thành nên thái độ tích cực đối với các nhiệm vụ của đội cũng như đối với nhau. Khoảng cách giữa các nhóm nhỏ được thu hẹp theo hướng tích cực đối với tập thể. Đây cũng là giai đoạn đòi hỏi ban huấn luyện nỗ lực rèn luyện để nâng cao năng lực bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các vận động viên về năng lực, phẩm chất của người huấn luyện.

- Giai đoạn phát triển cao nhất: Trên nền tảng những yêu cầu, mục đích chung của toàn đội, các vận động viên dần hình thành những yêu cầu ở mức tối đa đối với bản thân mình. Lợi ích và mục đích của toàn đội đã hòa quyện với lợi ích và mục đích cá nhân, thành thể thống nhất đưa cả hai cùng phát triển đến mức cao nhất. Từng vận động viên không chỉ đặt ra những yêu cầu cao đối với chính mình mà còn đối với đồng đội, huấn luyện viên. Việc huấn luyện ở giai đoạn này trở nên khó khăn hơn vì đội tuyển đã trưởng thành về mặt tổ chức, các vận động viên có thể tự giác hoặc cần sự hỗ trợ rất ít để thực hiện những kế hoạch đề ra, họ sẽ chỉ tán thành và hợp tác với những kế hoạch ý kiến thuyết phục, chặt chẽ và đầy đủ cơ sở. Do đó, huấn luyện viên cần phải không ngừng nỗ lực để trau dồi năng lực, phẩm chất, hướng đến ngày một hoàn thiện hơn.

### **1.3. Bầu không khí tâm lý**

Là một trong những vấn đề khá phức tạp trong tâm lý học xã hội, khó định đoán, ước lượng, do đó, hiện nay, còn tồn tại khá nhiều quan điểm về bầu không khí tâm lý.

Theo Platonov, bầu không khí tâm lý là sự tác động lẫn nhau giữa môi trường xã hội và vật lý với nhân cách. Sự tác động lẫn nhau này được phản ánh trong ý thức của nhóm. [1, tr.30]

Trong các công trình nghiên cứu của mình, các nhà tâm lý học T.Mozenob, M.Unozenuk đã khẳng định rằng cần phải hiểu bầu không khí

tâm lý như là trạng thái tâm lý của cảm xúc được hình thành trong nhân cách.  
[1, tr. 29]

Theo V.M.Sêpel: Bầu không khí tâm lý là là sắc thái xúc cảm giữa các thành viên trong tập thể. Nó xuất hiện trên cơ sở gần gũi, thiện cảm, giống nhau về mặt tính cách, hứng thú và xu hướng giữa các thành viên. [3]

Tiếp cận theo hướng dư luận xã hội, nhà tâm lý học V.I.Mikheep cho rằng: Bầu không khí tâm lý là dư luận xã hội ở tập thể về thái độ lao động, thái độ đối với tập thể, đối với lãnh đạo và với các cá nhân khác.

Tại Việt Nam, thuật ngữ bầu không khí tâm lý cũng được các nhà tâm lý học nghiên cứu và đúc kết thành những khái niệm khác nhau tùy thuộc vào góc độ nghiên cứu và hướng tiếp cận.

Tác giả Ngô Công Hoàn khẳng định: Bầu không khí tâm lý là toàn bộ các trạng thái tâm lý có ý nghĩa quyết định đến tốc độ, nhịp điệu, cường độ hoạt động chung của các thành viên trong nhóm xã hội, đó là không gian chứa đựng các trạng thái tâm lý chung của toàn nhóm trong một thời gian nhất định.

Nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong tập thể sản xuất, tác giả Phạm Mạnh Hà cho rằng: “Bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý của tập thể. Nó thể hiện sự phức hợp tâm lý xã hội, sự tương tác giữa các thành viên và mức độ dung hợp các đặc điểm tâm lý trong các quan hệ liên nhân cách của họ. Là tính chất của mối quan hệ qua lại giữa mọi người trong tập thể. Là tâm trạng chính trong tập thể. Là sự thỏa mãn của người công nhân đối với công việc được thực hiện.” [15]

Khẳng định bầu không khí tâm lý tồn tại khách quan trong tổ chức, tác giả Vũ Dũng quan niệm: “Bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý của tổ chức. Nó thể hiện sự phối hợp tâm lý xã hội, sự tương tác giữa các thành viên và mức độ dung hợp các đặc điểm tâm lý trong quan hệ liên nhân cách.” [9]

Nghiên về yếu tố hòa hợp của các phẩm chất tâm lý cá nhân ở mỗi thành viên trong tập thể, tác giả Nguyễn Bá Dương cho rằng: “Bầu không khí tâm lý tập thể là hiện tượng tâm lý biểu hiện mức độ hoạt động, hòa hợp về các phẩm chất tâm lý cá nhân của con người trong tập thể, nó được hình thành từ thái độ của mọi người trong tập thể đối với công việc, bạn bè, đồng nghiệp và người lãnh đạo trong tập thể.” [11]

Cùng góc nhìn đó, tác giả Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu và Nguyễn Thị Thanh Vân trong các nghiên cứu của mình cũng đã thống nhất bầu không khí tâm lý là trạng thái nổi bật của tập thể và được cụ thể hóa thông qua thái độ của các thành viên đối với nhau, thái độ đối với công việc chung của tập thể và thái độ đối với chính bản thân mình. [23, 51]

Bên cạnh những tác giả tiêu biểu đã nêu, nhiều công trình nghiên cứu của các nhà tâm lý học cũng đã đưa ra những khái niệm không đồng nhất về bầu không khí tâm lý. Ví dụ như xem bầu không khí tâm lý là một tập hợp những đặc điểm tâm lý xã hội của từng thành viên trong nhóm; là sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và đạo đức của các thành viên trong nhóm; là môi trường hình thành giữa con người với con người đang trực tiếp tiếp xúc với nhau; v.v...

Nhìn chung, tùy thuộc vào cách tiếp cận, giữa các tác giả còn tồn tại những quan điểm khác nhau về bầu không khí tâm lý, tuy nhiên vẫn có những điểm chung, mang tính cơ sở được thống nhất về khái niệm này:

- Coi bầu không khí tâm là lớp sơn cảm xúc hay trạng thái tâm lý của tập thể.
- Phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác cũng như mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể.
- Được biểu hiện thông qua thái độ các thành viên với nhau và với các công việc chung của tập thể.

Chất lọc những quan điểm trên, có thể hiểu về bầu không khí thông qua khái niệm sau: *Bầu không khí tâm lý tập thể là trạng thái tâm lý của tập thể, phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Nó được biểu hiện thông qua thái độ giữa các thành viên với nhau, thái độ với công việc chung và thái độ với chính bản thân từng thành viên trong tập thể.*

Những đặc điểm nổi bật cần phải lưu ý khi nghiên cứu về khái niệm bầu không khí tâm lý tập thể.

### ***1.3.1. Nguồn gốc hình thành bầu không khí tâm lý tập thể***

Bầu không khí tâm lý tập thể hình thành từ sự phản ánh những điều kiện sống và hoạt động của tập thể cũng như của xã hội trong những giai đoạn nhất định. Hiểu theo một cách khác, nó là một mặt của đời sống tinh thần tập thể, một khía cạnh của ý thức xã hội cũng như một số các hiện tượng tâm lý tập thể khác. Một mặt, bầu không khí tâm lý phản ánh những điều kiện hoạt động chung về vật chất và tinh thần của giai cấp, tầng lớp xã hội nói chung. Mặt khác, nó phản ánh những điều kiện riêng như thành phần của tập thể, đặc điểm tâm lý của từng thành viên, sự phân công, trình độ cũng như phong cách lãnh đạo, mối quan hệ qua lại giữa các thành viên. Những yếu tố này hình thành nên màu sắc tâm lý riêng của mỗi tập thể. Dù vậy, đây không phải là một yếu tố bất động, bất biến. Trải qua các sự kiện, các biến cố, bầu không khí tâm lý được củng cố phát triển bởi từng thành viên trong tập thể, bởi sự thống nhất về mục đích và văn hóa, hệ thống giá trị cũng như sự hòa hợp về mặt tâm lý của mỗi cá nhân trong tập thể.

### ***1.3.2. Quá trình hình thành bầu không khí tâm lý tập thể***

Bầu không khí tâm lý phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Như vậy, sự hình thành bầu không khí tâm lý trong tập thể phải thông qua hoạt động và giao tiếp.

Với ba chức năng cơ bản là thông tin liên lạc, điều chỉnh hành vi và kích động liên lạc, thông qua giao tiếp, những cảm xúc nảy sinh giữa con người với con người trong mối quan hệ qua lại tác động lẫn nhau được bộc lộ rõ nét, đó là cơ sở của việc hình thành bầu không khí tâm lý tập thể. Những cảm xúc này được biểu hiện dưới hai trạng thái: tích cực và tiêu cực.

- Những cảm xúc tích cực là những cảm xúc dương tính, bộc lộ được sự gắn bó; ý muốn hợp tác, hành động cùng nhau, gắn bó với tập thể; bộc lộ trách nhiệm cao đối với công việc có tính mục đích chung của tập thể.
- Những cảm xúc tiêu cực là những cảm xúc âm tính, thể hiện sự chia rẽ, bất hợp tác và thiếu gắn bó với người khác cũng như với tập thể và công việc chung.

Như vậy, có thể thấy bầu không khí tâm lý được hình thành trên cơ sở của giao tiếp, gắn liền và không tách rời khỏi hoạt động và giao tiếp. Nguồn gốc của giao tiếp nằm trong chính hoạt động sống mang tính vật chất của các cá nhân. Thông qua bầu không khí tâm lý, mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể được phản ánh một cách trung thực và cụ thể. Sự hiểu biết đầy đủ về nhau, những giá trị tư tưởng – đạo đức, khoảng cách giữa lãnh đạo và nhân viên được bộc lộ rõ ràng và minh bạch, giúp các thành viên trong tập thể nhận thức được rõ ràng để có những bước điều chỉnh thích hợp, tạo nên bầu không khí tâm lý tích cực.

### ***1.3.3. Nội dung bầu không khí tâm lý tập thể***

Dựa vào những cách tiếp cận khác nhau, xuất hiện sự phân chia khác nhau về nội dung bầu không khí tâm lý tập thể. Một cách nhìn nhận được tán đồng nhiều hiện nay là xem nó như trạng thái tâm lý nổi trội, phản ánh đặc điểm của những mối quan hệ liên cách. Đó là lý do bầu không khí tâm lý liên quan đến những mối quan hệ nhiều mặt giữa các thành viên trong tập thể. Những mối quan hệ đó có thể tóm tắt trong những mối quan hệ cơ bản sau:

- Quan hệ giữa các thành viên với người lãnh đạo – quản lý tập thể: Mỗi quan hệ này thể hiện sự công nhận vai trò, năng lực, sự hợp tác của các thành viên trong tập thể đối với sự điều hành của người lãnh đạo trong việc thực hiện mục đích chung của tập thể.
- Quan hệ giữa các thành viên trong tập thể: Đây là mối quan hệ theo chiều ngang, biểu hiện ở thái độ hợp tác, tích cực, quan tâm tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong tập thể.
- Quan hệ đối với công việc của tập thể: Được biểu hiện thông qua tính tích cực, năng suất của các thành viên trong lao động.
- Quan hệ đối với chính bản thân của mỗi thành viên: Thể hiện thông qua sự tự đánh giá, tự khẳng định và tính tích cực của mỗi thành viên.

Ở mỗi cá nhân, trong suốt quá trình tham gia vào tập thể, các yếu tố này thường xuyên tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, mỗi yếu tố là một mặt không thể thiếu trong bầu không khí tâm lý tập thể.

#### **1.4. Bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao**

##### ***1.4.1. Định nghĩa***

Đội tuyển thể thao là một tập thể với đầy đủ các điểm đặc trưng riêng biệt, vì vậy, dựa trên định nghĩa về bầu không khí tâm lý tập thể, có thể đưa ra cách hiểu về bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao như sau: ***Bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao là trạng thái tâm lý của tập thể, phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Nó được biểu hiện thông qua thái độ giữa các thành viên với nhau, thái độ với việc tập luyện, thi đấu và thái độ với chính bản thân từng thành viên trong đội tuyển.***

Là trạng thái tâm lý, bầu không khí tâm lý có tính chất bền vững tương đối và có sự ảnh hưởng nhất định đến đời sống tâm lý xã hội của đội tuyển thể thao. Thông qua hoạt động và giao tiếp, bầu không khí tâm lý được hình



thành và sau đó chi phối, tác động ngược lại đến nhận thức, thái độ và hành vi của các vận động viên trong đội tuyển. Sự chi phối này quyết định khá lớn đến trong việc bảo đảm các mục tiêu chung của đội tuyển được triển khai và thực hiện một cách hiệu quả, vì nó tạo nên những điều kiện tâm lý xã hội thuận lợi, tương tự như một “lớp sơn” cảm xúc phủ lên tất cả các mối quan hệ và các hoạt động chung.

Yếu tố nổi trội tạo nên bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao là thái độ xã hội, được hình thành từ vùng giao thoa giữa tâm lý cá nhân, cụ thể là thái độ của từng vận động viên trong đội tuyển với các yếu tố liên quan và thái độ xã hội. Phần thái độ xã hội này đại diện một cách tiêu biểu cho những điều kiện vật chất tinh thần cũng như đời sống tâm lý xã hội của đội tuyển thể thao.

#### ***1.4.2. Quá trình hình thành bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao***

Bầu không khí tâm lý phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Như vậy, sự hình thành bầu không khí tâm lý trong tập thể phải thông qua hoạt động và giao tiếp. Ngoài việc chỉ ra bốn mối quan hệ xác định nội dung bầu không khí tâm lý, các nghiên cứu cũng đã chỉ ra một cách tổng quát ba hướng phát triển bầu không khí tâm lý của một tập thể:

- Bầu không khí tâm lý phát triển theo hướng tự nhiên: Xuất phát từ sự tán đồng của đa số hoặc tất cả các thành viên trong tập thể.
- Trên cơ sở kinh nghiệm của người lãnh đạo, quản lý, bầu không khí tâm lý được xây dựng và là sản phẩm có mục đích, có tổ chức của người lãnh đạo.
- Ứng dụng những thành tựu của nghiên cứu khoa học như Tâm lý học, Xã hội học cùng với những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn hoạt động, bầu không khí tâm lý được đánh giá như là kết quả của hoạt động điều khiển

và điều chỉnh của nhà lãnh đạo, quản lý hoặc của các thành viên trong tập thể.

Như vậy, việc bầu không khí tâm lý được hình thành theo hướng nào phụ thuộc khá nhiều vào năng lực, khả năng, phong cách lãnh đạo của người quản lý cũng như các kinh nghiệm thực tiễn của các thành viên trong tập thể.

Với đội tuyển thể thao, dựa trên các giai đoạn phát triển của đội tuyển có thể phác thảo được quá trình hình thành của bầu không khí tâm lý đội tuyển như sau:

Giai đoạn thứ nhất: đội tuyển mới được tuyển chọn, tập hợp dựa trên các tiêu chí về năng khiếu, tố chất, sự đam mê. Với các thành viên tham gia vào đội tuyển trong giai đoạn này, mọi thứ còn khá mới mẻ và ngỡ ngàng. Bầu không khí tâm lý của đội chưa thống nhất và ổn định. Trong giai đoạn này, huấn luyện viên có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc gắn kết, điều hướng... tạo những tiền đề cơ sở giúp đội tuyển có thể hình thành bầu không khí tâm lý tích cực, dẫn hướng mục đích cá nhân vào mục đích chung của đội.

Giai đoạn hai: Sự quen thuộc và thích nghi giúp cá nhân tự tin hơn, dần khẳng định những khả năng vượt trội, cá tính cũng như cái tôi khác biệt so với các thành viên khác. Đội tuyển bắt đầu phân hóa thành các nhóm theo tinh thần và thái độ tích cực đối với tập thể. Xuất hiện mong muốn tự khẳng định mình giữa các thành viên trong đội, từ đó nảy sinh những xung đột từ mức độ vừa phải cho đến căng thẳng cao. Bầu không khí tâm lý trong giai đoạn này có thể ở trong trạng thái tiêu cực, căng thẳng hoặc bất hòa.

Giai đoạn thứ ba: Tùy thuộc phương pháp, năng lực của ban huấn luyện, ở giai đoạn này, bầu không khí tâm lý đội tuyển có thể phân hóa rõ theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

Giai đoạn thứ tư: Có thể xem là giai đoạn phát triển cao nhất khi nền tảng những yêu cầu, mục đích chung của đội đã được định hình tương đối rõ. Bầu

không khí tâm lý đội tuyển mang tính ổn định, bắt đầu phát huy sự ảnh hưởng, tác động đến từng thành viên của đội trong các nhiệm vụ cá nhân cũng như nhiệm vụ chung của toàn đội.

#### ***1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao***

Tồn tại khách quan trong tập thể dưới dạng một hiện tượng tâm lý xã hội, bầu không khí tâm lý chịu sự tác động của nhiều yếu tố, bao gồm yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan.

Những công trình nghiên cứu về bầu không khí tâm lý trên nền tảng tập thể lao động đã đề cập đến những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý tập thể gồm:

- Phong cách làm việc của người lãnh đạo: Sự thấu hiểu tâm trạng, nguyện vọng của các thành viên, biết phân công hợp lý và động viên đúng lúc từ người lãnh đạo giúp thành viên nhận được sự khích lệ. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh thái độ tôn trọng, biết khơi dậy sự sáng tạo, lòng nhiệt tình của người lao động sẽ giúp người lãnh đạo có cơ hội thành công cao hơn, góp phần tạo nên bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể.
- Sự lây lan tâm lý: tâm trạng của các thành viên trong một tập thể dễ dàng lan tỏa, ảnh hưởng đến nhau. Đây là một trong những yếu tố góp phần hình thành nên bầu không khí tâm lý của tổ chức.
- Điều kiện lao động: điều kiện lao động thoải mái, vệ sinh, đảm bảo các yếu tố an toàn giúp tạo nên bầu không khí tâm lý tích cực, qua đó nâng cao năng suất lao động. [9]

Được cụ thể hóa trong các công trình nghiên cứu về bầu không khí tâm lý lớp học, một số tác giả đã phân nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý thành các yếu tố bên ngoài và các yếu tố bên trong. Nhóm các yếu tố bên ngoài gồm:

- Tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường

- Đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học
- Điều kiện học tập và rèn luyện của học viên

Nhóm các yếu tố bên trong gồm

- Đặc điểm của người giảng viên đứng lớp
- Sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp
- Đặc điểm của hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp [23, 51]

Nhìn chung, với mỗi nghiên cứu, tùy thuộc vào hướng tiếp cận mà mỗi tác giả đã liệt kê ra những yếu tố có tác động, ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý. Phần nhiều các nghiên cứu này hướng đến đối tượng nghiên cứu là lớp học và tập thể lao động.

Đối với đội tuyển thể thao, các yếu tố tác động đến bầu không khí tâm lý gồm:

*Chế độ tập luyện, đãi ngộ:* Yếu tố này bao gồm thời gian, cường độ của việc luyện tập; sự quan tâm đầu tư của ban huấn luyện cũng như gia đình đến việc tập luyện của vận động viên. Trong quá trình tập luyện, việc quan tâm đầu tư đúng mức và hợp lý không chỉ tạo được những điều vật chất mà còn là nguồn động viên, khích lệ vận động viên vượt qua những trở ngại, rào cản ý chí, chinh phục được những tầng mức cao hơn trong việc luyện tập.

*Sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong đội tuyển:* Sự tương hợp này được xem xét ở mối quan hệ giữa các vận động viên trong đội cũng như giữa huấn luyện viên với vận động viên.

Sự tương hợp này được cụ thể hóa trong các mặt sau:

- Sự tương hợp trong nhận thức, cách suy nghĩ, quan điểm và lập trường.
- Sự tương hợp trong thái độ, cảm xúc, tình cảm.
- Sự tương hợp trong ý hướng hành động.

Ngoài ra, nếu nhìn nhận dưới góc độ nhân cách, sự tương hợp có thể được miêu tả trên 4 mặt

- Xu hướng nhân cách: sự tương hợp trong xu hướng nhân cách thể hiện qua việc các thành viên trong đội cùng giống nhau một cách tương đối ở những nhu cầu và hứng thú. Niềm tin và thế giới quan không đối chọi với nhau. Định hướng giá trị tương đối cùng hướng.
- Tính cách: Các thành viên trong đội được xem là có sự tương hợp trong tính cách khi những nét tính cách giữa họ không xung khắc với nhau. Các thành viên trong cùng một đội có thể chấp nhận cá tính của nhau một cách khéo léo, dung hòa và vui vẻ.
- Đặc điểm khí chất: Nhịp độ và cường độ hoạt động của các thành viên trong đội ăn khớp nhau thể hiện sự tương hợp khí chất giữa họ.
- Năng lực hoạt động: Sự tương hợp về năng lực hoạt động thể hiện ở trình độ hoặc khả năng hành động không chênh lệch nhau quá xa. Trên cơ sở đó, các thành viên trong đội tuyển có thể phối hợp với nhau trong các hành động chung và mang lại hiệu quả, mặt khác có thể học hỏi, rút kinh nghiệm lẫn nhau.

Ở các cá nhân riêng biệt, các yếu tố trong sự tương hợp không nhất thiết phải giống nhau. Chúng hoàn toàn có thể linh động, chuyển hóa bù trừ cho nhau.

Sự tương hợp về tâm lý giúp các cá nhân quan hệ với nhau hài hòa, ôn hòa, hạn chế thấp nhất những bất đồng, xung khắc, nâng tính gắn kết trong mối quan hệ. Ngoài ra, yếu tố này còn tạo điều kiện thuận lợi, giúp các thành viên trong đội phối hợp với nhau một cách hài hòa trong việc tập luyện, thi đấu góp phần nâng cao thành tích. Như vậy, yếu tố tương hợp về tâm lý giúp các thành viên xây dựng được một đội tuyển đoàn kết, gắn bó, hướng tất cả vào việc thực hiện mục đích chung của tập thể.

*Đặc điểm tính cách của vận động viên:* Những đặc điểm riêng về tính cách của các vận động viên có những mức độ ảnh hưởng nhất định trong việc hình thành bầu không khí tâm lý tích cực hay tiêu cực của đội tuyển. Trong những nghiên cứu về sự ảnh hưởng của các kiểu nhân cách, quan hệ liên nhân cách ảnh hưởng tới bầu không khí tâm lý tập thể đã liệt kê ra được một số kiểu tính cách ảnh hưởng tích cực tới bầu không khí tâm lý tập thể là kiểu hướng ngoại, cái tôi mạnh, lo lắng, nhạy cảm cao, can đảm, trí tuệ cao, tự tin, cấp tiến, phụ thuộc, có chính kiến rõ ràng, khả năng chịu căng thẳng cao. Các kiểu nhân cách đối lập, gây ảnh hưởng tiêu cực ở các mức độ khác nhau đối với bầu không khí tâm lý tập thể. [3]

Trong đội tuyển thể thao, các yếu tố này có những ảnh hưởng nhất định đến bầu không khí tâm lý của đội. Sự kết hợp giữa chúng quyết định nên bầu không khí tâm lý tích cực hay tiêu cực của đội tuyển.

#### ***1.4.4. Các thành phần trong bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao***

Cấu trúc bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao có thể chia thành bốn phần. Mỗi phần được cụ thể hóa bằng thái độ của cá nhân đối với các yếu tố liên quan.

- Thái độ giữa vận động viên với huấn luyện viên: Nhiều nhà nghiên cứu xem đây là mối quan hệ theo chiều dọc, tức mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa người lãnh đạo tập thể và các thành viên trong tập thể. Trong một đội tuyển thể thao, huấn luyện viên là người gắn bó, tiếp xúc và có nhiều trách nhiệm nhất với các vận động viên. Huấn luyện viên sẽ là người trực tiếp huấn luyện; dẫn dắt, chăm lo vận động viên khi thi đấu; quan tâm, chú ý đến đời sống tinh thần của vận động viên, đại diện cho tiếng nói và nguyện vọng của vận động viên. Mối quan hệ này được thể hiện thông qua sự tôn trọng, hợp tác giữa hai bên.

- Thái độ giữa vận động viên với nhau: Dù là mối quan hệ theo chiều ngang, tuy nhiên nó đóng vai trò hết sức quan trọng vì là một trong những yếu tố chính hình thành bối cảnh chung cho việc tập luyện. Thái độ này biểu hiện cụ thể ở mức độ liên kết, tương trợ, sự yêu thích và hợp tác cùng nhau.
- Thái độ đối với việc tập luyện: Thái độ này phụ thuộc nhiều vào lòng đam mê của vận động viên đối với bộ môn thể thao đang theo đuổi. Nó được thể hiện cụ thể thông qua sự siêng năng, chăm chỉ trong việc luyện tập, sự tự giác, tích cực cũng như ý chí vượt qua những giới hạn để đạt được những thành quả cao trong việc tập luyện cũng như thi đấu.
- Thái độ đối với bản thân: Thái độ của mỗi cá nhân đối với bản thân mình khi tham gia các hoạt động, trở thành một thành viên trong đội tuyển. Nó được thể hiện cụ thể trong việc cá nhân tự đánh giá bản thân, những xúc cảm, tình cảm diễn ra trong quá trình hoạt động trong tập thể, tương tác, giao tiếp với đồng đội.

#### ***1.4.5. Biểu hiện cụ thể của bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao***

Một số nghiên cứu về bầu không khí tâm lý của tập thể lao động đã đưa ra thống kê về các dấu hiệu của bầu không khí tâm lý tích cực gồm: sự tín nhiệm và đòi hỏi cao giữa các thành viên trong tập thể đối với nhau; sự phê bình có tính đóng góp, xây dựng giữa các thành viên; các thành viên được tự do, thoải mái đóng góp ý kiến liên quan đến tập thể; các thành viên được cung cấp đầy đủ về quyền và trách nhiệm của mình trong tập thể; cảm thấy thoải mái khi ở trong tập thể... [8]

Với một số tác giả nghiên cứu về bầu không khí tâm lý trong lớp học, khi xem xét theo từng nhóm thái độ, các biểu hiện tích cực và tiêu cực của bầu không khí tâm lý được cụ thể hóa thành những tiêu chí sau:

*Thái độ các học viên trong lớp đối với nhau*

Biểu hiện tích cực: Thích giao tiếp với nhau; quan tâm lẫn nhau; yêu thương, nhường nhịn; yêu cầu cao lẫn nhau; hòa hợp; đoàn kết giữa các thành viên; tin tưởng; có tinh thần dân chủ, vì tập thể; có tinh thần giúp đỡ, tương trợ; có tinh thần xây dựng; có tinh thần thi đua lành mạnh; có tinh thần hợp tác với nhau trong hoạt động; chân thành với nhau; tôn trọng lẫn nhau; đồng cảm giữa các thành viên; trung thực với nhau; hấp dẫn lẫn nhau; hài lòng về nhau; đánh giá bạn bè là cần thiết.

Biểu hiện tiêu cực: Ghét giao tiếp với nhau; thờ ơ; thù hằn; tranh giành giữa các thành viên; dễ dãi trong yêu cầu đối với nhau; xung khắc; chia rẽ; mất tin tưởng; thái độ độc đoán, bảo thủ; ích kỷ; có ý muốn hãm hại nhau; ganh đua ghen ghét; tinh thần bất hợp tác; giả tạo; xem thường mọi người; thiếu sự thông cảm; gian dối; ghê sợ nhau; bắt cần bạn bè; bất mãn về nhau.

*Thái độ đối với giảng viên*

Biểu hiện tích cực: Yêu thích; tôn trọng; cởi mở; yêu cầu cao; hợp tác; tin tưởng; trung thực; gần bó; hài lòng; đánh giá giảng viên rất cần thiết.

Biểu hiện tiêu cực: Chán ghét; xem thường; khép kín với giảng viên; yêu cầu dễ dãi; chống đối; mất niềm tin; gian dối; lạnh nhạt; bất mãn; bất cần.

*Thái độ đối với bản thân*

Biểu hiện tích cực: Tự tin trước tập thể; tự trọng; cầu tiến; khiêm tốn; tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể; thoải mái khi nói ra quan điểm, điều bản thân mong muốn; tôn trọng bản sắc riêng của mình trong tập thể; tự yêu cầu cao một cách hợp lý; mong muốn tự lập, không dựa dẫm vào người khác.

Biểu hiện tiêu cực: Nhút nhát; mất đi lòng tự trọng; an phận; kiêu căng; miễn cưỡng dung hòa; khó khăn khi nói ra quan điểm, mong muốn; xem thường bản sắc riêng của mình trong tập thể; dễ dãi trong yêu cầu đối với bản



thân; không tin tưởng ở bản thân; chấp nhận việc phụ thuộc vào người khác.

*Thái độ đối với việc học tập*

Biểu hiện tích cực: xem trọng việc học; tin tưởng vào hoạt động đào tạo của nhà trường; nhất trí với các mục tiêu giảng dạy của giáo viên; có tinh thần xây dựng nội dung bài học; say mê nội dung bài giảng; hứng thú với phương pháp giảng dạy của giáo viên; hứng thú với hình thức dạy học lớp – bài; hứng thú với hình thức dạy học thực tế - ngoại khóa; cảm thấy thoải mái với các nhiệm vụ học tập và thi cử; thái độ trung thực trong học tập và thi cử; hài lòng về những đánh giá của giảng viên; có tinh thần ham học hỏi, hiểu biết; có tinh thần tự lực trong học tập; chủ động, thích sáng tạo trong học tập; gắn bó chuyên cần với hoạt động học tập trên lớp; có thái độ phê phán đấu tranh với cái sai, phản khoa học; đặt lợi ích học tập chung của tập thể lên trên lợi ích cá nhân; có tinh thần chia sẻ, hiểu biết lẫn nhau; động cơ học tập trong sáng.

Biểu hiện tiêu cực: xem thường; dựa dẫm vào người khác; thụ động; không thích sáng tạo trong học tập, chấp nhận cái có sẵn; gian dối trong học tập và thi cử; động cơ học tập tiêu cực; không hứng thú với phương pháp của giảng viên; buồn chán với việc lồng ghép bài học và hoạt động thực tế, ngoại khóa; không hứng thú với nội dung bài học; phá bình trong lớp; cảm thấy nặng nề trong học tập và thi cử; không có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ham hiểu biết; không hài lòng về đánh giá của giảng viên, về kết quả thi cử; dung túng, chấp nhận cái sai, phản khoa học; giấu kiến thức, ích kỉ trong việc chia sẻ hiểu biết; mất tin tưởng vào hoạt động đào tạo của nhà trường; bất đồng với các mục tiêu giảng dạy của giảng viên

*Thái độ đối với hoạt động rèn luyện đạo đức:*

Biểu hiện tích cực: xem trọng hoạt động rèn luyện đạo đức trong lớp học, trường học; tin tưởng vào các lực lượng tổ chức hoạt động rèn luyện cho sinh viên trong nhà trường; nhất trí với các mục tiêu rèn luyện; thích thú với các

nội dung rèn luyện; hứng thú với các hình thức rèn luyện; tự giác tham gia các hoạt động rèn luyện; hài lòng về kết quả đánh giá rèn luyện của tập thể; động cơ trong sáng khi tham gia hoạt động rèn luyện; có thái độ phê phán đấu tranh với các hành vi sai trái trong tập thể; vui vẻ khi tham gia các hoạt động rèn luyện của lớp học, nhà trường.

Biểu hiện tiêu cực: xem thường; không hứng thú với nội dung hoạt động; không hứng thú với hình thức hoạt động; miễn cưỡng tham gia; nặng nề khi tham gia; động cơ tham gia tiêu cực; chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái; bất đồng với các mục tiêu rèn luyện; không hài lòng về kết quả đánh giá rèn luyện của tập thể; không tin tưởng vào năng lực đội ngũ tổ chức các hoạt động rèn luyện, phong trào. [23, 51]

Mối quan hệ, trạng thái tình cảm, cảm xúc của các thành viên cũng là một tiêu chí quan trọng để đánh giá bầu không khí tâm lý thuận lợi hay không thuận lợi cho việc học tập, lao động, cụ thể gồm:

- Yếu tố trạng thái cảm xúc khi ở trong nhóm. Đó là trạng thái dễ chịu hay khó chịu khi ở trong nhóm. Ngoài ra, sự xuất hiện của bản thân sẽ tạo ra cảm xúc như thế nào cho các thành viên khác trong nhóm.
- Yếu tố mong muốn được tiếp xúc, gặp gỡ, giao tiếp với nhau trong nhóm: Mong muốn có nhiều cơ hội giao lưu với nhau cũng là một tiêu chí để đánh giá tình trạng bầu không khí tâm lý trong nhóm. Nếu bầu không khí tâm lý nặng nề khi ở trong nhóm vì công việc, không một ai lại mong muốn gặp những người trong nhóm đã tạo ra bầu không khí tiêu cực.
- Sự hiểu biết các thành viên trong nhóm: Đây cũng là một tiêu chí để đánh giá tình trạng bầu không khí tâm lý trong nhóm. Do có tâm trạng thoải mái khi gặp gỡ nhau vì vậy họ thường xuyên mong muốn giao tiếp, cùng tham gia hoạt động với nhau. Chính vì có cơ hội tiếp xúc với nhau

nhiều trong các hoạt động nên các phẩm chất tâm lý cá nhân của mỗi người được bộc lộ rõ giúp họ có sự hiểu biết các phẩm chất tâm lý của nhau. [3, tr. 34]

Từ những cơ sở đó, người nghiên cứu đưa ra những biểu hiện cụ thể, đánh giá tính tích cực của bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao như sau:

#### **Nhóm thái độ đối với huấn luyện viên**

1. Trao đổi thoải mái với huấn luyện viên về việc tập luyện và những vấn đề khác.
2. Tin tưởng vào năng lực chuyên môn của huấn luyện viên.
3. Hải lòng với những sắp xếp hạng cân/vị trí thi đấu của huấn luyện viên.
4. Thích ứng và nắm bắt được những bài tập, phương pháp huấn luyện của huấn luyện viên.
5. Học hỏi được nhiều điều từ huấn luyện viên.
6. Đánh giá huấn luyện viên là cần thiết

#### **Nhóm thái độ với đồng đội**

1. Giao tiếp thoải mái, vui vẻ với nhau.
2. Tự hào về nhau.
3. Hợp tác với nhau.
4. Hải lòng về nhau.
5. Hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong tập luyện.
6. Hiểu về nhau.
7. Cạnh tranh lành mạnh
8. Hải lòng vì sự tiến bộ chung.
9. Nhận thấy tầm quan trọng của đồng đội.

#### **Nhóm thái độ với việc luyện tập**

1. Tuân thủ giờ giấc, nội quy tập luyện.
2. Cảm thấy thoải mái, hưng phấn khi nghĩ đến việc tập luyện.

3. Nhận thức được lợi ích của các bài tập.
4. Trung thực trong tập luyện.
5. Có ý muốn gắn bó lâu dài với bộ môn.
6. HÀi lòng với chế độ lương thưởng.
7. Thấy được lợi ích của việc luyện tập.

**Nhóm thái độ đối với bản thân.**

1. Có mục tiêu rõ ràng.
2. Tự tin.
3. Yêu cầu cao với bản thân.
4. Thay đổi mình vì tập thể.
5. Trung thực.
6. Tự lập

Tóm lại, dù có sự khác biệt trong thuật ngữ sử dụng, tuy nhiên, một cách tổng quát, có thể phân chia bầu không khí tâm lý tập thể thành bầu không khí tâm lý tích cực và tiêu cực với tính chất, biểu hiện và những tác động trái ngược nhau đến tâm trạng của các thành viên trong tập thể, ý thức, tinh thần trách nhiệm cũng như các hoạt động chung

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Bầu không khí tâm lý là một vấn đề phức tạp, nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu với những góc độ tiếp cận khác nhau.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong một môi trường đặc thù như đội tuyển thể thao còn khá mới mẻ. Đứng trên quan điểm của tâm lý học hoạt động có thể xem bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao là trạng thái tâm lý chủ đạo của tập thể, phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Nó được biểu hiện thông qua thái độ giữa các thành viên với nhau, thái độ với việc tập luyện, thi đấu và thái độ với chính bản thân từng thành viên trong đội tuyển.

Trong quá trình nghiên cứu yếu tố này, cần quan tâm đến những biểu hiện cũng như các yếu tố ảnh hưởng của nó đến hoạt động tập luyện và thi đấu mang tính đặc thù của các vận động viên trong các đội tuyển thể thao.

## Chương 2: THỰC TRẠNG BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ MỘT SỐ ĐỘI TUYỂN THỂ THAO TẠI TP.HCM

### 2.1. Tổng quan về bầu không khí tâm lý một số đội tuyển thể thao tại thành phố Hồ Chí Minh

*Bảng 2.1: Tổng quan về bầu không khí tâm lý các đội tuyển thể thao tại Tp.HCM*

|              | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn | Mức độ       |
|--------------|-----------------|---------------|--------------|
| MUAY         | 2.00            | 0.33          | Khá tích cực |
| PENCAK SILAT | 2.12            | 0.2           | Khá tích cực |
| JUDO         | 2.75            | 0.3           | Trung tính   |
| KARATEDO     | 2.56            | 0.37          | Khá tích cực |
| TAEKWONDO    | 2.18            | 0.23          | Khá tích cực |
| BOXING       | 2.18            | 0.21          | Khá tích cực |

Kết quả nghiên cứu cho thấy, không có đội tuyển nào có biểu hiện bầu không khí tâm lý ở hai đầu cực là “Rất tích cực” và “Rất tiêu cực”. Cụ thể, ngoại trừ đội tuyển Judo có bầu không khí tâm lý trung tính (với điểm TB = 2.75), bầu không khí tâm lý ở các đội tuyển còn lại đều ở mức khá tích cực, trong đó, đội Muay có điểm TB = 2.00; đội Pencak silat là TB = 2.12; đội Karatedo TB = 2.56; đội Taekwondo TB = 2.18 và đội Boxing TB = 2.18. Em H.A.Tuấn – vận động viên tuyển dự bị tập trung, đội Pencak silat cho biết: “Các bạn trong đội khá thoải mái vui vẻ với nhau. Các buổi tập diễn ra khá hào hứng.” Trả lời phỏng vấn về đội tuyển Judo, anh Trần Huỳnh Thanh Quốc – quản lý tập huấn thi đấu tại trung tâm võ thuật Tp.HCM cho biết các yêu cầu thành tích của ban huấn luyện đội tuyển Judo khá cao, vì vậy, đội Judo có cường độ tập luyện căng thẳng hơn so với các đội tuyển khác.

Nhìn chung, với kết quả không có đội nào có bầu không khí tâm lý ở mức “Tiêu cực” và “Rất tiêu cực” là một tín hiệu vui, cho thấy các đội tuyển đang tập luyện, thi đấu trong những điều kiện tốt và tích cực. Tuy nhiên, khi xem xét cụ thể từng khía cạnh trong bầu không khí tâm lý giữa các đội sẽ thấy có sự đa dạng và khác biệt về mức độ của các yếu tố thành phần.

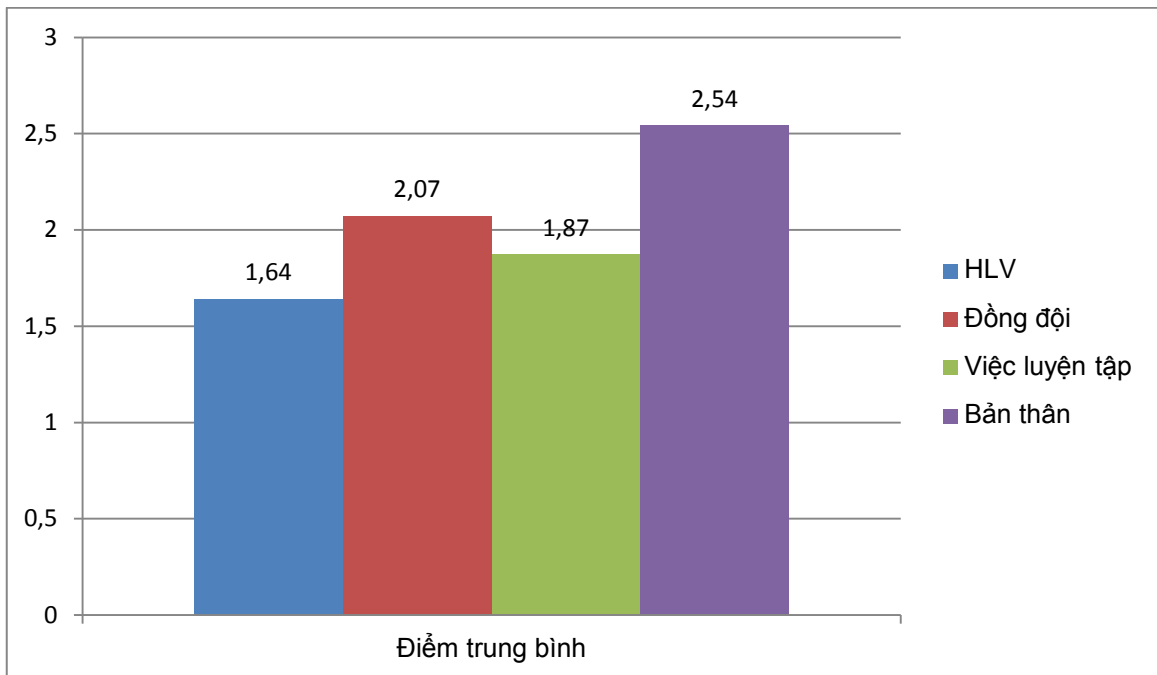
### 2.1.1. *Đội tuyển Muay*

**Bảng 2.2: DTB và DLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Muay**

|               | TĐ đ/v<br>HLV | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v việc<br>luyện tập | TĐ đ/v<br>bản thân |
|---------------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Trung bình    | 1.64          | 2.07               | 1.87                     | 2.54               |
| Độ lệch chuẩn | 0.49          | 0.36               | 0.31                     | 0.35               |
| Mức độ        | Rất tích cực  | Khá tích cực       | Khá tích cực             | Khá tích cực       |

Kết quả khảo sát đối với các vận động viên đội tuyển Muay cho thấy các thành viên trong đội có thái độ rất tích cực đối với huấn luyện viên (TB = 1.64). Trong các đội tuyển thể thao, huấn luyện viên ngoài vai trò là người thầy, truyền đạt hướng dẫn kỹ thuật, bài tập còn được xem là người thân thiết khi phải gần gũi, chăm lo cho sức khỏe, đời sống, suy nghĩ, tình cảm... của vận động viên. Do đó, sự gắn bó, tin tưởng của vận động viên dành cho người huấn luyện là một trong những yếu tố góp phần nâng cao chất lượng của việc tập luyện, cải thiện thành tích.

Các nhóm thái độ còn lại ở đội tuyển Muay đều ở mức khá tích cực, trong đó, nhóm thái độ đối với bản thân có điểm trung bình cao nhất (với TB = 2.54).



**Biểu đồ 2.1: Điểm trung bình từng nhóm thái độ của đội tuyển Muay**

Phân tích mối tương quan giữa 4 yếu tố, ta có hệ số tương quan như sau

**Bảng 2.3: Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Muay**

|                       | Th.độ đ/v<br>HLV | Th.độ đ/v<br>đồng đội | Th.độ đ/v việc<br>tập luyện | Th.độ đ/v<br>bản thân |
|-----------------------|------------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|
| TĐ đ/v HLV            | 1                | 0.724(**)             | 0.609 (**)                  | 0.490 (**)            |
| TĐ đ/v đồng đội       |                  | 1                     | 0.857 (**)                  | 0.605 (**)            |
| TĐ đ/v việc tập luyện |                  |                       | 1                           | 0.577 (**)            |
| TĐ đ/v bản thân       |                  |                       |                             | 1                     |

(\*\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.01$

Từ bảng trên có thể thấy được, trong đội tuyển Muay, nhóm thái độ đối với đồng đội và thái độ đối với việc tập luyện có hệ số tương quan cao nhất (0.857), kết quả này cho thấy có sự liên hệ khá chặt chẽ giữa hai nhóm thái độ này. Điều này hoàn toàn dễ hiểu vì trong quá trình tập luyện, các vận động viên phải thể hiện tinh thần hợp tác cao độ, giúp đỡ nhau trong luyện tập. Thái độ, mối quan hệ giữa các thành viên trong đội không chỉ tác động đến cảm



xúc mà còn tác động trực tiếp đến kết quả tập luyện. Nếu các thành viên trong đội không gắn bó, thân thiết, hỗ trợ nhau, thành tích tập luyện sẽ không thể cải thiện, hoặc tệ hơn, có thể sụt giảm. Ngược lại, nếu các thành viên trong đội gắn bó, có sự hỗ trợ nhau trong luyện tập, điều này sẽ giúp cải thiện khả năng và kết quả tập luyện của mỗi thành viên trong đội.

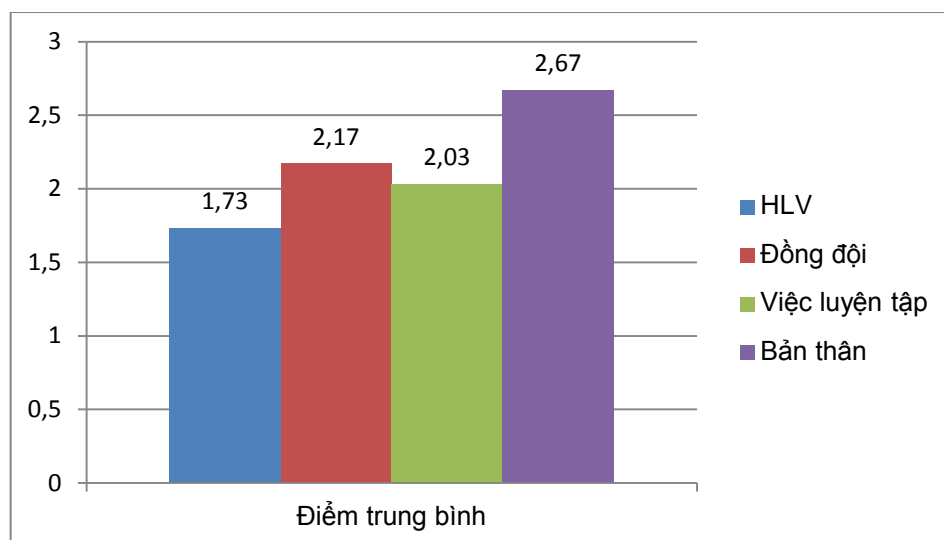
Hệ số tương quan giữa nhóm thái độ đối với huấn luyện viên và nhóm thái độ đối với đồng đội cũng ở mức cao (0.724).

Nhóm thái độ đối với huấn luyện viên và thái độ đối với bản thân có hệ số tương quan dưới trung bình (0.490). Dù chưa phải là một hệ số quá thấp nhưng cũng đã cho thấy mối liên hệ khá mờ nhạt giữa hai yếu tố này.

### 2.1.2. *Đội tuyển Pencaksilat*

**Bảng 2.4: ĐTB và ĐLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Pencaksilat**

|               | TĐ đ/v HLV   | TĐ đ/v đồng đội | TĐ đ/v việc luyện tập | TĐ đ/v bản thân |
|---------------|--------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| Trung bình    | 1.73         | 2.17            | 2.03                  | 2.67            |
| Độ lệch chuẩn | 0.27         | 0.26            | 0.25                  | 0.42            |
| Mức độ        | Rất tích cực | Khá tích cực    | Khá tích cực          | Trung bình      |



**Biểu đồ 2.2: Điểm trung bình từng nhóm thái độ của đội tuyển Pencaksilat**

Kết quả khảo sát cho thấy, ở đội tuyển Pencaksilat, thái độ của vận động viên với huấn luyện viên có điểm trung bình là 1.73. Con số này thể hiện thái độ rất tích cực. Hai nhóm thái độ đối với đồng đội và đối với việc luyện tập có mức độ khá tích cực với điểm trung bình lần lượt là 2.17 và 2.03. Tuy nhiên, thái độ của vận động viên ở bộ môn này đối với bản thân không tích cực lắm, chỉ ở mức trung tính với điểm trung bình là 2.67. Chị H.T.P.Em – huấn luyện viên tuyển năng khiếu trọng điểm, đội Pencaksilat nhận xét: “Các em khá siêng năng, tích cực trong việc tập luyện, tuy nhiên, có một khuyết điểm lớn là thiếu tự tin. Đặc biệt là trong khi thi đấu. Đây là điều mà ban huấn luyện hiện rất quan tâm và mong muốn tìm phương án cải thiện.” Chị cho biết thêm, có nhiều trận đấu, đánh giá các mặt kỹ thuật, thể lực, chiến thuật, các em hoàn toàn có thể thắng đối thủ, tuy nhiên, lại dễ thua chỉ vì thiếu tự tin.

**Phân tích mối tương quan giữa 4 yếu tố, ta có hệ số tương quan như sau**

**Bảng 2.5: Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Pencaksilat**

|                       | TĐ đ/v<br>HLV | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v việc<br>tập luyện | TĐ đ/v<br>bản thân |
|-----------------------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| TĐ đ/v HLV            | 1             | 0.361(**)          | 0.641 (**)               | 0.131              |
| TĐ đ/v đồng đội       |               | 1                  | 0.389 (**)               | - 0.154            |
| TĐ đ/v việc tập luyện |               |                    | 1                        | 0.266 (*)          |
| TĐ đ/v bản thân       |               |                    |                          | 1                  |

(\*\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.01$  (\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.05$

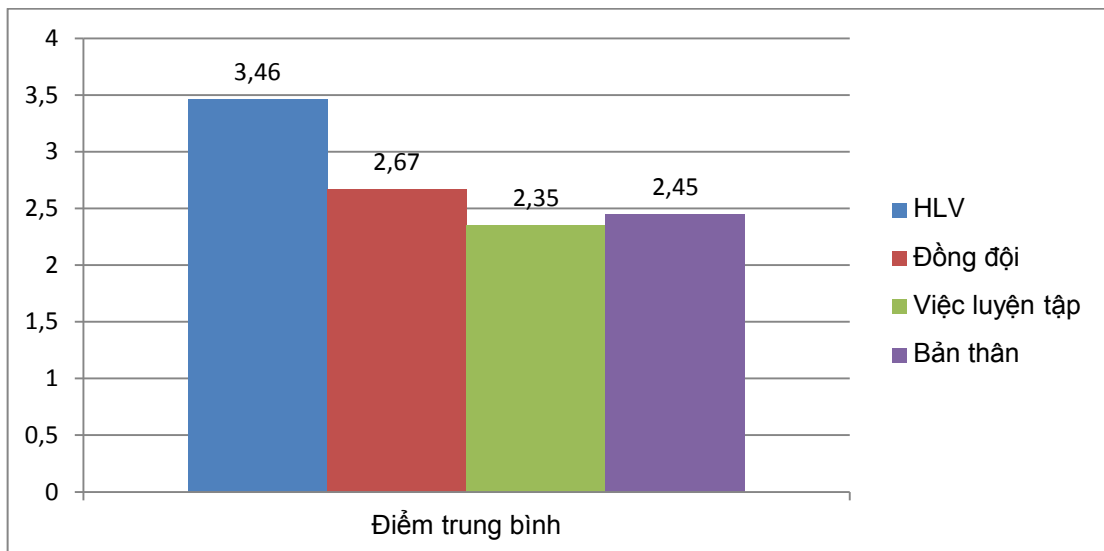
Kết quả tính toán về hệ số tương quan ở đội tuyển Pencaksilat cho thấy có mối tương quan cao giữa nhóm thái độ đối với huấn luyện viên và nhóm thái độ với việc luyện tập ( $r = 0.641$ ). Như vậy, tình cảm, thái độ của vận động viên đối với huấn luyện viên sẽ có những ảnh hưởng tác động nhất định đến thái độ, tính tích cực của các em dành cho việc luyện tập. “Các em sẽ tập luyện tích cực và hăng say hơn với các huấn luyện viên mà các em yêu mến, có cảm tình.” – huấn luyện viên trưởng của đội Pencaksilat cho biết.

Các nhóm thái độ còn lại có hệ số tương quan khá thấp thể hiện mối liên kết không chặt chẽ giữa các yếu tố này.

### 2.1.3. *Đội tuyển Judo*

**Bảng 2.6: DTB và DLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Judo**

|               | TĐ đ/v HLV   | TĐ đ/v đồng đội | TĐ đ/v việc luyện tập | TĐ đ/v bản thân |
|---------------|--------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| Trung bình    | 3.46         | 2.67            | 2.35                  | 2.45            |
| Độ lệch chuẩn | 0.74         | 0.5             | 0.45                  | 0.4             |
| Mức độ        | Khá tiêu cực | Trung bình      | Khá tích cực          | Khá tích cực    |



**Biểu đồ 2.3: Điểm trung bình từng nhóm thái độ của đội tuyển Judo**

Điểm trung bình thu được từ kết quả khảo sát trên đội tuyển Judo cho thấy nhóm thái độ đối với huấn luyện viên được thể hiện ở mức khá tiêu cực (TB = 3,46). Thái độ của vận động viên đội tuyển Judo Tp.HCM đối với đồng đội được biểu hiện ở mức trung tính (với điểm trung bình TB = 2.67). Hai nhóm thái độ còn lại đều ở mức khá tích cực với điểm trung bình của nhóm thái độ đối với việc luyện tập là 2.35 và điểm trung bình của nhóm thái độ đối với bản thân là 2.45.

**Phân tích mối tương quan giữa 4 yếu tố, ta có hệ số tương quan như sau**

**Bảng 2.7: Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Judo**

|                       | <b>TĐ đ/v<br/>HLV</b> | <b>TĐ đ/v<br/>đồng đội</b> | <b>TĐ đ/v việc<br/>tập luyện</b> | <b>TĐ đ/v<br/>bản thân</b> |
|-----------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TĐ đ/v HLV            | 1                     | 0.335 (*)                  | - 0.285                          | 0.127                      |
| TĐ đ/v đồng đội       |                       | 1                          | -0.195                           | -0.044                     |
| TĐ đ/v việc tập luyện |                       |                            | 1                                | 0.342 (*)                  |
| TĐ đ/v bản thân       |                       |                            |                                  | 1                          |

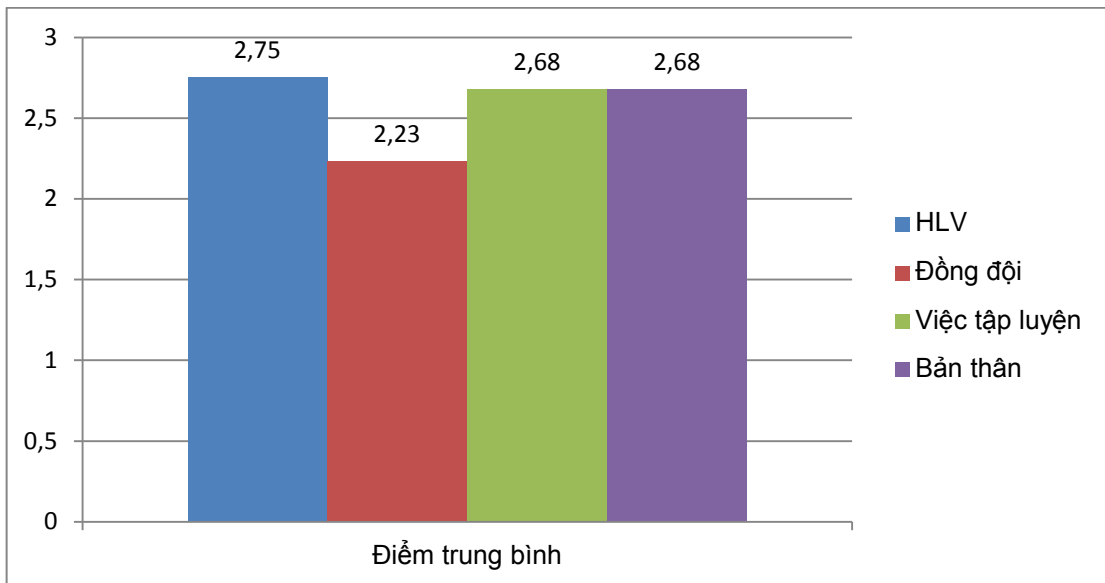
(\*\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.01$  (\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.05$

Kết quả khảo sát hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố trên đội tuyển Judo cho thấy giữa thái độ đối với huấn luyện viên và thái độ đối với đồng đội; thái độ đối với việc tập luyện và thái độ đối với bản thân có hệ số tương quan thấp (lần lượt là 0.335 và 0.342). Hệ số này cho thấy có sự liên hệ mờ nhạt giữa các nhóm yếu tố này.

#### **2.1.4. Đội tuyển Karatedo**

**Bảng 2.8: ĐTB và DLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Karatedo**

|               | <b>TĐ đ/v<br/>HLV</b> | <b>TĐ đ/v<br/>đồng đội</b> | <b>TĐ đ/v việc<br/>luyện tập</b> | <b>TĐ đ/v<br/>bản thân</b> |
|---------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Trung bình    | 2.75                  | 2.23                       | 2.68                             | 2.68                       |
| Độ lệch chuẩn | 0.63                  | 0.47                       | 0.61                             | 0.5                        |
| Mức độ        | Trung bình            | Khá tích cực               | Trung bình                       | Trung bình                 |



**Biểu đồ 2.4: Điểm trung bình từng nhóm thái độ của đội tuyển Karatedo**

Kết quả khảo sát trên từng nhóm thái độ ở đội tuyển Karatedo cho thấy chỉ có một nhóm thái độ nằm ở mức khá tích cực, đó là nhóm thái độ đối với đồng đội (với điểm trung bình = 2.23). Ba nhóm thái độ còn lại đều được xếp ở mức trung tính, trong đó nhóm thái độ đối với huấn luyện viên có điểm trung bình cao nhất (TB = 2.75); hai nhóm thái độ còn lại có điểm trung bình ngang nhau là nhóm thái độ đối với việc tập luyện và nhóm thái độ đối với bản thân (cùng có điểm trung bình là 2.68).

**Phân tích mối tương quan giữa 4 yếu tố, ta có hệ số tương quan như sau**

**Bảng 2.9: Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Karatedo**

|                       | TĐ đ/v<br>HLV | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v<br>việc tập luyện | TĐ đ/v<br>bản thân |
|-----------------------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| TĐ đ/v HLV            | 1             | 0.149              | 0.404 (**)               | 0.062              |
| TĐ đ/v đồng đội       |               | 1                  | 0.168                    | 0.753 (**)         |
| TĐ đ/v việc tập luyện |               |                    | 1                        | 0.141              |
| TĐ đ/v bản thân       |               |                    |                          | 1                  |

(\*\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.01$  (\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.05$

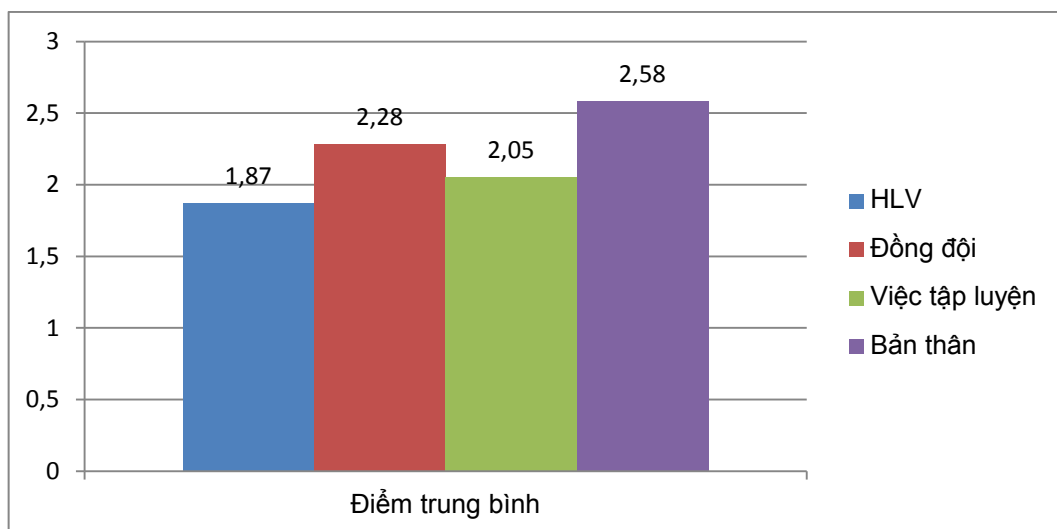
Ở đội tuyển Karatedo, kết quả khảo sát về hệ số tương quan cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa nhóm thái độ đối với đồng đội và nhóm thái độ đối với bản thân ( $r = 0.753$ ). Như vậy, mối quan hệ ứng xử giữa các cá nhân trong đội với nhau sẽ có tác động khá mạnh đến thái độ của mỗi người đối với chính bản thân họ.

Một nhóm thái độ khác có hệ số tương quan ở mức trung bình đó là nhóm thái độ đối với huấn luyện viên và thái độ đối với việc luyện tập ( $r = 0.404$ ). Dù không cao, nhưng hệ số này cũng cho thấy có sự liên hệ nhất định giữa hai yếu tố này. Tuy nhiên, việc nâng cao hệ số này theo hướng tích cực là vấn đề cần phải lưu tâm đến nhằm góp phần nâng cao thành tích trong tập luyện và thi đấu.

### 2.1.5. *Đội tuyển Taekwondo*

**Bảng 2.10: DTB và DLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Taekwondo**

|               | TĐ đ/v<br>HLV | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v việc<br>luyện tập | TĐ đ/v<br>bản thân |
|---------------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Trung bình    | 1.87          | 2.28               | 2.05                     | 2.58               |
| Độ lệch chuẩn | 0.34          | 0.34               | 0.33                     | 0.33               |
| Mức độ        | Khá tích cực  | Khá tích cực       | Khá tích cực             | Khá tích cực       |



**Biểu đồ 2.5: Điểm trung bình từng nhóm thái độ của đội tuyển Taekwondo**

Kết quả khảo sát trên đội tuyển Taekwondo cho thấy điểm trung bình bốn nhóm thái độ đều ở mức khá tích cực, trong đó, điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm thái độ đối với bản thân (TB = 2.58). Điểm trung bình thấp nhất là 1. 87, thuộc về nhóm thái độ đối với huấn luyện viên. Hai nhóm còn lại: nhóm thái độ đối với đồng đội và nhóm thái độ đối với việc tập luyện có điểm trung bình lần lượt là 2.28 và 2.05.

**Phân tích mối tương quan giữa 4 yếu tố, ta có hệ số tương quan như sau**

**Bảng 2.11: Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Taekwondo**

|                       | <b>TĐ đ/v<br/>HLV</b> | <b>TĐ đ/v<br/>đồng đội</b> | <b>TĐ đ/v việc<br/>tập luyện</b> | <b>TĐ đ/v<br/>bản thân</b> |
|-----------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| TĐ đ/v HLV            | 1                     | 0.108                      | 0.352 (*)                        | 0.164                      |
| TĐ đ/v đồng đội       |                       | 1                          | 0.271                            | 0.421 (**)                 |
| TĐ đ/v việc tập luyện |                       |                            | 1                                | 0.313 (*)                  |
| TĐ đ/v bản thân       |                       |                            |                                  | 1                          |

(\*\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.01$  (\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.05$

Ở đội tuyển Taekwondo, kết quả khảo sát cho thấy có sự tương quan ở mức trung bình giữa thái độ đối với bản thân và thái độ đối với đồng đội ( $r = 0.421$ ).

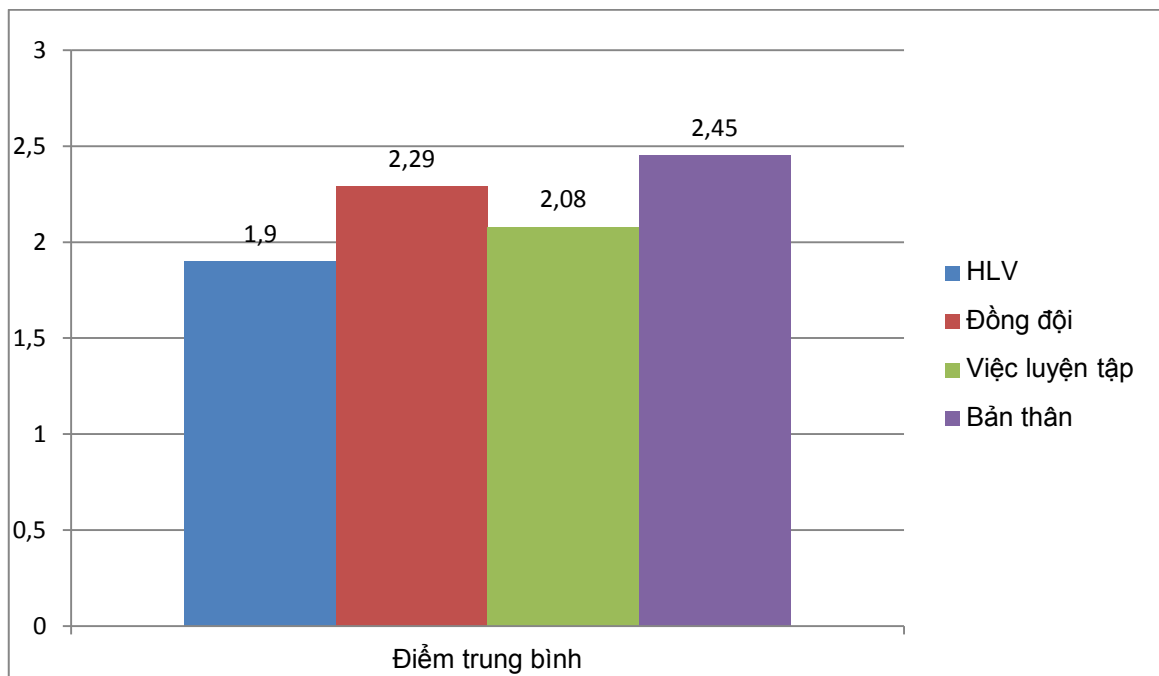
Giữa nhóm thái độ đối với huấn luyện viên và thái độ đối với việc luyện tập; thái độ đối với việc luyện tập và thái độ đối với bản thân, hệ số tương quan thấp ( $r$  lần lượt là 0.352 và 0.313).

Như vậy, có thể thấy, ở đội tuyển Taekwondo, những nhóm thái độ này mặc dù có sự liên kết nhất định, tuy nhiên sự liên kết này còn yếu và rời rạc.

### 2.1.6. *Đội tuyển Boxing*

**Bảng 2.12: DTB và DLC ở từng nhóm thái độ của đội tuyển Boxing**

|               | TĐ đ/v<br>HLV | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v việc<br>luyện tập | TĐ đ/v<br>bản thân |
|---------------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Trung bình    | 1.9           | 2.29               | 2.08                     | 2.45               |
| Độ lệch chuẩn | 0.22          | 0.33               | 0.25                     | 0.3                |
| Mức độ        | Khá tích cực  | Khá tích cực       | Khá tích cực             | Khá tích cực       |



**Biểu đồ 2.6: Điểm trung bình từng nhóm thái độ của đội tuyển Boxing**

Cũng tương tự đội tuyển Taekwondo, kết quả khảo sát cho thấy, các nhóm thái độ của đội Boxing đều ở mức khá tích cực, trong đó, điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm thái độ đối với bản thân (TB = 2.45). Có điểm trung bình thấp nhất là nhóm thái độ đối với huấn luyện viên (TB = 1.9), tuy thấp nhưng đây vẫn là điểm trung bình nằm ở mức khá tích cực. Còn lại, điểm trung bình của nhóm thái độ đối với việc luyện tập và nhóm thái độ đối với đồng đội lần lượt là 2.08 và 2.29.



Phân tích mối tương quan giữa 4 yếu tố, ta có hệ số tương quan như sau

**Bảng 2.13: Hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ ở đội tuyển Boxing**

|                       | TĐ đ/v<br>HLV | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v việc<br>tập luyện | TĐ đ/v<br>bản thân |
|-----------------------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| TĐ đ/v HLV            | 1             | 0.417 (**)         | 0.249                    | 0.275              |
| TĐ đ/v đồng đội       |               | 1                  | 0.638 (**)               | 0.584 (**)         |
| TĐ đ/v việc tập luyện |               |                    | 1                        | 0.281              |
| TĐ đ/v bản thân       |               |                    |                          | 1                  |

(\*\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.01$  (\*) Có ý nghĩa với  $\alpha = 0.05$

Kết quả khảo sát về hệ số tương quan giữa các nhóm thái độ của đội tuyển Boxing cho thấy có sự tương quan cao giữa nhóm thái độ đối với đồng đội và nhóm thái độ đối với việc tập luyện ( $r = 0.638$ ), điều này cho thấy có sự liên hệ khá chặt chẽ giữa hai nhóm yếu tố này.

Với hệ số tương quan  $r = 0.584$  (ở mức trung bình) cho thấy giữa nhóm thái độ đối với đồng đội và nhóm thái độ với bản thân có sự liên hệ nhất định.

## 2.2. Xem xét cụ thể từng nhóm thái độ trong mỗi đội tuyển

### 2.2.1. Nhóm thái độ đối với huấn luyện viên

#### Đội tuyển Muay

**Bảng 2.14: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với huấn luyện viên ở đội tuyển Muay**

|   | ĐTB  | ĐLC   | Mức độ       | Thứ hạng |
|---|------|-------|--------------|----------|
| Khi thi đấu, tôi tin tưởng hoàn toàn vào HLV                      | 1.23 | 0.426 | Rất tích cực | 1        |
| Phương pháp huấn luyện của HLV dễ hiểu                            | 1.40 | 0.497 | Rất tích cực | 2        |
| Chúng tôi vẫn tập luyện hiệu quả khi không có sự giám sát của HLV | 2.03 | 1.317 | Trung tính   | 11       |
| HLV của tôi có nhiều thành tích/huy chương đáng khâm phục         | 2.23 | 0.942 | Trung tính   | 12       |

Trên sàn đấu, khi chịu áp lực của nhiều yếu tố thì lòng tin vào sự chỉ đạo và chiến thuật của huấn luyện viên là yếu tố khá quan trọng quyết định đến thành tích khi thi đấu. Ở đội tuyển Muay, các vận động viên đặt lòng tin khá cao nơi huấn luyện viên, đặt biệt là khi thi đấu (điểm trung bình là 1.23, mức độ rất tích cực).

Yếu tố kế tiếp có điểm trung bình cao là sự dễ hiểu trong việc truyền đạt của người huấn luyện (TB = 1.40, mức độ rất tích cực). Yếu tố này cho thấy khả năng truyền đạt được các vận động viên đánh giá cao.

### **Đội tuyển Pencaksilat**

**Bảng 2.15: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với huấn luyện viên ở đội tuyển Pencaksilat**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi học hỏi nhiều kỹ thuật chuyên môn từ huấn luyện viên              | 1.39       | 0.493      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi trao đổi với HLV những rắc rối của mình trong quá trình luyện tập | 1.43       | 0.568      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi hài lòng với việc sắp xếp hạng cân/vị trí thi đấu của HLV         | 1.43       | 0.499      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi học được nhiều bài học về đạo đức, cách sống của HLV              | 1.43       | 0.499      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi trao đổi thoải mái với HLV về giáo án tập luyện                   | 2.29       | 0.803      | Khá tích cực  | 11              |
| Nếu không có HLV, chúng tôi không luyện tập hiệu quả                  | 2.43       | 1.126      | Khá tích cực  | 12              |

Kết quả khảo sát cho thấy, trong nhóm thái độ đối với huấn luyện viên, tất cả các ý kiến đều có mức độ nằm trong khoảng từ rất tích cực cho đến khá tích cực, không có ý kiến nào nằm ở mức trung tính hoặc tiêu cực. Trong đó, ý kiến “*Tôi học hỏi nhiều kỹ thuật chuyên môn từ HLV*” có thứ hạng cao nhất. Các huấn luyện viên của đội Pencaksilat hiện nay đều là những vận

động viên giỏi, có nhiều thành tích, sau khi đã hết tuổi thi đấu chuyển sang làm huấn luyện viên cho đội. Vì vậy, huấn luyện viên có kỹ thuật chuyên môn vững chắc, am hiểu những điểm đặc thù của bộ môn, không những thế, vì từng là vận động viên, từng tham gia tập luyện, thi đấu, nên các huấn luyện viên hiểu rõ trạng thái tâm lý, cũng như tâm tư, tình cảm, những khó khăn của một vận động viên.

Ngoài việc học hỏi kỹ thuật chuyên môn từ huấn luyện viên, những bài học đạo đức, cách sống, cách cư xử cũng là những điều mà vận động viên học được từ các huấn luyện viên. Ý kiến *“Tôi học được nhiều bài học về đạo đức, cách sống của HLV”* có mức độ rất tích cực và được xếp thứ hạng cao trong nhóm thái độ này. Những rắc rối, khúc mắc trong quá trình tập luyện cũng được các vận động viên trao đổi thẳng thắn, cụ thể với huấn luyện viên của mình.

Tuy nằm ở thứ hạng cuối cùng trong nhóm, nhưng ý kiến *“Tôi trao đổi thoải mái với HLV về giáo án tập luyện”* có mức độ khá tích cực. Quan sát một buổi tập luyện của đội, người nghiên cứu nhận thấy bầu không khí thoải mái, cởi mở. Mỗi vận động viên đều có sở trường, ưu điểm và khuyết điểm riêng. Với mỗi bài tập, các huấn luyện viên đều nói rõ bài tập này phù hợp với vận động viên nào, là bài tập sở trường của vận động viên nào... Các vận động viên khi có thắc mắc vấn đề về bài tập đều có thể thoải mái đặt câu hỏi và trao đổi thẳng thắn với huấn luyện viên. Anh L.T.C.Nguyên – huấn luyện viên đội tuyển Pencaksilat cho biết: *“Mỗi vận động viên, tùy thuộc vào kỹ thuật cá nhân, thể hình sẽ có sở trường và sở đoản riêng, phù hợp với những bài tập riêng biệt. Dù theo sát, hiểu rõ về vận động viên đến đâu thì huấn luyện viên cũng không thể chắc chắn bài tập mình đưa ra phù hợp đến mức độ nào. Vì vậy tạo bầu không khí thoải mái, giúp các em mạnh dạn trao đổi với ban huấn luyện là rất cần thiết. Có như vậy, chúng tôi mới có thể điều chỉnh bài tập, cường độ vận động cho phù hợp để đạt được kết quả tốt nhất.”*

Một vấn đề đáng lưu tâm là ý kiến “*Nếu không có huấn luyện viên, chúng tôi không luyện tập hiệu quả*”, với mức độ khá tích cực dù nằm ở vị trí cuối cùng trong nhóm thái độ đối với huấn luyện viên. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của huấn luyện viên trong mỗi buổi tập cũng như kết quả tập luyện của vận động viên, tuy nhiên, nó cũng mở ra một vấn đề là tinh thần tự giác, tính tích cực tập luyện của vận động viên. Quan sát một buổi tập vắng mặt huấn luyện viên, người quan sát nhận thấy toàn đội vẫn tập luyện đầy đủ, tự giác theo giáo án tập luyện, tuy nhiên, không khí buổi tập khá trầm, không hào hứng và khí thế so với những buổi tập có mặt huấn luyện viên.

### **Đội tuyển Judo**

**Bảng 2.16: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với huấn luyện viên ở đội tuyển Judo**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi học hỏi nhiều kỹ thuật chuyên môn từ HLV         | 2.77       | 1.784      | Trung tính    | 1               |
| Phương pháp huấn luyện của HLV dễ hiểu               | 2.95       | 1.618      | Trung tính    | 2               |
| Tôi trao đổi thoải mái với HLV về giáo án tập luyện  | 3.72       | 1.076      | Khá tiêu cực  | 11              |
| Nếu không có HLV, chúng tôi không luyện tập hiệu quả | 3.88       | 1.451      | Khá tiêu cực  | 12              |

Hai yếu tố giữ thứ hạng đầu trong nhóm thái độ đối với huấn luyện viên đều thuộc về năng lực chuyên môn, trong đó ở vị trí thứ 1 là ý kiến “*Tôi học hỏi nhiều kỹ thuật chuyên môn từ huấn luyện viên*” với điểm trung bình là 2.77. Yếu tố thứ hai là “*Phương pháp huấn luyện của huấn luyện viên dễ hiểu*” với điểm trung bình 2.95. Dù nằm giữ thứ hạng cao nhưng cả hai yếu tố này đều ở mức độ trung tính.

Đứng cuối bảng xếp hạng với mức độ Khá tiêu cực là ý kiến “*Nếu không có huấn luyện viên, chúng tôi không tập luyện hiệu quả*”, kết quả này phần nào cho thấy tính tự giác, tích cực trong luyện tập của vận động viên đội tuyển Judo. Tuy vậy, hiệu quả của việc tự tập luyện này còn phải kiểm chứng dựa trên thành tích cụ thể.

Xếp thứ hạng kế cuối với điểm trung bình 3.72 là ý kiến “*Tôi trao đổi thoải mái với huấn luyện viên về giáo án tập luyện*”. Ý kiến này có mức độ khá tiêu cực.

### **Đội tuyển Karatedo**

**Bảng 2.17: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với huấn luyện viên ở đội tuyển Karatedo**

|   | ĐTB  | ĐLC   | Mức độ       | Thứ hạng |
|---|------|-------|--------------|----------|
| Tôi trao đổi với huấn luyện viên những rắc rối của mình trong quá trình luyện tập | 2.09 | 0.946 | Khá tích cực | 1        |
| Huấn luyện viên của tôi luôn thực hiện tốt những động tác thị phạm                | 2.15 | 0.907 | Khá tích cực | 2        |
| Tôi thích những bài tập do huấn luyện viên đưa ra.                                | 3.45 | 1.381 | Khá tiêu cực | 11       |
| Tôi trao đổi với huấn luyện viên về giáo án tập luyện                             | 3.70 | 1.234 | Khá tiêu cực | 12       |

Trong đội tuyển Karatedo, các vận động viên trao đổi khá thoải mái với huấn luyện viên những rắc rối mà họ gặp phải trong quá trình luyện tập, đây cũng là ý kiến có thứ hạng cao nhất trong nhóm thái độ với huấn luyện viên với điểm trung bình 2.09, mức độ khá tích cực. Trao đổi về vấn đề này, huấn luyện viên trưởng đội tuyển Karatedo cho biết: “những rắc rối gây cản trở cho các em khá đa dạng, các em thường chia sẻ về những chấn thương khiến việc tập luyện bị cản trở, không thoải mái về mặt tâm lý, chưa hiểu rõ nội dung bài tập, ý đồ của huấn luyện viên... Với từng trường hợp, ban huấn luyện sẽ tiếp

thu ý kiến và cùng các em giải quyết những khúc mắc, nhằm duy trì cho các em tình trạng thể chất tốt nhất và tâm trạng thoải mái nhất để từng buổi tập có thể đạt hiệu quả tối đa.”

Xếp ở vị trí thứ hai và cùng có mức độ rất tích cực là ý kiến “*Huấn luyện viên của tôi luôn thực hiện những động tác thị phạm*”. Ngoài những năng lực và phẩm chất đặc thù phải có, việc thực hiện tốt các động tác thị phạm là một trong những yếu tố để huấn luyện viên nâng cao uy tín của mình trước các vận động viên.

Một vấn đề cần quan tâm là các vận động viên không thích những bài tập do huấn luyện viên đưa ra, việc trao đổi về giáo án luyện tập cũng không được thực hiện dễ dàng giữa huấn luyện viên và vận động viên. Đây là hai ý kiến đứng cuối cùng trong nhóm thái độ đối với huấn luyện viên. Hai ý kiến này đều có mức độ khá tiêu cực với điểm trung bình lần lượt là 3.45 và 3.70.

### ***Đội tuyển Taekwondo***

***Bảng 2.18: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với huấn luyện viên***

#### ***ở đội tuyển Taekwondo***

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Huấn luyện viên của tôi có nhiều thành tích huy chương đáng khâm phục             | 1.30       | 0.464      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi trao đổi với huấn luyện viên những rắc rối của mình trong quá trình luyện tập | 1.65       | 0.580      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi thích những bài tập do huấn luyện viên đưa ra                                 | 2.15       | 0.802      | Khá tích cực  | 11              |
| Tôi trao đổi thoải mái với huấn luyện viên về giáo án tập luyện                   | 2.60       | 1.128      | Khá tích cực  | 12              |

Kết quả điều tra ở đội tuyển Taekwondo về thái độ đối với huấn luyện viên cho thấy các ý kiến đều nằm ở mức độ khá tích cực cho đến rất tích cực,

không có ý kiến nào rơi vào các mức độ trung tính, khá tiêu cực hay rất tiêu cực. Trong đó ý kiến “*Huấn luyện viên của tôi có nhiều thành tích huy chương đáng khâm phục*” có thứ hạng cao nhất trong nhóm với điểm trung bình 1.30. Có thể thấy một sự khâm phục cao của vận động viên đội tuyển Taekwondo dành cho huấn luyện viên của mình. Sự khâm phục này nâng cao lòng tin nơi vận động viên, tạo ra môi trường tin cậy, mến mộ, góp phần cải thiện thành tích nơi vận động viên. Được biết, các thành viên trong ban huấn luyện đều là những vận động viên dày dặn kinh nghiệm, có thành tích ở đấu trường trong nước và quốc tế, nay hết tuổi vận động viên nên chuyển sang làm công tác huấn luyện. Huấn luyện viên trưởng đội tuyển Taekwondo chia sẻ: “Vận động viên thể thao có cá tính rất mạnh, nếu không phục thì họ sẽ không nghe theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của huấn luyện viên. Lối sống, cách cư xử, đạo đức... có rất nhiều yếu tố để tạo lòng tin, sự khâm phục nơi vận động viên, trong đó yếu tố chuyên môn và thành tích (năng lực) chiếm một vị trí khá quan trọng.”

### **Đội tuyển Boxing**

***Bảng 2.19: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với huấn luyện viên ở đội tuyển Boxing***

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi học hỏi nhiều kỹ thuật chuyên môn từ huấn luyện viên.               | 1.57       | 0.620      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi thấy mục tiêu thành tích mà huấn luyện viên giao cho tôi là vừa sức | 1.61       | 0.493      | Rất tích cực  | 2               |
| Huấn luyện viên của tôi có nhiều thành tích/huy chương đáng khâm phục.  | 2.02       | 0.683      | Trung tính    | 11              |
| Tôi trao đổi thoải mái với huấn luyện viên về giáo án tập luyện         | 2.80       | 0.582      | Trung tính    | 12              |

Ở đội tuyển Boxing, không có ý kiến nào trong nhóm thái độ đối với huấn luyện viên nằm ở mức độ khá tiêu cực hoặc rất tiêu cực. Có thứ hạng cuối cùng trong nhóm là ý kiến “Tôi trao đổi thoải mái với huấn luyện viên về giáo án tập luyện”, ý kiến này có điểm trung bình là 2.80 và được xếp vào mức độ trung tính.

### 2.2.2. Nhóm thái độ đối với đồng đội

#### Đội tuyển Muay

**Bảng 2.20: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với đồng đội ở đội tuyển Muay**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội                        | 1.23       | 0.426      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương                 | 1.23       | 0.426      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi thấy hài lòng với tất cả mọi người trong đội                  | 3.43       | 1.065      | Khá tiêu cực  | 14              |
| Tôi góp ý, chỉnh sửa nếu đồng đội thực hiện sai động tác, bài tập | 3.43       | 1.065      | Khá tiêu cực  | 14              |

Các thành viên trong đội tuyển Muay có thể nói chuyện vui vẻ, thoải mái với nhau, tuy nhiên việc góp ý và chỉnh sửa các sai sót cho nhau lúc luyện tập lại khá e dè. Đội tuyển Muay có 35 vận động viên ở cả 4 tuyển. Quy mô nhỏ với số lượng ít, do đó tất cả các vận động viên đều tập luyện chung một thời gian biểu. Sự chênh lệch về trình độ là nguyên nhân khiến các vận động viên không thể góp ý, chỉnh sửa về chuyên môn cho nhau.

Phòng vấn vận động viên T.T.A – tuyển năng khiếu trọng điểm, anh cho biết: “Tôi cũng hay trao đổi về động tác, chiến thuật, nhưng chỉ với các bạn ở cùng tuyển, với các anh chị ở tuyển trên, việc này không thoải mái cho



lắm. Dù sao họ cũng tập luyện lâu và có trình độ cao hơn mình. Ngoài chuyên môn thì mọi người lại trò chuyện với nhau khá thoải mái.”

### **Đội tuyển Pencaksilat**

**Bảng 2.21: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với đồng đội ở đội tuyển Pencaksilat**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương              | 1.32       | 0.471      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội                     | 1.46       | 0.631      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi nhận được nhiều sự hỗ trợ của đồng đội trong lúc tập luyện | 1.46       | 0.503      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội                    | 3.25       | 1.225      | Trung tính    | 14              |
| Tôi chia sẻ những bí quyết tập luyện riêng với đồng đội        | 3.46       | 0.873      | Khá tiêu cực  | 15              |

Thành tích của mỗi cá nhân trong đội đều được công nhận và đánh giá cao, mang lại sự tự hào chung cho các thành viên khác trong đội, ý kiến “*Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương*” có thứ hạng cao nhất trong nhóm này và có mức độ rất tích cực. Trong đội, các thành viên cũng “*nhận được nhiều sự hỗ trợ của đồng đội trong lúc tập luyện*”, đồng thứ hạng với ý kiến này là ý kiến “*Tôi nhận được nhiều sự hỗ trợ của đồng đội trong lúc tập luyện*”.

Ý kiến “*Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội*” nằm ở mức độ trung tính, xếp thứ hạng kế cuối trong nhóm. Mặc dù không thể mong muốn tất cả mọi thành viên đều hài lòng với nhau, tuy nhiên, trong quá trình tập luyện, sự hài lòng khiến các thành viên thoải mái và hợp tác tốt với nhau, giúp

cải thiện hiệu quả kết quả tập luyện. Do đó việc quan tâm nâng cao mức tích cực của yếu tố này là điều rất cần thiết.

Đứng cuối bảng xếp hạng của nhóm thái độ đối với đồng đội là ý kiến “*Tôi chia sẻ những bí quyết tập luyện riêng với đồng đội*” với mức độ khá tiêu cực.

### **Đội tuyển Judo**

**Bảng 2.22: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với đồng đội ở đội tuyển Judo**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi thấy đồng đội rất quan trọng  | 1.88       | 1.451      | Khá tích cực  | 1               |
| Bạn thân của tôi là người trong đội                                     | 1.93       | 1.203      | Khá tích cực  | 2               |
| Tôi có thể chia sẻ những bí quyết luyện tập riêng của mình với đồng đội | 3.56       | 1.053      | Khá tiêu cực  | 14              |
| Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội                             | 3.60       | 1.116      | Khá tiêu cực  | 15              |

Ý kiến giữ thứ hạng cao nhất trong nhóm thái độ là ý kiến “*Tôi thấy đồng đội rất quan trọng*” với điểm trung bình 1.88, được xếp vào mức độ khá tích cực. Liên kề đó và cũng có mức độ khá tích cực là ý kiến cho biết các vận động viên có bạn thân là người trong đội. Dù chưa thể đánh giá toàn diện, nhưng một cách khái quát có thể thấy sự gắn bó thân thiết cũng như tầm ảnh hưởng đến nhau giữa các thành viên trong đội tuyển Judo.

Được xếp vào mức độ khá tiêu cực với điểm trung bình 3.56, việc chia sẻ những bí quyết luyện tập riêng với các thành viên trong đội là ý kiến nằm ở thứ hạng kế chót trong nhóm thái độ này. Như vậy, sự chia sẻ giữa các thành viên còn chưa thật sự cởi mở, đặc biệt là trong vấn đề chuyên môn.

Đứng cuối bảng xếp hạng với điểm trung bình 3.60 (mức độ khá tiêu cực) là ý kiến “*Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội*”.

### **Đội tuyển Karatedo**

**Bảng 2.23: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với đồng đội ở đội tuyển Karatedo**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội              | 1.51       | 0.639      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương       | 1.55       | 0.748      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội             | 3.00       | 1.056      | Trung tính    | 14              |
| Tôi có cảm giác thoải mái khi ở giữa mọi người          | 3.00       | 1.240      | Trung tính    | 14              |
| Tôi chia sẻ những bí quyết luyện tập riêng với đồng đội | 3.09       | 1.213      | Trung tính    | 15              |

Ý kiến “*Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội*” có mức độ rất tích cực và là ý kiến có thứ hạng cao nhất trong nhóm thái độ này với điểm trung bình là 1.51. Tuy nhiên ý kiến cho biết *bản thân cảm thấy thoải mái khi ở giữa mọi người* lại đứng kế cuối bảng xếp hạng của nhóm thái độ này với điểm trung bình 3.00, mức độ trung tính. Tại sao có thể nói chuyện vui vẻ nhưng vẫn cảm thấy không thoải mái? Những nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng này và cách khắc phục? Đó là một vài vấn đề cần quan tâm tìm hiểu khi nghiên cứu về nội dung này.

Cùng mức độ rất tích cực và xếp ở vị trí thứ hai là ý kiến “*Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích huy chương*”. Ý kiến này có điểm trung bình 1.55, không cách biệt nhiều so với ý kiến có thứ hạng đầu tiên.

Ý kiến có thứ hạng cuối cùng trong nhóm này với mức độ trung tính là “Tôi chia sẻ những bí quyết luyện tập riêng với đồng đội”, như vậy, dù có thể nói chuyện vui vẻ, có thể tự hào về nhau nhưng với việc chia sẻ những bí quyết, những bài học riêng tư giữa các vận động viên còn khá e dè.

### **Đội tuyển Taekwondo**

**Bảng 2.24: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với đồng đội ở đội tuyển Taekwondo**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích, huy chương | 1.45       | 0.597      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội         | 1.55       | 0.986      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi thấy đồng đội rất quan trọng                   | 1.55       | 0.504      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi có cảm giác thoải mái khi ở giữa mọi người     | 3.10       | 1.008      | Trung tính    | 14              |
| Tôi thấy hài lòng với tất cả mọi người trong đội   | 3.25       | 1.149      | Trung tính    | 15              |

Kết quả khảo sát ở đội tuyển Taekwondo cho thấy, các ý kiến trong nhóm thái độ đối với đồng đội có mức độ từ trung tính cho đến rất tích cực, không có ý kiến ở mức độ tiêu cực và rất tiêu cực. Trong số đó, cảm giác “*tự hào khi đồng đội đạt thành tích, huy chương*” có thứ hạng cao nhất với điểm trung bình 1.45. Các vận động viên cũng cho biết họ “*nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội*” và “*thấy đồng đội rất quan trọng*”. Đây là hai ý kiến có cùng điểm trung bình là 1.55, và được xếp vào mức độ rất tích cực.

Hai ý kiến có thứ hạng cuối cùng lần lượt là “Tôi có cảm giác thoải mái khi ở giữa mọi người” – điểm trung bình 3.10 và “*Tôi thấy hài lòng với tất cả*

mọi người trong đội” – điểm trung bình 3.25. Cả hai ý kiến này đều được xếp vào mức độ trung tính.

### **Đội tuyển Boxing**

**Bảng 2.25: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với đồng đội ở đội tuyển Boxing**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương.             | 1.54       | 0.504      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi nhận được nhiều sự hỗ trợ của đồng đội trong lúc tập luyện | 1.63       | 0.610      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội                    | 2.87       | 1.310      | Trung tính    | 13              |
| Tôi biết rõ điểm mạnh, điểm yếu của đồng đội.                  | 2.87       | 1.128      | Trung tính    | 13              |
| Tôi chia sẻ những bí quyết luyện tập của mình với đồng đội     | 3.43       | 1.047      | Khá tiêu cực  | 15              |

Ý kiến cho biết “nhận được nhiều sự hỗ trợ của đồng đội trong lúc tập luyện” là ý kiến ở vị trí thứ hai trong nhóm thái độ này với mức độ rất tích cực (điểm trung bình là 1.63). Ở vị trí đầu tiên là ý kiến thừa nhận “*Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương*”. Ý kiến này cũng nằm ở mức độ rất tích cực với điểm trung bình là 1.54.

“*Tôi chia sẻ những bí quyết luyện tập của mình với đồng đội*” là ý kiến đứng cuối cùng trong nhóm thái độ này. Đây cũng là ý kiến duy nhất trong nhóm nằm ở mức khá tiêu cực với điểm trung bình là 3.43. Như vậy, dù các vận động viên vẫn hỗ trợ nhau trong việc luyện tập nhưng những mẹo, bí quyết, phương pháp riêng, đặc thù, hỗ trợ cho thành công và giúp định hình

phong cách của từng vận động viên lại là vấn đề tế nhị, không thể chia sẻ thoải mái.

Hai ý kiến kế cuối nằm ở mức độ trung tính và có điểm trung bình giống nhau 2.87 là những ý kiến cho biết “hài lòng với tất cả mọi người trong đội” cũng như “biết rõ điểm mạnh, điểm yếu của đồng đội”.

### 2.2.3. Nhóm thái độ đối với việc tập luyện

#### Đội tuyển Muay

**Bảng 2.26: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với việc luyện tập ở đội tuyển Muay**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>DLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tất cả các bài tập đều có ích cho tôi           | 1.17       | 0.382      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi chấp hành nghiêm túc những quy định của đội | 1.23       | 0.426      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi tập luyện thêm ngoài giờ tập chính thức     | 3.60       | 0.651      | Khá tiêu cực  | 11              |
| Nghĩ đến việc tập luyện tôi cảm thấy hào hứng   | 3.74       | 0.950      | Khá tiêu cực  | 12              |

Kết quả khảo sát cho thấy, đội tuyển Muay có sự chấp hành kỷ luật khá tốt, các vận động viên cũng nhận thức được hiệu quả của các bài tập đối với việc cải thiện thành tích của bản thân. Được biết, giáo án tập luyện của đội được thiết kế cẩn thận và khoa học, giáo án này được cập nhật điều chỉnh thường xuyên dựa trên nhật ký tập luyện và kết quả kiểm tra thành tích mỗi tháng của vận động viên, sự điều chỉnh linh hoạt này giúp nâng cao đáng kể hiệu quả của các bài tập.

Mặt khác, các vận động viên lại không mấy hào hứng khi nghĩ đến việc luyện tập cũng như không dành nhiều thời gian cho việc tự tập luyện thêm ngoài giờ tập chính thức.

Trao đổi về vấn đề này, ông T.T. Sơn - huấn luyện viên của đội tuyển Muay cho biết: “Lịch tập của đội khá dày và đều đặn. Các bài tập của mỗi buổi được thiết kế với khối lượng vận động vừa đủ, do đó, ngoại trừ các vận động viên đang trong giai đoạn ép cân, buộc phải tập luyện thêm khi gần tới ngày thi đấu, còn lại, ban huấn luyện chỉ khuyến khích các vận động viên tập luyện đầy đủ so với số buổi quy định và cố gắng hết mình trong từng buổi tập.”

### **Đội tuyển Pencaksilat**

***Bảng 2.27: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với việc luyện tập ở đội tuyển Pencaksilat***

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi chấp hành nghiêm túc những quy định của đội     | 1.57       | 0.499      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi tuân thủ giờ giấc tập luyện                     | 1.64       | 0.554      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi luôn cố gắng hết sức để hoàn thành từng bài tập | 1.64       | 0.616      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi rõ ràng về vị trí, vai trò của mình trong đội   | 3.39       | 1.246      | Trung tính    | 11              |
| Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hào hứng      | 3.61       | 0.867      | Khá tiêu cực  | 12              |

Kết quả khảo sát cho thấy, kỷ luật của đội tuyển Pencaksilat được duy trì khá tốt. Các ý kiến về việc “*chấp hành nghiêm túc những quy định*” cũng như “*tuân thủ giờ giấc tập luyện*” đều có mức độ khá tích cực và giữ thứ hạng đầu trong nhóm này.

Một ý kiến khác cũng có thứ hạng cao và ở mức độ khá tích cực là ý kiến “*Tôi luôn cố gắng hết sức để hoàn thành từng bài tập.*” Chị H.T.P.Em, huấn luyện viên đội tuyển Pencaksilat cho biết: “*Mỗi bài tập đều được thiết kế vừa sức, căn cứ trên khả năng chung của toàn đội. Ban huấn luyện luôn yêu cầu mỗi vận động viên phải cố gắng hết sức để hoàn thành bài tập, việc đó không chỉ giúp phát triển khả năng chuyên môn mà còn là cách luyện tập ý chí cho các vận động viên.*”

Ý kiến có vị trí cuối cùng trong nhóm này là “*Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hào hứng*”. Ý kiến này cũng được xếp vào mức độ khá tiêu cực. Phỏng vấn ba vận động viên ngẫu nhiên của đội tuyển Pencaksilat, người nghiên cứu được biết dù với các vận động viên việc đến đội rất vui, không khí tập luyện sôi nổi, khí thế cũng khiến các vận động viên khá hứng thú và hoàn thành bài tập tốt hơn nhưng đánh giá một cách chính xác, việc tập luyện khá mệt và vất vả, do đó khi nghĩ đến các bài tập, các vận động viên luôn có cảm giác uể oải thường trực.

### **Đội tuyển Judo**

**Bảng 2.28: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với việc luyện tập ở đội tuyển Judo**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi luôn cố gắng hết sức để hoàn thành từng bài tập    | 1.74       | 0.759      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi chấp hành nghiêm túc những quy định của đội        | 1.74       | 0.875      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi nhận thức rõ về vị trí, vai trò của mình trong đội | 3.56       | 0.983      | Khá tiêu cực  | 11              |
| Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hưng phấn        | 3.65       | 0.842      | Khá tiêu cực  | 12              |



Theo nhận xét của trung tâm đào tạo võ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (là nơi trực tiếp quản lý các bộ môn võ), đội tuyển Judo là một trong số ít các đội được đánh giá là có nội quy kỷ luật khá nghiêm khắc. Việc kết nối giữa huấn luyện viên và gia đình vận động viên trong vấn đề quản lý giờ giấc, lịch tập luyện, thi đấu... cũng được thực hiện khá tốt so với các đội khác. Sự thừa nhận từ chính các vận động viên về việc “*chấp hành nghiêm túc những quy định của đội*” khẳng định một lần nữa tính kỷ luật trong đội. Ý kiến này có điểm trung bình là 1.74, nằm ở vị trí thứ nhất và được xếp vào mức độ rất tích cực.

Có cùng điểm trung bình 1.74 là ý kiến “*Tôi luôn cố gắng hết sức để hoàn thành từng bài tập*”. Huấn luyện viên đội tuyển Judo cho biết, Judo phong trào ở thành phố Hồ Chí Minh phát triển khá mạnh, là môi trường đào tạo hiệu quả và giới thiệu nhiều gương mặt sáng giá cho đội tuyển. Mỗi hạng cân, ngoài vận động viên chủ công, luôn có sẵn từ 2 đến 3 vận động viên dự bị, do đó tính cạnh tranh rất cao. Nếu thành tích sụt giảm, lập tức có người thay thế. Vì vậy, tính tự giác trong tập luyện nhằm giữ vững phong độ, thành tích là yếu tố giúp các vận động viên trụ lại đội, không bị đào thải.

### **Đội tuyển Karatedo**

***Bảng 2.29: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với việc luyện tập ở đội tuyển Karatedo***

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi chấp hành nghiêm túc những quy định của đội | 2.09       | 1.229      | Khá tích cực  | 1               |
| Tôi tuân thủ giờ giấc tập luyện                 | 2.21       | 1.291      | Khá tích cực  | 2               |
| Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hưng phấn | 3.47       | 1.219      | Khá tiêu cực  | 11              |
| Tôi tập luyện thêm ngoài giờ tập chính thức     | 3.57       | 1.279      | Khá tiêu cực  | 12              |

Những khẳng định về việc “*chấp hành nghiêm túc những quy định của đội*” và “*tuân thủ giờ giấc tập luyện*” là những ý kiến chiếm giữ vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng với điểm trung bình lần lượt là 2.09 và 2.21, mức độ khá tích cực. Có thể thấy, việc chấp hành nội quy, giờ giấc là những yếu tố rất được chú trọng ở các môn thể thao nói chung và các môn võ nói riêng. Chị Phượng – huấn luyện viên đội tuyển Karatedo cho biết: “trong thể thao, chúng tôi luôn quan niệm ‘kỷ luật làm nên sức mạnh’. Để đạt được thành tích không phải là chuyện dễ dàng, phải có sức mạnh, sự kiên trì, ý chí... Những yếu tố kỷ luật, nội quy phần nào giúp trui rèn sự nghiêm túc, bền bỉ và ý chí nơi các em.”

Hay ý có thứ hạng cuối trong nhóm này là “*Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hưng phấn*” với điểm trung bình 3.47 và “*Tôi tập luyện thêm ngoài giờ tập chính thức*” với điểm trung bình là 3.57. Cả hai ý kiến này đều ở mức độ khá tiêu cực.

### **Đội tuyển Taekwondo**

**Bảng 2.30: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với việc luyện tập ở đội tuyển Taekwondo**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi luôn tuân thủ giờ giấc tập luyện              | 1.50       | 0.506      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi luôn cố gắng hết sức để hoàn thành bài tập    | 1.75       | 0.543      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi hiểu rõ về vị trí, vai trò của mình trong đội | 2.95       | 1.037      | Trung tính    | 11              |
| Nghĩ đến việc tập luyện tôi cảm thấy hào hứng     | 3.80       | 0.823      | Khá tiêu cực  | 12              |

Kết quả điều tra ở đội tuyển Taekwondo về nhóm thái độ đối với việc luyện tập cho thấy các ý kiến đa phần nằm ở mức độ từ trung tính cho đến rất tích cực. Chỉ có 1 ý kiến nằm ở mức khá tiêu cực với điểm trung bình là 3.80 (xếp thứ hạng cuối cùng trong nhóm này).

### **Đội tuyển Boxing**

**Bảng 2.31: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với việc luyện tập ở đội tuyển Boxing**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi hài lòng với chế độ lương thưởng              | 1.72       | 0.455      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi tuân thủ giờ giấc tập luyện                   | 1.74       | 0.612      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của đội | 1.74       | 0.444      | Rất tích cực  | 2               |
| Tôi rõ ràng về vị trí, vai trò của mình trong đội | 3.15       | 0.868      | Trung tính    | 11              |
| Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hưng phấn   | 3.87       | 0.687      | Khá tiêu cực  | 12              |

3 ý kiến đứng đầu tiên trong nhóm thái độ này đều nằm ở mức độ rất tích cực, trong đó, ý kiến cho biết “*hài lòng với chế độ lương thưởng*” có thứ hạng đầu tiên với điểm trung bình là 1.72. Hai ý kiến còn lại cho biết “*tuân thủ giờ giấc tập luyện*” và “*chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của đội*” xếp thứ hạng số hai với cùng điểm trung bình là 1.74.

Ý kiến cho biết “*Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy hưng phấn*” là ý kiến duy nhất trong nhóm nằm ở mức khá tiêu cực với điểm trung bình 3.87. Đây cũng là ý kiến có thứ hạng cuối cùng trong nhóm thái độ này.

#### 2.2.4. Nhóm thái độ đối với bản thân

##### Đội tuyển Muay

**Bảng 2.32: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với bản thân ở đội tuyển Muay**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Trong việc tập luyện, tôi đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân | 1.69       | 0.758      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi có mục tiêu rõ ràng về thành tích                         | 1.71       | 0.825      | Rất tích cực  | 2               |
| Trong đội, vị trí của tôi chẳng phải là duy nhất              | 3.66       | 0.639      | Khá tiêu cực  | 8               |
| Tôi thấy mình phù hợp với môn thể thao này                    | 4.51       | 0.507      | Rất tiêu cực  | 9               |

Trong nhóm thái độ đối với bản thân, việc tự đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân trong việc tập luyện và có những mục tiêu thành tích rõ ràng là hai yếu tố có thứ hạng cao trong nhóm này (đều ở mức độ rất tích cực). Các yếu tố này giúp vận động viên có điểm mốc vươn tới, có động cơ rõ ràng trong tập luyện và nó cũng có những tác động nhất định đối với việc tập luyện.

Một yếu tố khác đáng lưu tâm là vị trí cuối cùng của ý kiến “*Tôi thấy mình phù hợp với môn thể thao này*”, với mức độ rất tiêu cực. Muay là một bộ môn mới thành lập, hầu hết vận động viên trong đội hiện nay được mời và chiêu dụ từ các bộ môn khác về từ những ngày đầu mới thành lập, xuất thân khá đa dạng. Có vận động viên trước đó tập luyện các môn võ khác, cũng có vận động viên từ đội bóng đá, điền kinh... Các vận động viên được tuyển chọn dựa trên các tiêu chí có ngoại hình phù hợp với bộ môn, có tố chất và đam mê thể thao. Sau khi được tuyển chọn, các vận động viên mới được tìm

hiểu về bộ môn, luật, cách thức thi đấu, những bài tập đặc thù... Đặc điểm này phân nào lý giải cho mức độ *Rất tiêu cực* của ý kiến này.

### **Đội tuyển Pencaksilat**

**Bảng 2.33: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với bản thân ở đội tuyển Pencaksilat**

|   | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|---|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi có mục tiêu rõ ràng về thành tích                         | 2.00       | 0.603      | Khá tích cực  | 1               |
| Trong việc tập luyện, tôi đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân | 2.04       | 0.503      | Khá tích cực  | 2               |
| Trong đội, vị trí của tôi chẳng phải là duy nhất              | 3.68       | 0.765      | Khá tiêu cực  | 3               |
| Tôi thấy mình phù hợp với môn thể thao này                    | 4.07       | 0.806      | Khá tiêu cực  | 4               |

Việc “*đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân*” trong việc tập luyện có mức độ khá tích cực và thứ hạng cao trong nhóm. Bên cạnh đó, các vận động viên cho thấy bản thân *có mục tiêu rõ ràng về thành tích*. Trong quá trình tập trung trước mỗi giải đấu (thường khoảng 2 đến 3 tháng), song song với việc tập luyện, các huấn luyện viên cũng nghiên cứu lực lượng các đội bạn ở mỗi hạng cân. Từ yếu tố này kết hợp với năng lực và sự cải tiến thành tích của chính bản thân, huấn luyện viên và vận động viên có thể đưa ra mục tiêu thành tích cho từng hạng cân ở mỗi giải đấu.

## Đội tuyển Judo

**Bảng 2.33: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với bản thân ở đội tuyển Judo**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi thay đổi, kiểm chế mình để hòa đồng với tập thể  | 1.67       | 0.644      | Rất tích cực  | 1               |
| Tôi có mục tiêu rõ ràng về thành tích                | 1.74       | 0.693      | Rất tích cực  | 2               |
| Trong đội, vị trí hạng cân của tôi không là duy nhất | 3.19       | 1.006      | Trung tính    | 8               |
| Tôi thấy mình phù hợp với môn thể thao này           | 4.26       | 0.621      | Rất tiêu cực  | 9               |

Cũng như các môn khác, vận động viên của đội tuyển Judo cũng đặt ra mục tiêu khá rõ ràng về thành tích cho bản thân. Đây là yếu tố có mức độ rất tích cực, đứng thứ hai với điểm trung bình 1.74 trong nhóm thái độ này.

“*Tôi thay đổi, kiểm chế mình để hòa đồng với tập thể*” là ý kiến đứng thứ hạng cao nhất với điểm trung bình 1.67, mức độ rất tích cực. Huấn luyện viên đội tuyển Judo cho biết: “Thông thường, các em tập luyện thể thao có cá tính tương đối mạnh, để các em có thể tập luyện, hợp tác hài hòa thân ái với nhau, huấn luyện viên cần phải quan sát và can thiệp khéo léo, là người hòa giải các bất hòa, tranh chấp; là cầu nối gắn tinh thần đồng đội; và cũng chủ động quan sát, dùng các phương pháp riêng để khơi gợi bầu không khí tập luyện hăng say tập luyện nơi đội của mình.”

Hai ý kiến nằm ở vị trí cuối cùng trong nhóm thái độ này là “*Trong đội, vị trí hạng cân của tôi không là duy nhất*” và “*Tôi thấy mình không phù hợp với môn thể thao này*” với điểm trung bình lần lượt là 3.19 và 4.26.

## Đội tuyển Karatedo

**Bảng 2.34: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với bản thân ở đội tuyển Karatedo**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội                       | 2.25       | 0.830      | Khá tích cực  | 1               |
| Tôi góp ý chỉnh sửa nếu đồng đội thực hiện sai động tác, bài tập | 2.28       | 0.818      | Trung tính    | 2               |
| Bạn thân của tôi là người trong đội                              | 3.34       | 1.126      | Trung tính    | 8               |
| Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội                      | 3.62       | 1.244      | Khá tiêu cực  | 9               |

Các ý hỏi về thái độ đối với bản thân của vận động viên đội tuyển Karatedo hầu hết nằm ở mức trung tính, chỉ có ý kiến có thứ hạng đầu tiên nằm ở mức khá tích cực và ý kiến ở thứ hạng cuối cùng nằm ở mức khá tiêu cực. Cụ thể, ý kiến “*Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội*” có vị trí thứ đầu tiên và điểm trung bình là 2.25 và ý kiến “*Tôi hài lòng với tất cả mọi người trong đội*” giữ vị trí thứ 9 với điểm trung bình là 3.62.

## Đội tuyển Taekwondo

**Bảng 2.35: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với bản thân ở đội tuyển Taekwondo**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Trong việc tập luyện, tôi đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân. | 2.00       | 0.906      | Khá tích cực  | 1               |
| Tôi thay đổi, kiềm chế mình để hòa đồng với tập thể.           | 2.05       | 0.876      | Khá tích cực  | 2               |
| Trong đội, vị trí/hạng cân của tôi không phải là duy nhất.     | 3.45       | 1.085      | Khá tiêu cực  | 8               |
| Tôi thấy mình phù hợp với môn thể thao này.                    | 4.10       | 0.841      | Khá tiêu cực  | 9               |

Trong đội tuyển Taekwondo, khi tìm hiểu về thái độ đối với bản thân, ý kiến cho biết *đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân trong quá trình tập luyện và thay đổi, kiểm chế mình để hòa đồng với tập thể* là hai ý kiến có thứ hạng cao trong nhóm này với điểm trung bình lần lượt là 2.00 và 2.05. Vận động viên N.T.Anh cho biết: “Việc đặt ra các mục tiêu cụ thể cho từng giải đấu, từng đợt tập huấn, từng tháng, từng buổi tập là rất cần thiết. Nó giúp vận động viên cố gắng hết sức trong mỗi bài tập để vượt “ngưỡng”, từ đó mới có thể cải thiện thành tích. Tính cạnh tranh trong đội rất cao, nếu chệnh mảng và thiếu cố gắng, có thể bị thay thế dễ dàng.”

### **Đội tuyển Boxing**

**Bảng 2.36: Xem xét cụ thể nhóm thái độ đối với bản thân ở đội tuyển Boxing**

|  | <b>ĐTB</b> | <b>ĐLC</b> | <b>Mức độ</b> | <b>Thứ hạng</b> |
|--|------------|------------|---------------|-----------------|
| Tôi thay đổi kiểm chế mình để hòa đồng với tập thể                         | 1.87       | 0.619      | Khá tích cực  | 1               |
| Tôi sẽ thú nhận mình không muốn trả lời một vấn đề nào đó, thay vì nói dối | 2.11       | 0.605      | Khá tích cực  | 2               |
| Trong đội, vị trí hạng cân của tôi không là duy nhất                       | 2.72       | 1.109      | Trung tính    | 8               |
| Tôi thấy mình thích hợp với môn thể thao này                               | 4.07       | 0.854      | Khá tiêu cực  | 9               |

Ý kiến cho biết có sự thay đổi bản thân, “*kiểm chế mình để hòa đồng với tập thể*” là ý kiến có thứ hạng cao nhất với điểm trung bình là 1.87, mức độ khá tích cực. Được biết, Boxing là một môn có tính đối kháng khá cao, các đòn thế mạnh và độ sát thương, gây nguy hiểm lớn, do đó, sự bình tĩnh, kiểm chế là điều vận động viên luôn phải tâm niệm, ghi nhớ, có như vậy mới hạn



chế được những chấn thương nặng không đáng có cho đôi thủ, đồng đội và chính bản thân vận động viên. Anh Phạm Thanh Hải – huấn luyện viên đội tuyển boxing cho biết: “Khả năng kiềm chế, điềm tĩnh là điều ban huấn luyện luôn chú ý rèn luyện nơi vận động viên. Đức tính này không chỉ giúp các em tiến bộ trong việc tập luyện, tăng khả năng đạt thành tích trong thi đấu mà còn có ích cho các em trong các mối quan hệ giao tiếp ngoài sân tập.”

Ở vị trí cuối cùng là ý kiến “*Tôi thấy mình thích hợp với môn thể thao này*”. Đây là ý kiến duy nhất trong nhóm thái độ này được xếp vào mức độ khá tiêu cực với điểm trung bình 4.07. Điểm số này cách khá xa so với ý kiến có thứ hạng liền kề.

### 2.3. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý giữa các nhóm đối tượng

#### 2.3.1. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo giới tính

**Bảng 2.37: Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo giới tính**

| Giới | Điểm trung bình |  | Sig. (2 tailed) |
|------|-----------------|--|-----------------|
| Nam  | 2.24            |  | 0.000           |
| Nữ   | 2.43            |  |                 |

Kết quả nghiên cứu theo giới tính cho thấy có sự khác biệt trong bầu không khí tâm lý giữa nam giới và nữ giới. Mặc dù cũng ở mức độ khá tích cực, nhưng bầu không khí tâm lý ở nam giới (với điểm trung bình là 2.24) có phần tích cực hơn so với ở nữ giới (điểm trung bình 2.43). Với tỷ lệ 34.8% vận động viên nữ trên toàn mẫu nghiên cứu, có thể thấy, sự tham gia của vận động viên nữ trong hoạt động thể thao còn khá hạn chế. Tình trạng áp đảo của nam giới có thể là một trong các nguyên nhân khiến các bạn nữ thụ động và kém tự tin trong giao tiếp để xây dựng và duy trì các mối quan hệ trong đội. Bạn P.N.Phương Ngọc, vận động viên đội tuyển Taekwondo cho biết: “Đội tôi, các bạn nữ khá ít. Dù mọi người vẫn khá thoải mái và tự nhiên nhưng tình trạng thiếu cân đối giữa vận động viên nam và nữ cũng gây nên một số khó

khăn trong tập luyện, thi đấu và những hoạt động gặp gỡ ngoài giờ. Rất nhiều vấn đề phát sinh chỉ có thể chia sẻ giữa các bạn cùng giới, tuy nhiên chúng tôi lại có quá ít sự lựa chọn”.

### 2.3.2. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo tuyến

**Bảng 2.38: Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo tuyến**

| Thành phần           |                      | DLC   | Sig. |
|----------------------|----------------------|-------|------|
| Dự tuyến             | Dự bị tập trung      | 0.065 | 0.59 |
|                      | Năng khiếu tập trung | 0.075 | 0.45 |
|                      | Trọng điểm           | 0.066 | 0.89 |
| Dự bị tập trung      | Năng khiếu tập trung | 0.068 | 0.97 |
|                      | Trọng điểm           | 0.058 | 0.94 |
| Năng khiếu tập trung | Trọng điểm           | 0.070 | 0.79 |

Kết quả phân tích sâu Anova cho thấy khi xem xét theo yếu tố tuyến, không có sự khác biệt trong bầu không khí giữa các nhóm đối tượng này. Như vậy có thể thấy, vị trí và cấp bậc của các vận động viên không có nhiều ý nghĩa tác động đến bầu không khí tâm lý trong các đội tuyển. Dù có cấp bậc cao hay thấp, các vận động viên đều chịu ảnh hưởng của cùng một bầu không khí tâm lý như nhau.

### 2.3.3. Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo thành tích

**Bảng 2.39: Sự khác biệt về bầu không khí tâm lý theo thành tích**

| Thành phần         |               | DLC  | Sig. |
|--------------------|---------------|------|------|
| Chưa có thành tích | Cấp thành phố | .067 | .177 |
|                    | Cấp quốc gia  | .059 | .280 |
|                    | Cấp quốc tế   | .123 | .045 |
| Cấp thành phố      | Cấp quốc gia  | .055 | .946 |
|                    | Cấp quốc tế   | .122 | .415 |
| Cấp quốc gia       | Cấp quốc tế   | .118 | .250 |

Căn cứ vào thành tích mới nhất mà các vận động viên đạt được trong thời gian một năm (tính từ lúc thực hiện phiếu khảo sát trở về trước), người nghiên cứu đã chia mẫu thành 4 nhóm: nhóm vận động viên chưa có thành tích, nhóm vận động viên đạt thành tích cấp thành phố; nhóm vận động viên đạt thành tích cấp quốc gia và nhóm vận động viên đạt thành tích cấp quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa nhóm chưa có thành tích và nhóm đã đạt thành tích cấp quốc tế. Khi tìm hiểu cụ thể sự khác biệt này ở từng nhóm thái độ giữa hai đối tượng này, kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.40: Sự khác biệt cụ thể ở từng nhóm thái độ  
xem xét theo thành tích**

| Nhóm thái độ            | Điểm trung bình    |                    | Sig. (T-test) |
|-------------------------|--------------------|--------------------|---------------|
|                         | Chưa có thành tích | Thành tích quốc tế |               |
| Đối với huấn luyện viên | 2.39               | 1.64               | .003          |
| Đối với đồng đội        | 2.32               | 2.23               | .430          |
| Đối với việc luyện tập  | 2.37               | 1.89               | .007          |
| Đối với bản thân        | 2.59               | 2.65               | .668          |

Từ bảng trên có thể thấy, có sự khác biệt ý nghĩa giữa nhóm vận động viên chưa có thành tích và nhóm vận động viên có thành tích quốc tế. Sự khác biệt này nằm ở thái độ đối với huấn luyện viên và thái độ đối với việc luyện tập.

Một vấn đề đáng lưu ý đó là có sự khác biệt ý nghĩa khá rõ giữa nhóm vận động viên chưa có thành tích với các nhóm còn lại khi xem xét thái độ đối với việc luyện tập.

**Bảng 2.41: Sự khác biệt trong nhóm thái độ đối với việc luyện tập, xem xét theo thành tích**

| Nhóm thái độ đối với việc luyện tập |               | DLC  | Sig. Turkey |
|-------------------------------------|---------------|------|-------------|
| Chưa có thành tích                  | Cấp thành phố | .083 | .015        |
|                                     | Cấp quốc gia  | .073 | .033        |
|                                     | Cấp quốc tế   | .153 | .009        |
| Cấp thành phố                       | Cấp quốc gia  | .068 | .895        |
|                                     | Cấp quốc tế   | .151 | .400        |
| Cấp quốc gia                        | Cấp quốc tế   | .145 | .208        |

Trao đổi với huấn luyện viên các đội tuyển, được biết, những vận động viên chưa có thành tích thuộc vào ba nhóm:

1. Các vận động viên mới được tuyển vào, chưa quen với nhịp tập luyện của đội, chưa có kinh nghiệm thi đấu: Những vận động viên này dù có tố chất nhưng cần thêm thời gian để thích nghi và luyện tập. Nhiều vận động viên bắt nhịp khá nhanh chóng và theo kịp cường độ cũng như không khí tập luyện chung của đội, nhưng cũng có những vận động viên kém hơn và cần nhiều thời gian cũng như sự giúp đỡ từ huấn luyện viên và các đồng đội ở khoản này.
2. Những vận động viên đang điều trị chấn thương: Tùy vào mức độ và loại chấn thương, các vận động viên này cũng phải thực hiện các giáo án tập luyện phục hồi và tập luyện duy trì. Một số vận động viên gặp những chấn thương nặng, chưa có điều kiện chữa trị dứt điểm, tái phát nhiều lần thường rơi vào tình trạng chán nản, mất hứng thú đối với việc luyện tập.
3. Những vận động viên tập luyện thiếu hiệu quả, chưa đạt thành tích: Nhóm này là những vận động viên chưa hình thành được thái độ tập luyện tự giác, tích cực. Việc tập luyện chỉ mang tính đối phó, thiếu quyết tâm và ý

chí. Thông thường, nếu không cải thiện thái độ luyện tập, sau một thời gian sẽ bị đào thải.

## 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý

### 2.4.1. Chế độ tập luyện – đãi ngộ

Phân tích về tương quan giữa các yếu tố trong chế độ tập luyện – đãi ngộ với các mặt biểu hiện trong bầu không khí tâm lý của các đội tuyển, người nghiên cứu thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.42: Tương quan giữa chế độ tập luyện – đãi ngộ với từng nhóm thái độ**

| Nội dung                          | TĐ đ/v<br>HLV     | TĐ đ/v<br>đồng đội | TĐ đ/v việc<br>tập luyện | TĐ đ/v<br>bản thân |
|-----------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Lịch tập luyện                    | R = .100          | R = -.028          | <b>R = .135*</b>         | R = .052           |
|                                   | Sig = .099        | Sig = .647         | Sig = .026               | Sig = .393         |
| Sân bãi tập<br>luyện              | R = .022          | R = -.008          | R = -.001                | R = -.072          |
|                                   | Sig = .716        | Sig = .898         | Sig = .987               | Sig = .238         |
| Sự quan tâm của<br>ban huấn luyện | <b>R = .203**</b> | R = -.013          | <b>R = .263**</b>        | <b>R = -.120*</b>  |
|                                   | Sig = .001        | Sig = .826         | Sig = .000               | Sig = .047         |
| Sự quan tâm của<br>gia đình       | <b>R = .145*</b>  | R = .015           | <b>R = .290**</b>        | R = -.118          |
|                                   | Sig = 0.017       | Sig = .799         | Sig = .000               | Sig = .052         |

Có thể thấy, giữa các đặc điểm về chế độ đãi ngộ - tập luyện với từng phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý có sự tương quan khá thấp. Cụ thể:

- Giữa sự quan tâm của gia đình và thái độ đối với việc luyện tập là hai yếu tố có hệ số tương quan cao nhất trong nhóm này,  $R = .290$ . Tuy vậy, hệ số tương quan này vẫn nằm ở mức thấp (cận trung bình), cho thấy sự liên hệ không mấy chặt chẽ giữa các hai tố này.

- Sự quan tâm của ban huấn luyện và thái độ đối với bản thân có mối tương quan nghịch,  $R = -.120$ . Tuy nhiên, hệ số tương quan này ở mức khá thấp, không đáng kể.

- Những mối liên hệ còn lại thuộc về thái độ đối với việc luyện tập và sự quan tâm của ban huấn luyện và gia đình, hệ số tương quan lần lượt là  $R = .203$  và  $R = .145$ ; Thái độ đối với việc tập luyện với lịch tập luyện và sự quan tâm của ban huấn luyện, hệ số tương quan lần lượt là  $R = .135$  và  $R = .263$ . Các hệ số này đều nằm ở mức thấp và khá thấp, thể hiện mối liên hệ mờ nhạt, chưa rõ ràng giữa các yếu tố này.

#### **2.4.2. Sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong đội**

Phân tích về tương quan giữa các yếu tố trong sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong đội với các mặt biểu hiện trong bầu không khí tâm lý của các đội tuyển, người nghiên cứu thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.43: Tương quan giữa các yếu tố trong sự tương hợp tâm lý với từng nhóm thái độ**

| <b>Nội dung</b>                      | <b>Th.độ đ/v<br/>HLV</b>     | <b>Th.độ đ/v<br/>đồng đội</b>  | <b>Th.độ đ/v việc<br/>tập luyện</b> | <b>Th.độ đ/v<br/>bản thân</b>  |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|
| Sự giao tiếp giữa các vận động viên  | $R = .024$<br>Sig. = .692    | $R = .573^{**}$<br>Sig. = .000 | $R = .482^{**}$<br>Sig. = .000      | $R = .148^*$<br>Sig. = .014    |
| Đánh giá mức độ hiểu đồng đội        | $R = .049$<br>Sig. = .422    | $R = .213^{**}$<br>Sig. = .000 | $R = .211^{**}$<br>Sig. = .000      | $R = .206^{**}$<br>Sig. = .001 |
| Đánh giá mức độ đồng đội hiểu mình   | $R = -.121^*$<br>Sig. = .045 | $R = .224^{**}$<br>Sig. = .000 | $R = -.036$<br>Sig. = .555          | $R = .050$<br>Sig. = .410      |
| Đánh giá mức độ hiểu huấn luyện viên | $R = .110$<br>Sig. = .069    | $R = .135^*$<br>Sig. = .026    | $R = .197^{**}$<br>Sig. = .001      | $R = .101$<br>Sig. = .095      |

|   |                   |                   |                   |                   |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Đánh giá mức độ huấn luyện viên hiệu mình | R = .063          | <b>R = .146*</b>  | <b>R = .122*</b>  | <b>R = .240**</b> |
|   | Sig. = 303        | Sig. = .016       | Sig. = .043       | Sig. = 000        |
| Uy tín đội trưởng                         | <b>R = .229**</b> | R = .087          | <b>R = .236**</b> | R = .107          |
|   | Sig. = .000       | Sig.= .151        | Sig. = .000       | Sig. = 078        |
| Tính cách HLV                             | <b>R = .745**</b> | <b>R = .280**</b> | <b>R = .462**</b> | R = .095          |
|   | Sig. = .000       | Sig. = .032       | Sig. = .000       | Sig. = .116       |

Kết quả nghiên cứu cho thấy, ở tất cả các nội dung đều có những tương quan riêng lẻ, với các mức độ khác nhau đến các mặt biểu hiện của bầu không khí tâm lý. Cụ thể:

- Sự giao tiếp giữa các vận động viên trong đội với nhau ảnh hưởng đến thái độ đối với đồng đội, với việc tập luyện và với chính bản thân vận động viên. Trong đó, giữa việc giao tiếp và thái độ đối với đồng đội có mối hệ số tương quan cao nhất,  $R = .573$ , cho thấy sự tương quan chặt chẽ hơn giữa việc giao tiếp với nhóm thái độ này so với thái độ đối với việc tập luyện ( $R = .482$ ) và nhóm thái độ đối với bản thân ( $R = .148$ ). Giữa việc giao tiếp và thái độ đối với huấn luyện viên, không có sự tương quan.

- Sự thông hiểu lẫn nhau giữa các vận động viên có sự tương quan đến các mặt biểu hiện của bầu không khí tâm lý. Tuy nhiên, hệ số tương quan các mặt này chỉ ở mức thấp.

- Ngoại trừ, mối tương quan giữa thái độ đối với bản thân và việc vận động viên đánh giá mức độ huấn luyện viên hiệu họ có hệ số tương quan thấp ( $R = .240$ ), còn lại, sự thông hiểu giữa vận động viên và huấn luyện viên mặc dù cũng có mối tương quan đến nhiều mặt biểu hiện của bầu không khí tâm lý, tuy nhiên, các hệ số tương quan này nằm ở mức rất thấp ( $R$  nhỏ hơn 0.2).

- Uy tín của đội trưởng có sự tương quan ở mức thấp với thái độ đối với huấn luyện viên và thái độ đối với việc luyện tập, hệ số tương quan lần lượt là  $R = .229$  và  $R = .236$ .

- Tính cách của huấn luyện viên có sự tương quan ở mức cao đối với nhóm thái độ với huấn luyện viên,  $R = .745$ , thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa hai yếu tố trên. Đây cũng là hệ số tương quan cao nhất của nhóm này. Bên cạnh đó, tính cách của huấn luyện viên cũng ảnh hưởng đến thái độ đối với việc luyện tập, hệ số tương quan  $R = .462$  cho thấy mối tương quan ở mức trung bình. Giữa nhóm thái độ đối với đồng đội và tính cách của huấn luyện viên có mối tương quan ở mức thấp ( $R = .280$ ).

### **2.4.3. Đặc điểm tính cách của vận động viên**

Phân tích về tương quan giữa đặc điểm tính cách của vận động viên với các mặt biểu hiện trong bầu không khí tâm lý của các đội tuyển, người nghiên cứu thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.44: Tương quan giữa đặc điểm tính cách của vận động viên với từng nhóm thái độ**

| <b>Nội dung</b>                      | <b>Th.độ đ/v<br/>HLV</b>          | <b>Th.độ đ/v<br/>đồng đội</b>     | <b>Th.độ đ/v việc<br/>tập luyện</b> | <b>Th.độ đ/v<br/>bản thân</b>     |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| Đặc điểm tính cách của vận động viên | <b><math>R = .235^{**}</math></b> | <b><math>R = .645^{**}</math></b> | $R = .052$                          | <b><math>R = .487^{**}</math></b> |
|                                      | Sig. = .000                       | Sig. = .000                       | Sig. = .389                         | Sig. = .012                       |

Kết quả nghiên cứu cho thấy giữa đặc điểm tính cách của vận động viên và thái độ đối với đồng đội có sự liên hệ khá chặt chẽ, hệ số tương quan của hai yếu tố này ở mức cao,  $R = .645$

Kế tiếp là sự tương quan giữa nhóm thái độ đối với bản thân và đặc điểm tính cách. Với hệ số tương quan là  $R = .487$ , hai yếu tố này có sự tương quan ở mức độ trung bình.



Một yếu tố khác, cũng có sự tương quan với đặc điểm tính cách đó là nhóm thái độ đối với huấn luyện viên, tuy nhiên, hệ số tương quan  $R = .235$  thể hiện mức độ tương quan thấp. Qua đó có thể nhận định, có sự liên hệ không mấy chặt chẽ giữa hai yếu tố này.

Giữa thái độ đối với việc tập luyện và đặc điểm tính cách của vận động viên không có sự tương quan.

## **2.5. Một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao**

### **2.5.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp**

#### **2.5.1.1. Cơ sở lý luận**

Thứ nhất: Bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao là trạng thái tâm lý của tập thể, phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Nó được biểu hiện thông qua thái độ giữa các thành viên với nhau, thái độ với việc tập luyện, thi đấu và thái độ với chính bản thân từng thành viên trong đội tuyển. Các thái độ này chịu sự chi phối của hoạt động và giao tiếp. Mặt khác, với vận động viên, hoạt động lao động chủ đạo là tập luyện và thi đấu. Vì vậy, muốn tác động đến sự hình thành và phát triển bầu không khí tâm lý các đội tuyển, cần tác động đến các yếu tố liên quan đến việc tập luyện cũng như quá trình giao tiếp giữa các vận động viên.

Thứ hai: các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao bao gồm chế độ tập luyện – đãi ngộ; sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong đội và đặc điểm tính cách của vận động viên. Như vậy, việc tác động đến các yếu tố này góp phần vào việc điều chỉnh, xây dựng bầu không khí tâm lý theo hướng tích cực hơn.

#### **2.5.1.2. Cơ sở thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, mỗi đội tuyển thể thao lại hình thành bầu không khí tâm lý riêng biệt. Trong từng đội tuyển, các yếu tố cấu

thành bầu không khí tâm lý lại mang những đặc điểm riêng và có sự tương quan, tác động phức tạp đến nhau.

Bầu không khí tâm lý ở mỗi đội tuyển chịu sự tác động khác nhau bởi các yếu tố ảnh hưởng. Các yếu tố này tác động đến từng phần khác nhau trong cấu trúc bầu không khí tâm lý theo các mức độ riêng biệt khác nhau.

### ***2.5.2. Đề xuất một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao***

#### ***2.5.2.1. Các phương pháp cải thiện chế độ tập luyện – đãi ngộ***

1. Thiết kế lịch tập luyện khoa học, phù hợp sao cho vận động viên có đủ thời gian nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe sau mỗi buổi tập. Các bài tập đưa ra phải vừa sức theo hướng phát huy tối đa điểm mạnh và có phương án khắc phục điểm yếu.

2. Có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời với hình thức phù hợp cho các vận động viên đạt thành tích.

3. Có chế độ chăm sóc, quan tâm đến các vận động viên chấn thương, vận động viên giải nghệ vì chấn thương trong lúc luyện tập. Lập quỹ hỗ trợ với nguồn thu từ các doanh nghiệp và sự đóng góp của các vận động viên.

4. Có phương án hỗ trợ việc làm cho vận động viên hết tuổi thi đấu. Liên kết với các trường học, các công ty hỗ trợ đào tạo nghề cung cấp việc làm cho các vận động viên sau khi giải nghệ.

5. Tăng cường mối dây liên kết, tình cảm và sự tin tưởng giữa ban huấn luyện và gia đình vận động viên. Giúp gia đình hiểu và ủng hộ việc tập luyện của vận động viên.

#### ***2.5.2.2. Các phương pháp cải thiện mối quan hệ giữa các thành viên trong đội***

1. Tăng cường các hoạt động giao lưu như sinh nhật tập thể, tham quan, sinh hoạt dã ngoại... giúp các vận động viên trong đội có thêm thời gian vui chơi, gắn bó với nhau trong các hoạt động có giá trị gắn kết.
2. Lựa chọn đội trưởng có uy tín.
3. Tổ chức chương trình “1 kèm 1”: 1 vận động viên cũ, có thành tích, có kinh nghiệm tập luyện, thi đấu sẽ kèm cặp, hướng dẫn 1 vận động viên mới.
4. Mời huấn luyện viên tâm lý phụ trách các vấn đề tâm lý chung trong tập luyện, thi đấu cũng như tâm lý cá nhân của các vận động viên trong đội.

#### ***2.5.2.3. Các phương pháp tác động đến ý thức, tính cách của vận động viên***

1. Tổ chức cho vận động viên tham gia các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm; kỹ năng quản lý cảm xúc...
2. Phối hợp với các cơ sở, các tổ chức, đội, nhóm công tác xã hội thực hiện các chương trình thể thao vì cộng đồng. Tạo điều kiện cho các vận động viên tham gia vào các hoạt động tình nguyện, giúp đỡ cộng đồng,

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, có thể thấy, với mỗi đội tuyển thể thao sẽ tồn tại một bầu không khí tâm lý đặc trưng riêng biệt. 5/6 đội tuyển nghiên cứu đã hình thành bầu không khí tâm lý ở mức độ khá tích cực. Riêng đội tuyển Judo, bầu không khí tâm lý có mức trung tính.

Bầu không khí tâm lý được biểu hiện cụ thể thông qua các thái độ: với huấn luyện viên; với đồng đội; với việc luyện tập và với bản thân vận động viên. Mức độ tích cực trong từng nhóm thái độ này cũng khác nhau ở mỗi đội tuyển.

Không có sự khác biệt về bầu không khí tâm lý giữa các nhóm khi so sánh theo giới tính và theo tuyển. Khi so sánh theo thành tích, kết quả cho thấy có sự khác biệt trong bầu không khí tâm lý giữa các vận động viên chưa có thành tích và vận động viên đã có thành tích quốc tế.

Trong mỗi đội tuyển, những điều kiện về chế độ tập luyện – đãi ngộ, sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong đội và đặc điểm tính cách của vận động viên là những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của đội với những mức độ khác nhau.

Dựa trên cơ sở lý luận và căn cứ vào thực trạng, người nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp nhằm cải thiện, tăng tính tích cực của bầu không khí tâm lý các đội. Các biện pháp này tập trung vào việc cải thiện chế độ tập luyện – đãi ngộ; cải thiện mối quan hệ giữa các thành viên trong đội và tác động đến ý thức, tính cách của vận động viên.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Từ những nghiên cứu lý luận và thực tiễn về bầu không khí tâm lý một số đội tuyển thể thao tại thành phố Hồ Chí Minh, người nghiên cứu rút ra được các kết luận sau:

1. Đội tuyển thể thao là một tập thể với đầy đủ các điểm đặc trưng riêng biệt, được tập hợp và tổ chức theo những tiêu chuẩn riêng với kỷ luật chặt chẽ và nghiêm minh. Mỗi quan hệ giữa các vận động viên trong đội được xây dựng trên tinh thần đồng đội và liên kết với nhau nhằm thực hiện mục đích tập luyện và đạt được thành tích trong thi đấu thể thao. Bầu không khí tâm lý đội tuyển thể thao là trạng thái tâm lý chủ đạo của tập thể, phản ánh tính chất các mối quan hệ qua lại, sự tương tác và mức độ dung hợp giữa các thành viên trong tập thể. Nó được biểu hiện thông qua thái độ giữa các thành viên với nhau, thái độ với việc tập luyện, thi đấu và thái độ với chính bản thân từng thành viên trong đội tuyển.

2. Nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý một số đội tuyển thể thao tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, ngoại trừ đội tuyển Judo có bầu không khí tâm lý trung tính (TB = 2.75), bầu không khí tâm lý ở các đội tuyển còn lại đều ở mức khá tích cực. Cụ thể, đội Muay (TB = 2.00); đội Pencaksilat (TB = 2.12); đội Karatedo (TB = 2.56); đội Taekwondo (TB = 2.18) và đội Boxing (TB = 2.18). Trong đó:

- a. Ở đội tuyển Muay, các thành viên trong đội có thái độ rất tích cực đối với huấn luyện viên (TB = 1.64). Các nhóm thái độ còn lại đều ở mức khá tích cực, trong đó, nhóm thái độ đối với bản thân có điểm trung bình cao nhất (với TB = 2.54).
- b. Ở đội tuyển Pencaksilat, thái độ của vận động viên với huấn luyện viên rất tích cực. Hai nhóm thái độ đối với đồng đội và đối với việc luyện tập có

- mức độ khá tích cực. Thái độ đối với bản thân không tích cực lắm, chỉ ở mức trung tính.
- c. Với đội tuyển Judo, nhóm thái độ đối với huấn luyện viên ở mức khá tiêu cực. Thái độ đối với đồng đội được biểu hiện ở mức trung tính. Nhóm thái độ đối với việc luyện tập và đối với bản thân cùng ở mức khá tích cực.
  - d. Ở đội tuyển Karatedo cho thấy chỉ có nhóm thái độ đối với đồng đội nằm ở mức khá tích cực. Ba nhóm thái độ còn lại đều được xếp ở mức trung tính.
  - e. Với đội tuyển Taekwondo cả bốn nhóm thái độ đều ở mức khá tích cực, trong đó, điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm thái độ đối với bản thân. Điểm trung bình thấp nhất thuộc về nhóm thái độ đối với huấn luyện viên.
  - f. Cũng tương tự đội tuyển Taekwondo, các nhóm thái độ của đội Boxing đều ở mức khá tích cực, trong đó, điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm thái độ đối với bản thân và điểm trung bình thấp nhất là nhóm thái độ đối với huấn luyện viên.

3. Có sự khác biệt về bầu không khí tâm lý giữa vận động viên chưa đạt thành tích và vận động viên đạt thành tích quốc tế. Sự khác biệt này thể hiện rõ ở nhóm thái độ đối với việc luyện tập và nhóm thái độ đối với huấn luyện viên. Khi so sánh theo tuyến và giới tính, không thấy có sự khác biệt trong bầu không khí tâm lý giữa các nhóm này.

4. Về các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý, kết quả nghiên cứu cho thấy, giữa các đặc điểm về chế độ đãi ngộ - tập luyện với từng phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý có sự tương quan khá thấp. Hai yếu tố sự tương hợp tâm lý, và đặc điểm tính cách vận động viên có những tương quan riêng lẻ, với các mức độ khác nhau đến các mặt biểu hiện của bầu không khí tâm lý.

## 2. Kiến nghị

Từ cơ sở lý luận và kết quả nghiên cứu, người nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm giúp xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực trong các đội tuyển thể thao, tạo không khí tập luyện tích cực và hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả và thành tích trong tập luyện cũng như trong thi đấu.

### 2.1. Đối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

- Có sự quan tâm đồng đều, đầu tư cơ sở vật chất cho các đội tuyển thể thao.
- Có chế độ đãi ngộ phù hợp với vận động viên đang tập luyện; vận động viên đạt thành tích và vận động viên giải nghệ do chấn thương.
- Đẩy mạnh việc xã hội hóa thể thao, kêu gọi các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển thành tích cao. Tạo nguồn quỹ dồi dào cho các hoạt động hỗ trợ, hoạt động ngoại khóa.
- Hợp tác, liên kết với các ban ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các vận động viên sau khi giải nghệ.

### 2.2. Đối với ban huấn luyện các đội tuyển

- Nhận thức tầm quan trọng của việc hình thành bầu không khí tâm lý tích cực tại các đội tuyển. Biết được thực trạng bầu không khí tâm lý của đội tuyển mà mình quản lý. Đề ra những cách thức, biện pháp cải thiện, tăng sự gắn kết, tính tích cực giữa các thành viên trong đội.
- Đầu tư cơ sở vật chất, sân bãi và dụng cụ hỗ trợ cho việc tập luyện hiệu quả.
- Xây dựng chế độ đãi ngộ tốt với vận động viên. Quan tâm đến những vận động viên đã giải nghệ, đặc biệt là vận động viên nghỉ thi đấu vì chấn thương. Hỗ trợ, tạo cơ hội học tập tiếp hoặc việc làm cho các vận động viên sau khi giải nghệ.
- Khen thưởng kịp thời những vận động viên đạt thành tích trong thi đấu.

- Duy trì sự kết nối, liên hệ chặt chẽ với gia đình vận động viên.

### **2.3. Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện các đội tuyển**

- Chú trọng thiết lập các mối quan hệ giao tiếp gần gũi, cởi mở với các vận động viên. Tạo tâm thế thoải mái, tin cậy.
- Quan tâm đến đời sống, suy nghĩ, tình cảm của vận động viên trong việc luyện tập cũng như đời sống.
- Tích cực học hỏi, cải tiến phương pháp huấn luyện.
- Tự nâng cao khả năng, rèn luyện phẩm chất, phát triển bản thân để trở thành tấm gương cho vận động viên.

### **2.4. Đối với vận động viên**

- Chủ động, tích cực trong việc xây dựng mối liên hệ gắn bó, đoàn kết giữa các thành viên trong đội.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động chung cũng như đóng góp ý kiến, công sức trong những công việc chung, xây dựng tập thể.
- Ứng xử tích cực, cởi mở và tôn trọng với huấn luyện.
- Nỗ lực phấn đấu trong việc tập luyện, nâng cao thành tích tập luyện, thi đấu.
- Sắp xếp thời gian biểu khoa học. Cân đối hợp lý giữa việc luyện tập, thi đấu và những việc riêng khác.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.G. Kôvaliôp (1976), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Thị Bùng (2007), *Các thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách*, Nxb Đại học sư phạm.
3. Võ Thị Ngọc Châu (2002), *Nghiên cứu kiểu nhân cách, kiểu quan hệ liên nhân cách và ảnh hưởng của chúng tới bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên sư phạm*, Đề tài NCKH cấp trường, Đại học Sư phạm Tp.HCM
4. Nguyễn Đình Chinh, Phạm Ngọc Uyển (1998), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Chung Vĩnh Cao (1998), *Tìm hiểu ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo của hiệu trưởng đối với bầu không khí tâm lý tập thể sư phạm một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
6. Thái Trí Dũng (2004), *Tâm lý học quản trị và kinh doanh*, Nxb Thống kê.
7. Vũ Dũng (1995), *Tâm lý học xã hội và quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Vũ Dũng (2000), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Vũ Dũng (2007), *Giáo trình tâm lý học quản lý*, Nxb Đại học sư phạm,
10. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
11. Nguyễn Bá Dương (1999), *Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Fischer (1992), *Những khái niệm cơ bản của tâm lý xã hội*, Nxb Thế giới, Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, Hà Nội.
13. Gustave Le Bon (2008), *Tâm lý học đám đông*, Nxb Tri thức.

14. H.Hipsor, M.Phorvec (1984), *Nhập môn Tâm lý học xã hội Mác xít*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Phạm Mạnh Hà (2001), “Bầu không khí tâm lý xã hội và vai trò của nó đối với năng suất lao động trong tập thể sản xuất”, *Tạp chí Tâm lý học*, (5), tr.44-48.
16. Lê Thu Hà (2002), *Bầu không khí tâm lý và quan hệ của nó với kiểu loại nhân cách trong các nhóm lao động khác nhau*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục Hà Nội.
17. Nguyễn Minh Hải (2004), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong tập thể giáo viên trung học phổ thông tại thành phố Hạ Long – Quảng Ninh*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.
18. Phạm Thị Tiết Hạnh (2000), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể giáo viên trong một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Lê Thị Hân (1984), *Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên và vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong việc xây dựng bầu không khí tâm lý*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Thu Hiền (1999), *Mối quan hệ giữa uy tín của hiệu trưởng với bầu không khí tâm lý của tập thể sư phạm ở một số trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, Nxb Thống kê.
22. Trần Hiệp (1996), *Tâm lý học xã hội - Những vấn đề lý luận*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội

23. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2010), *Bầu không khí tâm lý một số lớp học tại trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và biện pháp cải thiện*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, ĐH Sư phạm TP HCM.
24. Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Quý (2007), *Những trải nghiệm tâm lý – Tập II, Trải nghiệm về nhân cách*, Nxb Đại học sư phạm.
25. Nguyễn Thị Huệ (2005), *Bầu không khí tâm lý tập thể và vai trò của nó đối với sự phát triển nhân cách học sinh THCS*, Tạp chí Tâm lý học, số 2/2005, trang 22-25.
26. Bùi Văn Huệ, Đỗ Mộng Tuấn, Nguyễn Ngọc Bích (1995), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Hà Nội.
27. Phạm Thị Thanh Hương (2010), *Huấn luyện tâm lý cho vận động viên – chìa khóa thành công của thể thao thành tích cao*, Tạp chí thể thao, tháng 9/2010
28. Đỗ Thị Hương (1983), *Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên sư phạm mẫu giáo và ảnh hưởng của nó tới tâm trạng cá nhân*, Luận văn Sau đại học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
29. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia.
30. Mai Hữu Khuê (1985), *Những khía cạnh tâm lý của quản lý*, Nxb Lao động, Hà Nội.
31. Đặng Phương Kiệt (2001), *Cơ sở tâm lý học ứng dụng*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
32. Lê Ngọc Lan (2000), “*Bầu không khí tâm lý gia đình và việc giáo dục trẻ em*”, *Tạp chí nghiên cứu giáo dục*, (346), tr.4-11.
33. Hoàng Mộc Lan (2005), *Tâm lý con người trong hoạt động quản lý*, Hà Nội.

34. Đào Thị Mai (2012), *Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên trường đại học Hải Phòng*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học KHXH & NV.
35. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (2010), *Thực trạng phong cách quản lý của hiệu trưởng ảnh hưởng lên bầu không khí tâm lý trong các trường trung học phổ thông tại thành phố Cần Thơ*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm TPHCM.
36. Đặng Thanh Nga (2008), *Thực trạng về bầu không khí tâm lý trong gia đình của người chưa thành niên phạm tội*, tạp chí Tâm lý học số 2/2008, trang 32–35.
37. Đào Thị Oanh (1996), *Tâm lý học xã hội*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
38. Đào Thị Oanh (2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, NXB Giáo dục
39. Đoàn Huy Oánh (2005), *Tâm lý Sư phạm*, Nxb Đại học quốc gia TpHCM.
40. Bùi Ngọc Oánh (1992), *Tâm lý học trong xã hội và quản lý*, Khoa Quản trị kinh doanh, Viện đào tạo mở rộng.
41. P.A.Rudich (1974), *Tâm lý học*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.
42. Roberts Feldman (2004), *Tâm lý học căn bản*, Nxb Văn hóa thông tin.
43. Nguyễn Xuân Thúc (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
44. Trần Trọng Thủy (1976), *Tâm lý học quản lý*, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
45. Trần Trọng Thủy (1992), *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
46. Trần Trọng Thủy (1996), *Tâm lý học lao động*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.

47. Nguyễn Xuân Thúc (2006), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học sư phạm.
48. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, Nxb Khoa học xã hội.
49. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Thống kê.
50. Ngô Anh Tú (2005), *Tài liệu giảng dạy tâm lý học thể thao*, Trường ĐH TDTT II, HCM.
51. Nguyễn Thị Thanh Vân (2012), *Bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường đại học An ninh nhân dân*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học sư phạm Tp.HCM.
52. Nguyễn Khắc Viện (1991), *Từ điển Tâm lý*, Nxb Ngoại văn Trung tâm nghiên cứu Tâm lý trẻ em, Hà Nội.
53. V. M. Sêpel (1985), *Tâm lý học trong quản lý sản xuất*, Nxb Lao động, Hà Nội.
54. Lê Văn Xem (2004), *Tâm lý học thể dục thể thao*, Nxb Đại học Sư phạm.

## PHỤ LỤC 1: Một số bảng xử lý số liệu - Phần mềm SPSS

### Case Processing Summary

|       |                       | N   | %     |
|-------|-----------------------|-----|-------|
| Cases | Valid                 | 273 | 100.0 |
|       | Excluded <sup>a</sup> | 0   | .0    |
|       | Total                 | 273 | 100.0 |

a. Listwise deletion based on all variables in the procedure.

### Reliability Statistics

| Cronbach's Alpha | N of Items |
|------------------|------------|
| .867             | 48         |

### gioitinh

|       |       | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|-------|-------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid | nam   | 178       | 65.2    | 65.2          | 65.2               |
|       | nu    | 95        | 34.8    | 34.8          | 100.0              |
|       | Total | 273       | 100.0   | 100.0         |                    |

### bomon

|       |           | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|-------|-----------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid | muay      | 35        | 12.8    | 12.8          | 12.8               |
|       | silat     | 56        | 20.5    | 20.5          | 33.3               |
|       | judo      | 43        | 15.8    | 15.8          | 49.1               |
|       | karate    | 53        | 19.4    | 19.4          | 68.5               |
|       | taekwondo | 40        | 14.7    | 14.7          | 83.2               |
|       | boxing    | 46        | 16.8    | 16.8          | 100.0              |
|       | Total     | 273       | 100.0   | 100.0         |                    |

### thanhtich

|       |         | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|-------|---------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid | 0       | 58        | 21.2    | 21.2          | 21.2               |
|       | vang_tp | 69        | 25.3    | 25.3          | 46.5               |
|       | bac_tp  | 135       | 49.5    | 49.5          | 96.0               |
|       | dong_tp | 11        | 4.0     | 4.0           | 100.0              |
|       | Total   | 273       | 100.0   | 100.0         |                    |

### nghenghiệp

|                     | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|---------------------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid chi tap luyen | 59        | 21.6    | 21.6          | 21.6               |
| THCS                | 86        | 31.5    | 31.5          | 53.1               |
| THPT                | 68        | 24.9    | 24.9          | 78.0               |
| DH                  | 47        | 17.2    | 17.2          | 95.2               |
| laodong             | 13        | 4.8     | 4.8           | 100.0              |
| Total               | 273       | 100.0   | 100.0         |                    |

**Report**

**TOTAL**

| bomon     | Mean   | N   | Std. Deviation |
|-----------|--------|-----|----------------|
| muay      | 2.0024 | 35  | .33017         |
| silat     | 2.1205 | 56  | .19294         |
| judo      | 2.7471 | 43  | .29324         |
| karate    | 2.5570 | 53  | .37286         |
| taekwondo | 2.1792 | 40  | .22757         |
| boxing    | 2.1689 | 46  | .21518         |
| Total     | 2.3056 | 273 | .37897         |

**Report**

| bomon     |                | A      | B      | C      | D      |
|-----------|----------------|--------|--------|--------|--------|
|           | Mean           | 1.6452 | 2.0686 | 1.8738 | 2.5397 |
| muay      | N              | 35     | 35     | 35     | 35     |
|           | Std. Deviation | .49149 | .36496 | .31205 | .35460 |
|           | Mean           | 1.7321 | 2.1738 | 2.0327 | 2.6667 |
| silat     | N              | 56     | 56     | 56     | 56     |
|           | Std. Deviation | .27557 | .25888 | .25360 | .41950 |
|           | Mean           | 3.4632 | 2.6729 | 2.3469 | 2.4496 |
| judo      | N              | 43     | 43     | 43     | 43     |
|           | Std. Deviation | .74253 | .50012 | .44800 | .39911 |
|           | Mean           | 2.7469 | 2.2340 | 2.6761 | 2.6834 |
| karate    | N              | 53     | 53     | 53     | 53     |
|           | Std. Deviation | .63338 | .46733 | .61077 | .50090 |
|           | Mean           | 1.8750 | 2.2800 | 2.0542 | 2.5833 |
| taekwondo | N              | 40     | 40     | 40     | 40     |
|           | Std. Deviation | .34125 | .33866 | .33363 | .33546 |
|           | Mean           | 1.8967 | 2.2870 | 2.0797 | 2.4541 |
| boxing    | N              | 46     | 46     | 46     | 46     |
|           | Std. Deviation | .22373 | .33226 | .24842 | .30073 |
| Total     | Mean           | 2.2393 | 2.2852 | 2.1978 | 2.5714 |

|                |        |        |        |        |
|----------------|--------|--------|--------|--------|
| N              | 273    | 273    | 273    | 273    |
| Std. Deviation | .81060 | .42208 | .47566 | .40509 |

**Correlations - Muay**

|   |                     | A      | B      | C      | D      |
|---|---------------------|--------|--------|--------|--------|
| A | Pearson Correlation | 1      | .724** | .609** | .490** |
|   | Sig. (2-tailed)     |        | .000   | .000   | .003   |
|   | N                   | 35     | 35     | 35     | 35     |
| B | Pearson Correlation | .724** | 1      | .857** | .605** |
|   | Sig. (2-tailed)     | .000   |        | .000   | .000   |
|   | N                   | 35     | 35     | 35     | 35     |
| C | Pearson Correlation | .609** | .857** | 1      | .577** |
|   | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   |        | .000   |
|   | N                   | 35     | 35     | 35     | 35     |
| D | Pearson Correlation | .490** | .605** | .577** | 1      |
|   | Sig. (2-tailed)     | .003   | .000   | .000   |        |
|   | N                   | 35     | 35     | 35     | 35     |

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

**Correlations - Silat**

|   |                     | A      | B      | C      | D     |
|---|---------------------|--------|--------|--------|-------|
| A | Pearson Correlation | 1      | .361** | .641** | .131  |
|   | Sig. (2-tailed)     |        | .006   | .000   | .336  |
|   | N                   | 56     | 56     | 56     | 56    |
| B | Pearson Correlation | .361** | 1      | .389** | -.154 |
|   | Sig. (2-tailed)     | .006   |        | .003   | .258  |
|   | N                   | 56     | 56     | 56     | 56    |
| C | Pearson Correlation | .641** | .389** | 1      | .266* |
|   | Sig. (2-tailed)     | .000   | .003   |        | .048  |
|   | N                   | 56     | 56     | 56     | 56    |
| D | Pearson Correlation | .131   | -.154  | .266*  | 1     |
|   | Sig. (2-tailed)     | .336   | .258   | .048   |       |
|   | N                   | 56     | 56     | 56     | 56    |

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

\* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

**Correlations - Judo**

|   |                     | A  | B     | C     | D    |
|---|---------------------|----|-------|-------|------|
| A | Pearson Correlation | 1  | .335* | -.285 | .127 |
|   | Sig. (2-tailed)     |    | .028  | .064  | .417 |
|   | N                   | 43 | 43    | 43    | 43   |



|   |                     |                   |       |                   |                   |
|---|---------------------|-------------------|-------|-------------------|-------------------|
| B | Pearson Correlation | .335 <sup>+</sup> | 1     | -.195             | -.044             |
|   | Sig. (2-tailed)     | .028              |       | .210              | .778              |
|   | N                   | 43                | 43    | 43                | 43                |
| C | Pearson Correlation | -.285             | -.195 | 1                 | .342 <sup>+</sup> |
|   | Sig. (2-tailed)     | .064              | .210  |                   | .025              |
|   | N                   | 43                | 43    | 43                | 43                |
| D | Pearson Correlation | .127              | -.044 | .342 <sup>+</sup> | 1                 |
|   | Sig. (2-tailed)     | .417              | .778  | .025              |                   |
|   | N                   | 43                | 43    | 43                | 43                |

\*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

#### Correlations – Karatedo

|   | A                   | B                  | C                  | D                  |                    |
|---|---------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| A | Pearson Correlation | 1                  | .149               | .404 <sup>**</sup> | .062               |
|   | Sig. (2-tailed)     |                    | .287               | .003               | .660               |
|   | N                   | 53                 | 53                 | 53                 | 53                 |
| B | Pearson Correlation | .149               | 1                  | .168               | .753 <sup>**</sup> |
|   | Sig. (2-tailed)     | .287               |                    | .229               | .000               |
|   | N                   | 53                 | 53                 | 53                 | 53                 |
| C | Pearson Correlation | .404 <sup>**</sup> | .168               | 1                  | .141               |
|   | Sig. (2-tailed)     | .003               | .229               |                    | .312               |
|   | N                   | 53                 | 53                 | 53                 | 53                 |
| D | Pearson Correlation | .062               | .753 <sup>**</sup> | .141               | 1                  |
|   | Sig. (2-tailed)     | .660               | .000               | .312               |                    |
|   | N                   | 53                 | 53                 | 53                 | 53                 |

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

#### Correlations - Taekwondo

|   | A                   | B                 | C                  | D                 |                    |
|---|---------------------|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| A | Pearson Correlation | 1                 | .108               | .352 <sup>+</sup> | .164               |
|   | Sig. (2-tailed)     |                   | .505               | .026              | .312               |
|   | N                   | 40                | 40                 | 40                | 40                 |
| B | Pearson Correlation | .108              | 1                  | .271              | .421 <sup>**</sup> |
|   | Sig. (2-tailed)     | .505              |                    | .091              | .007               |
|   | N                   | 40                | 40                 | 40                | 40                 |
| C | Pearson Correlation | .352 <sup>+</sup> | .271               | 1                 | .313 <sup>+</sup>  |
|   | Sig. (2-tailed)     | .026              | .091               |                   | .049               |
|   | N                   | 40                | 40                 | 40                | 40                 |
| D | Pearson Correlation | .164              | .421 <sup>**</sup> | .313 <sup>+</sup> | 1                  |
|   | Sig. (2-tailed)     | .312              | .007               | .049              |                    |

|   |    |    |    |    |
|---|----|----|----|----|
| N | 40 | 40 | 40 | 40 |
|---|----|----|----|----|

\*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

\*\*. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

### Independent Samples Test - gioitinh

|       | Levene's Test<br>for Equality of<br>Variances | t-test for Equality of Means |      |        |         |                     |                        |                          |  |         |
|-------|---|------------------------------|------|--------|---------|---------------------|------------------------|--------------------------|--|---------|
|       |   | F                            | Sig. | t      | df      | Sig. (2-<br>tailed) | Mean<br>Differen<br>ce | Std. Error<br>Difference | 95% Confidence Interval of the<br>Difference |         |
|       |   |                              |      |        |         |                     |                        |                          | Lower  | Upper   |
| TOTAL | Equal variances<br>assumed                    | 9.940                        | .002 | -4.230 | 271     | .000                | -.19766                | .04672                   | -.28964                                      | -.10567 |
|       | Equal variances<br>not assumed                |                              |      | -4.025 | 166.995 | .000                | -.19766                | .04911                   | -.29461                                      | -.10070 |

### Group Statistics

|       | gioitinh | N   | Mean   | Std. Deviation | Std. Error Mean |
|-------|----------|-----|--------|----------------|-----------------|
| TOTAL | nam      | 178 | 2.2368 | .34514         | .02587          |
|       | nu       | 95  | 2.4344 | .40684         | .04174          |

### ANOVA – theo tuyen

TOTAL

|                | Sum of Squares | df  | Mean Square | F    | Sig. |
|----------------|----------------|-----|-------------|------|------|
| Between Groups | .382           | 3   | .127        | .885 | .449 |
| Within Groups  | 38.682         | 269 | .144        |      |      |
| Total          | 39.064         | 272 |             |      |      |

### ANOVA – thanh tich

TOTAL

|                | Sum of Squares | df  | Mean Square | F     | Sig. |
|----------------|----------------|-----|-------------|-------|------|
| Between Groups | 1.225          | 3   | .408        | 2.902 | .035 |
| Within Groups  | 37.839         | 269 | .141        |       |      |
| Total          | 39.064         | 272 |             |       |      |

### Correlations – che do dai ngo – tap luyen

|   |                     | A      | B      | C      | D      | lichtap | sanbai | BHL    | giadin<br>h |
|---|---------------------|--------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|-------------|
| A | Pearson Correlation | 1      | .451** | .458** | .046   | .100    | .022   | .203** | .145*       |
|   | Sig. (2-tailed)     |        | .000   | .000   | .446   | .099    | .716   | .001   | .017        |
| N |                     | 273    | 273    | 273    | 273    | 273     | 273    | 273    | 273         |
| B | Pearson Correlation | .451** | 1      | .250** | .265** | -.028   | -.008  | -.013  | .015        |

|         |                     |        |        |        |        |        |        |        |        |
|---------|---------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
|         | Sig. (2-tailed)     | .000   |        | .000   | .000   | .647   | .898   | .826   | .799   |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |
| C       | Pearson Correlation | .458** | .250** | 1      | .247** | .135*  | -.001  | .263** | .290** |
|         | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   |        | .000   | .026   | .987   | .000   | .000   |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |
| D       | Pearson Correlation | .046   | .265** | .247** | 1      | .052   | -.072  | -.120* | -.118  |
|         | Sig. (2-tailed)     | .446   | .000   | .000   |        | .393   | .238   | .047   | .052   |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |
| lichtap | Pearson Correlation | .100   | -.028  | .135*  | .052   | 1      | .256** | .186** | -.108  |
|         | Sig. (2-tailed)     | .099   | .647   | .026   | .393   |        | .000   | .002   | .075   |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |
| sanbai  | Pearson Correlation | .022   | -.008  | -.001  | -.072  | .256** | 1      | .316** | .001   |
|         | Sig. (2-tailed)     | .716   | .898   | .987   | .238   | .000   |        | .000   | .983   |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |
| BHL     | Pearson Correlation | .203** | -.013  | .263** | -.120* | .186** | .316** | 1      | .360** |
|         | Sig. (2-tailed)     | .001   | .826   | .000   | .047   | .002   | .000   |        | .000   |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |
| giadinh | Pearson Correlation | .145*  | .015   | .290** | -.118  | -.108  | .001   | .360** | 1      |
|         | Sig. (2-tailed)     | .017   | .799   | .000   | .052   | .075   | .983   | .000   |        |
|         | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    | 273    |

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

\* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

#### Correlations – su tuong hop TL

|              |                     | A      | B      | C      | D      | gt_dongdoi | minh_hieuban |
|--------------|---------------------|--------|--------|--------|--------|------------|--------------|
| A            | Pearson Correlation | 1      | .451** | .458** | .046   | .024       | .049         |
|              | Sig. (2-tailed)     |        | .000   | .000   | .446   | .692       | .422         |
|              | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273        | 273          |
| B            | Pearson Correlation | .451** | 1      | .250** | .265** | .573**     | .213**       |
|              | Sig. (2-tailed)     | .000   |        | .000   | .000   | .000       | .000         |
|              | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273        | 273          |
| C            | Pearson Correlation | .458** | .250** | 1      | .247** | .482**     | .211**       |
|              | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   |        | .000   | .000       | .000         |
|              | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273        | 273          |
| D            | Pearson Correlation | .046   | .265** | .247** | 1      | .148*      | .206**       |
|              | Sig. (2-tailed)     | .446   | .000   | .000   |        | .014       | .001         |
|              | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273        | 273          |
| gt_dongdoi   | Pearson Correlation | .024   | .573** | .482** | .148*  | 1          | .149*        |
|              | Sig. (2-tailed)     | .692   | .000   | .000   | .014   |            | .014         |
|              | N                   | 273    | 273    | 273    | 273    | 273        | 273          |
| minh_hieuban | Pearson Correlation | .049   | .213** | .211** | .206** | .149*      | 1            |

|                 |      |      |      |      |      |
|-----------------|------|------|------|------|------|
| Sig. (2-tailed) | .422 | .000 | .000 | .001 | .014 |
| N               | 273  | 273  | 273  | 273  | 273  |

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

\* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

## PHỤ LỤC 2

### TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

### KHOA TÂM LÝ – GIÁO DỤC

#### PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN

Các bạn VĐV thân mến!

Nhằm nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong một số đội tuyển thể thao tại Tp.HCM, mong bạn vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu vào lựa chọn chính xác hoặc mô tả gần đúng nhất về bạn.

Rất mong sự hợp tác của các bạn.

#### I. Thông tin cá nhân

1. Giới tính:  Nam  Nữ

2. Độ tuổi: .....

3. Bộ môn: .....

4. Tuyển:

- Trọng điểm
- Dự bị tập trung
- Năng khiếu tập trung
- Năng khiếu trọng điểm

5. Thành tích trong vòng 1 năm trở lại đây

|                              | TOÀN THÀNH |     |     | TOÀN QUỐC |     |     |
|------------------------------|------------|-----|-----|-----------|-----|-----|
|                              | HCV        | HCB | HCD | HCV       | HCB | HCD |
| Giải trẻ                     |            |     |     |           |     |     |
| Giải vô địch                 |            |     |     |           |     |     |
| Giải Cup các câu lạc bộ mạnh |            |     |     |           |     |     |
| Giải mở rộng                 |            |     |     |           |     |     |

Giải khác (vui lòng ghi rõ tên, quy mô và thành tích): .....

.....

.....

6. Ngoài việc tập luyện, bạn còn:

Học THCS

Học THPT

Tại trường: .....

Học Đại học

Tại trường: ..... chuyên ngành: .....

Làm một công việc khác

Chỉ tập luyện, không học hoặc làm gì khác

**II. Hãy cho biết mức độ đồng ý của bạn đối với từng mục hỏi**

|                                |   | Rất<br>đồng<br>ý | Đồng<br>ý | Lưỡng<br>lự | Không<br>đồng<br>ý | Hoàn<br>toàn<br>không<br>đồng<br>ý |
|--------------------------------|---|------------------|-----------|-------------|--------------------|------------------------------------|
| <b>2.1 THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HLV</b> |   |                  |           |             |                    |                                    |
| 1                              | Tôi trao đổi với HLV những rắc rối của mình trong quá trình luyện tập |                  |           |             |                    |                                    |
| 2                              | Khi thi đấu, tôi tin tưởng hoàn toàn vào chỉ đạo của HLV              |                  |           |             |                    |                                    |
| 3                              | Tôi thích những bài tập do HLV đưa ra                                 |                  |           |             |                    |                                    |
| 4                              | Tôi hài lòng với việc sắp xếp hạng cân/vị trí thi đấu của HLV         |                  |           |             |                    |                                    |
| 5                              | Phương pháp huấn luyện của HLV dễ hiểu                                |                  |           |             |                    |                                    |
| 6                              | Tôi trao đổi thoải mái với HLV về giáo án tập luyện                   |                  |           |             |                    |                                    |

|    |   |  |  |  |  |  |
|----|---|--|--|--|--|--|
| 7  | HLV của tôi có nhiều thành tích/huy chương đáng khâm phục   |  |  |  |  |  |
| 8  | Tôi thấy mục tiêu thành tích mà HLV giao cho tôi là vừa sức |  |  |  |  |  |
| 9  | Tôi học hỏi nhiều kỹ thuật chuyên môn từ HLV                |  |  |  |  |  |
| 10 | Tôi học được nhiều bài học về đạo đức, cách sống từ HLV     |  |  |  |  |  |
| 11 | Nếu không có HLV, chúng tôi không luyện tập hiệu quả        |  |  |  |  |  |
| 12 | HLV của tôi luôn thực hiện tốt những động tác thị phạm      |  |  |  |  |  |

## 2.2 THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG ĐỘI

|   |   |  |  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|--|--|
| 1 | Tôi nói chuyện vui vẻ với bạn bè trong đội              |  |  |  |  |  |
| 2 | Tôi tự hào khi đồng đội đạt thành tích/huy chương.      |  |  |  |  |  |
| 3 | Ngoài giờ tập, chúng tôi thường xuyên đi chơi cùng nhau |  |  |  |  |  |
| 4 | Tôi có thể tập luyện dễ dàng với tất cả các bạn         |  |  |  |  |  |
| 5 | Tôi thấy không hài lòng với một vài người trong đội     |  |  |  |  |  |
| 6 | Bạn thân của tôi là người trong đội                     |  |  |  |  |  |
| 7 | Tôi nhận được nhiều sự hỗ trợ của                       |  |  |  |  |  |

|    |   |  |  |  |  |  |
|----|---|--|--|--|--|--|
|    | đồng đội trong lúc tập luyện  |  |  |  |  |  |
| 8  | Tôi góp ý, chỉnh sửa nếu đồng đội thực hiện sai động tác/bài tập    |  |  |  |  |  |
| 9  | Trong đội của tôi có những người khó chịu                           |  |  |  |  |  |
| 10 | Tôi không có cảm giác thoải mái khi ở giữa mọi người                |  |  |  |  |  |
| 11 | Tôi biết rõ điểm mạnh, điểm yếu của đồng đội                        |  |  |  |  |  |
| 12 | Trong đội, tôi có đối thủ cạnh tranh                                |  |  |  |  |  |
| 13 | Tôi có những bí quyết luyện tập riêng, không thể nói với người khác |  |  |  |  |  |
| 14 | Tôi vui khi mọi người đều tiến bộ                                   |  |  |  |  |  |
| 15 | Tôi thấy đồng đội rất quan trọng                                    |  |  |  |  |  |

### **2.3 THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆC LUYỆN TẬP**

|   |   |  |  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|--|--|
| 1 | Tôi tuân thủ giờ giấc tập luyện                     |  |  |  |  |  |
| 2 | Tôi luôn cố gắng hết sức để hoàn thành từng bài tập |  |  |  |  |  |
| 3 | Nghĩ đến việc tập luyện, tôi cảm thấy uể oải        |  |  |  |  |  |
| 4 | Tất cả các bài tập đều có ích cho tôi               |  |  |  |  |  |
| 5 | Tôi không “ăn gian” khi tập luyện                   |  |  |  |  |  |
| 6 | Tôi không tập luyện thêm ngoài giờ tập chính thức   |  |  |  |  |  |



|    |  |  |  |  |  |  |
|----|--|--|--|--|--|--|
| 7  | Tôi muốn tiếp tục làm việc liên quan đến chuyên môn khi hết tuổi thi đấu |  |  |  |  |  |
| 8  | Tôi thấy rất vui và thoải mái khi đến buổi tập luyện                     |  |  |  |  |  |
| 9  | Tôi hài lòng với chế độ lương, thưởng                                    |  |  |  |  |  |
| 10 | Sau mỗi bài tập, tôi cảm thấy kỹ thuật của mình được hoàn thiện dần      |  |  |  |  |  |
| 11 | Tôi mơ hồ về vị trí, vai trò của mình trong đội                          |  |  |  |  |  |
| 12 | Tôi chấp hành nghiêm túc những quy định của đội                          |  |  |  |  |  |

#### **2.4 THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI BẢN THÂN**

|   |   |  |  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|--|--|
| 1 | Ý kiến của tôi được đồng đội tôn trọng                        |  |  |  |  |  |
| 2 | Tôi có mục tiêu rõ ràng về thành tích                         |  |  |  |  |  |
| 3 | Tôi tự tin về khả năng chuyên môn của bản thân                |  |  |  |  |  |
| 4 | Trong việc tập luyện, tôi đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân |  |  |  |  |  |
| 5 | Tôi thấy mình không phù hợp với môn thể thao này              |  |  |  |  |  |
| 6 | Trong đội, vị trí/hạng cân của tôi là duy nhất                |  |  |  |  |  |
| 7 | Tôi thay đổi, kiểm chế mình để hòa                            |  |  |  |  |  |

|   |  |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|--|
|   | đồng với tập thể   |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tôi thích được người khác giúp đỡ trong mọi việc                           |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Tôi sẽ thú nhận mình không muốn trả lời một vấn đề nào đó, thay vì nói dối |  |  |  |  |  |  |

2.5 . Bạn hãy đánh dấu vào số phù hợp, trong đó: số 1 ứng với tập thể đội tuyển mà bạn thích nhất. Số 9 ứng với tập thể đội tuyển mà bạn không thích nhất. Tình cảm của bạn dành cho đội mình ở mức nào?

|          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>5</b> | <b>6</b> | <b>7</b> | <b>8</b> | <b>9</b> |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

2.6 Số 1 ứng với bầu không khí căng thẳng, không thân thiện. Số 9 ứng với bầu không khí thoải mái, tôn trọng, hỗ trợ lẫn nhau. Bầu không khí của đội tuyển bạn đang tập luyện ứng với số:

|          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>5</b> | <b>6</b> | <b>7</b> | <b>8</b> | <b>9</b> |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|

### III. Các yếu tố ảnh hưởng đến BKKTL

#### *Chế độ tập luyện - đãi ngộ*

1. Thời gian bạn tham gia tập luyện cùng đội

- Dưới 1 năm  
 Từ 1 – 3 năm  
 Từ 3 đến 5 năm  
 Trên 5 năm

2. Lịch tập luyện của bạn

|                    |          |          |          |          |          |          |          |
|--------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
|                    | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>5</b> | <b>6</b> | <b>7</b> |
| Số ngày trong tuần |          |          |          |          |          |          |          |
| Số buổi trong ngày |          |          |          |          |          |          |          |
| Khác               |          |          |          |          |          |          |          |

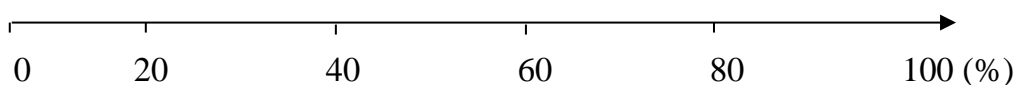
3. Lịch tập hiện nay với bạn là:

- Quá ít, bạn nghĩ nên tăng thêm thời gian luyện tập

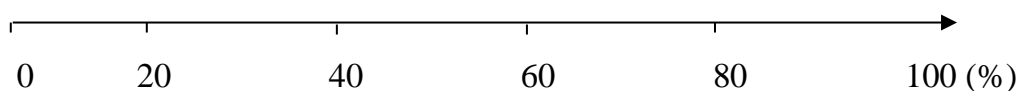
- Vừa sức
  - Quá nhiều, bạn theo không nổi
4. Sân bãi, dụng cụ tập luyện của đội trong tình trạng
- Rất tốt, được trang bị đầy đủ
  - Trung bình, nên cải thiện đôi chút
  - Rất tệ, cần trang bị mới nhiều
5. Mức độ quan tâm của ban huấn luyện đối với đội
- Rất quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi
  - Khá quan tâm
  - Bình thường
  - Ít quan tâm đến đội
  - Hoàn toàn không quan tâm
6. Thái độ của gia đình đối với việc luyện tập của bạn
- Rất quan tâm, ủng hộ
  - Quan tâm vừa phải
  - Bình thường
  - Ít quan tâm
  - Hoàn toàn không quan tâm, ủng hộ

***Sự tương hợp tâm lý***

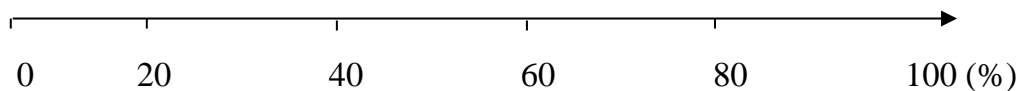
1. Uy tín của đội trưởng ở mức nào?
- Rất uy tín, được cả đội ủng hộ
  - Tương đối có uy tín, được phần đông ủng hộ
  - Uy tín trung bình, được một phần ủng hộ
  - Uy tín khá yếu
  - Mất uy tín, không được ai ủng hộ
2. Với bạn bè trong đội, bạn:
- Rất thích trò chuyện
  - Tương đối thích trò chuyện
  - Bình thường, giao tiếp xã giao
  - Không thích trò chuyện
  - Hoàn toàn không thích trò chuyện
3. Bạn hiểu đồng đội của mình đến mức nào?



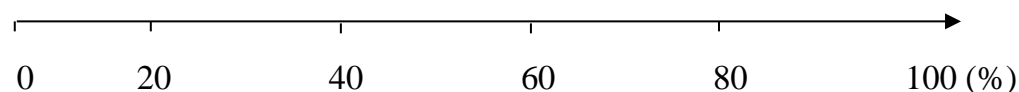
4. Bạn hiểu HVL của bạn đến mức nào?



5. Bạn cho rằng đồng đội **hiểu bạn** đến mức nào?



6. Bạn cho rằng HLV của bạn **hiểu bạn** đến mức nào?



7. Bạn thấy HLV của bạn là người

- Hoạt bát, sôi nổi, sáng tạo
- Bình thản, thông thả, ung dung
- Nóng nảy, hay cáu gắt
- Ưu tư, trầm tính

***Đặc điểm tính cách***

|   |  | <b>Có</b> | <b>Không</b> |
|---|--|-----------|--------------|
| 1 | Bạn thường bị lôi cuốn vào những ấn tượng mới mẻ hoặc phải tìm cảm xúc mạnh để giải khuây và làm cho mình phấn chấn lên. |           |              |
| 2 | Bạn thường xuyên cảm thấy cần có những người thân thiết để động viên và an ủi mình.                                      |           |              |
| 3 | Bạn là người vô tư, không bận tâm đến điều gì.   |           |              |
| 4 | Bạn thấy khó khăn khi phải từ bỏ những ý định của mình hoặc phải trả lời không với người khác.                           |           |              |
| 5 | Bạn cân nhắc suy tính trước khi hành động.   |           |              |
| 6 | Khi đã hứa làm một việc gì bạn luôn giữ lời hứa (bất kể lời hứa đó có thuận lợi cho mình hay không).                     |           |              |
| 7 | Bạn thường hay thay đổi tâm trạng, vui buồn lẫn lộn.   |           |              |

|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
| 8  | Bạn hay nói năng hành động một cách bột phát, vội vàng, không suy nghĩ.  |  |  |
| 9  | Có khi bạn cảm thấy mình là người bất hạnh mà không có nguyên nhân rõ ràng.  |  |  |
| 10 | Bạn không bao giờ phải lúng túng, ấp úng mà luôn sẵn sàng đối đáp với mọi nhận xét hoặc bất chấp tất cả để tranh cãi đến cùng. |  |  |
| 11 | Bạn cảm thấy rụt rè, ngượng ngùng khi muốn bắt chuyện với một bạn khác giới dễ mến mà bạn chưa quen biết.                      |  |  |
| 12 | Đôi lúc bạn nổi nóng, không tự kìm chế được.   |  |  |
| 13 | Bạn thường hành động do ảnh hưởng của một cảm xúc bùng bột.  |  |  |
| 14 | Bạn thường ân hận với những lời bạn đã nói, việc bạn đã làm mà lẽ ra không nên.  |  |  |
| 15 | Bạn thích đọc sách hơn là gặp gỡ mọi người.  |  |  |
| 16 | Bạn dễ phật ý.   |  |  |
| 17 | Bạn thích có những buổi gặp mặt bạn bè thân thiết.   |  |  |
| 18 | Thỉnh thoảng bạn có những ý nghĩ mà bạn muốn giấu không cho người khác biết.   |  |  |
| 19 | Đôi khi bạn cảm thấy mình đầy nghị lực nhiệt tình để làm mọi chuyện, nhưng cũng có lúc lại thấy hoàn toàn uể oải.              |  |  |
| 20 | Bạn thích có ít bạn, nhưng là những người bạn thân thiết.  |  |  |
| 21 | Bạn thường hay ước mơ.   |  |  |
| 22 | Bạn phản ứng lại ngay khi bị người ta quát tháo.   |  |  |
| 23 | Bạn thường day dứt khi thấy mình phạm sai lầm.   |  |  |

|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
| 24 | Tất cả những thói quen của bạn đều tốt và đúng đắn.  |  |  |
| 25 | Bạn vui đùa thoải mái, hết sức mình trong những dịp họp mặt bạn bè.                                    |  |  |
| 26 | Bạn tự hào rằng mình là một người nhạy cảm và dễ phản ứng.   |  |  |
| 27 | Mọi người luôn nói rằng bạn hoạt bát vui vẻ.   |  |  |
| 28 | Thường sau khi làm một công việc quan trọng gì đó, bạn lại có mặc cảm rằng đáng lý có thể làm tốt hơn. |  |  |
| 29 | Khi ở trong một tập thể đông người, bạn có khuynh hướng im lặng.                                       |  |  |
| 30 | Bạn cũng có lúc tán chuyện tào lao.  |  |  |
| 31 | Đã có lúc bạn không ngủ được vì suy nghĩ nhiều.  |  |  |
| 32 | Nếu muốn biết một điều gì đó, bạn thường tự đọc trong sách hơn là đi hỏi người khác.                   |  |  |
| 33 | Có lúc bạn thấy hồi hộp  |  |  |
| 34 | Bạn thích những công việc đòi hỏi sự chú ý thường xuyên.   |  |  |
| 35 | Bạn hay run sợ.  |  |  |
| 36 | Bạn sẽ không mua vé tàu/xe, nếu không có người soát vé.  |  |  |
| 37 | Bạn thấy khó chịu khi sống trong một tập thể mà mọi người hay giễu cợt nhau.                           |  |  |
| 38 | Bạn hay bực tức.   |  |  |
| 39 | Bạn thích những công việc phải hoàn thành gấp gáp.   |  |  |
| 40 | Bạn hồi hộp trước một sự việc mà bạn chưa rõ có xảy ra hay không.                                      |  |  |
| 41 | Bạn đi đứng ung dung thong thả.  |  |  |

|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
| 42 | Bạn đã từng trễ hẹn.   |  |  |
| 43 | Bạn hay thấy những cơn ác mộng.  |  |  |
| 44 | Bạn thích nói chuyện đến mức sẵn sàng nói chuyện với những người không quen biết.                      |  |  |
| 45 | Bạn có nỗi buồn khiến bản thân lo lắng.  |  |  |
| 46 | Bạn cảm thấy mình bất hạnh nếu như trong một thời gian dài không được tiếp xúc rộng rãi với mọi người. |  |  |
| 47 | Bạn tự thấy mình là người dễ xúc động, dễ phản ứng.  |  |  |
| 48 | Trong số những người quen, có người mà bạn không ưa thích một cách công khai.                          |  |  |
| 49 | Bạn thấy mình là người hoàn toàn tự tin.   |  |  |
| 50 | Bạn dễ phật ý khi mọi người chỉ ra những lỗi lầm của mình.   |  |  |
| 51 | Bạn cho rằng khó có được niềm vui thật sự trong một buổi liên hoan đông đúc.                           |  |  |
| 52 | Bạn khó chịu vì cảm giác thua kém người khác.  |  |  |
| 53 | Bạn có thể khuấy động, khiến cho không khí chung đang buồn tẻ trở nên sôi nổi.                         |  |  |
| 54 | Bạn thường hay nói về những điều mà bạn chưa hiểu kỹ.  |  |  |
| 55 | Bạn lo lắng về sức khỏe của mình.  |  |  |
| 56 | Bạn thích trêu chọc người khác.  |  |  |
| 57 | Bạn bị mất ngủ.  |  |  |

*Một lần nữa, rất cảm ơn sự hợp tác của bạn!*

### PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ HÌNH ẢNH QUÁ TRÌNH THU SỔ LIỆU





